

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Chủ tác: TRẦN THÁI-TÔNG HOÀNG ĐỀ
Dịch giả: Sa-môn THÍCH THANH KIỂM

KHÓA HƯ LỤC

TRỌN BỘ



THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH
ẤN HÀNH - PL. 2536 — 1992

TÔN AN VÀ PHÁT HÀNH
THƯỜNG LĨNH PHÁT KHOA THAM

Kinh Điển

THƯ VIỆN VAN HANG

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM



Chủ tác: TRẦN THẤT-TÔNG HOANG ĐẾ

Dịch giả: Sa-môn THÍCH THANH KIỂM

KHÓA HƯ LỤC

TRỌN BỘ



THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH
ẤN HÀNH — PL. 2536 — 1992

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH
Số 005035

4520

TỰA “ KHÓA HƯ LỤC ”

Bộ sách này có thể gọi là kinh “ Khóa Hư ” vì là cả một đời thực nghiệm về chân lý sinh tồn của tác giả. Tác giả là một vị vua khai sáng ra triều đại nhà Trần, oanh liệt nhất trong lịch sử dân tộc, ba phen đánh đuổi quân xâm lăng Mông Nguyên, từng chinh phục thế giới từ Á sang Âu “ đi đến đâu có không mọc lên được ”.

Nhà vua đã trải qua cuộc đời bi kịch, bỏ mẹ mất sớm, một mình đối phó với ông chú Phụ-chính, cùng với Thiên-Cực Công chúa bày mưu lập vợ Hối-Vương đang có mang lên thay Lý-Chiều-Hoàng vì Chiêu-Thành đã 20 năm chưa có con. Do đây mà Trần Liễu (An Sinh Vương) mất vợ, nổi loạn và Trần Thái Tông bắt nhân bỏ cung điện trốn vào núi An-Tư, hòng cầu Phật giáo để giải thoát. Đây chính là lời Trần Thái Tông viết :

“ Bây giờ ý chí của Trẫm đã nhất quyết. Hiệu Thiên-Ứng Chính-Bình thứ 5 (1245), năm Bình-Thần, đêm 3 tháng 4. Trẫm nhân mặc áo mỏng thường đi ra cửa cung, bảo tả hữu “ Ta muốn đi chơi, nghe trạm lời dân để xem nguyên vọng của chúng, họa may biết được sự khổ nhục của họ. Lúc ấy đi theo bên trẫm bất quá bảy tám người. Đêm đêm vào giờ Hợi, một mình một ngựa cưỡi lên ra đi. Khi đã qua sông Nhị, liền hướng phía đông mà tiến mới thật tinh báo cho tả hữu biết. Họ kinh ngạc, đều tra nước mắt khóc. Sáng hôm sau vào giờ Mão thì đến bên Đại-Tham chân núi Phổ-Lợi. Trẫm e có kẻ nhận biết, nên phải lấy vạt áo che mặt mà qua sông, rồi theo đường tắt lên núi. Đến rồi, vào nghỉ trong chùa Giác-Hạnh đại sáng lợi đã. Trèo lên vách đá, núi hiểm, suối sâu, ngựa

mặt không tiền được nữa. Trầm bèn bỏ ngựa, vịn vách đá mà đi. Đến giờ mùi mới tới An-Ti. Qua hóm sau, treo thừng lên đỉnh, vào ra mắt Quốc Sư Trúc-Lâm là vị đại Sa-môn ở đây.

Thầy Trầm Quốc Sư (Phù Văn) mừng hơn hờ thong thả nói: "Lão tăng ở núi rừng lâu, xương cứng, thịt gầy, ăn rau răm, nhai hạt dẻ, uống nước suối, vui thú cảnh rừng, nhẹ như mây nổi nên theo gió đến đây. Nay nhà Vua bỏ địa vị nhân chủ, nghĩ đến cảnh quê mùa rừng núi, hẳn có ý tìm hỏi điều gì mới tới đây?"

Trầm nghe Sư nói, hai hàng nước mắt tự nhiên khôn cầm, nhân mới đáp: "Trầm còn thọ đù, sớm mất hai thân; bỏ vợ đứng trên sãi dân, không nơi nương tựa. Nghĩ lại sự nghiệp của đế vương đời trước thịnh suy không thường, cho nên vào núi chỉ cầu làm Phật không cầu chi khác!" Sư đáp: "Núi vốn không có Phật. Phật ở nơi tâm người, tâm lặng mà biết ấy là chân Phật. Nay nếu nhà vua giác ngộ được tâm thì lập tức thành Phật không phải cầu tìm khó nhọc ở bên ngoài vậy" (Thiền Tông Chỉ Nam tự).

Đoạn văn đáp trên đây lời nói tự sự chính xác thành khẩn, không cho phép ta nghi ngờ không phải Trần Thái Tông đã bỏ ngôi đế vào núi cầu Phật tìm giải thoát cho nỗi lòng ưu phiền bị đày. Sư gia Ngô thời Sĩ đã nhận thức:

"Vua Thái Tông... làm ra sách "Khóa Hư Lục" miền cảnh sơn lâm, coi sống chết như nhau tuy ý từ gần với đạo Phật không tịch mà chí thì rộng xa cao siêu cho nên bỏ ngôi báu như trui dếp núi vậy". (Việt Sử Tiền An Q.111).

Thái độ hỷ xả của nhà vua thực là tinh túy của tôn giáo thực hiện.

Vì lẽ trường Thái-Độ với toàn thể quần thần gần cầu với nhất là lời khuyến chính đáng của Quốc Sư: "Phàm làm đấng nhân

quân phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn và tâm thiên hạ làm tâm. Nay thiên hạ muốn đôn nhả vua về cung, nhả vua không về sao được ? ”.

Và Trần Thái Tông phải trở về gương gương lên ngôi. Và ngài đã giặc ngộ khi đọc kinh “Kim Cương” đến câu : “Ưng Vô Sở Trụ Nhi Sinh Kỳ Tâm” (Nếu có cái tâm không chấp vào đâu cả). Chính với cái tâm minh ấy mà nhà vua đã nhất quán tam giáo : “Vị mình nhân vọng phàm tâm giáo, liễu đặc thể đồng ngộ nhất tâm !” (Chưa giặc ngộ thì làm phân biệt có ba giáo lý, hiểu thấu triết thì cùng giặc ngộ chỉ có một tâm linh).

Không những Thái Tông có tinh thần khai phóng. Ngài còn khoan nhân đại độ, đã khoan thứ cho Trần Liễu nổi loạn, anh em ôm nhau khóc trước mũi kiếm của Trần Thủ Độ, nên về sau Du Tông có thơ ca tụng :

Đường Việt khai cơ lưỡng Thái Tông

Đường xưng Trinh-Quán, ngã Nguyên-Phong

Kiên Thành chu tử, An Sinh tại

Miền hiệu tuy đồng dứt bãi đồng

(Nhà Đường, nước Việt mở nước có hai vua Thái Tông, Nhà Đường xưng là Trinh-Quán, Ta xưng là Nguyên-Phong; Kiên Thành, em Thê-Dân bị anh giết còn An Sinh là anh Thái Tông vẫn sống và được phong ấp. Tuy, đều Thái Tông mở nước nhưng không cùng có nhân đức).

Sau khi trình bày “Vietnamese Humanism (ở Đại-Học Hawaii năm 1957, có đăng ở Hawaii University Press, October 1959, January 1960) tôi có đưa cho D.T. SUZUKI danh tiếng về “ZEN” Nhật-Bản, ông ta đã hết sức ca tụng bộ sách “Khóa Hư” và tác giả của nó nhất lại là một nhà vua.

Sách " *KHOA SƯ* " được Hòa Thượng Thích Tâm Châu
Vinh-Nghiêm dịch lại đầy đủ, chú giải minh bạch, đáng là bộ kinh
Thật-Giáo Việt-Nam hiếm hoi của Tông-giáo thực hiện, một tập
đại-thành triết học tôn giáo thời gởi.

Nay tại

NGUYỄN BẢNG THỰC

T.P. Hà-Chí-Minh, ngày 4 tháng 6 năm 1962

KHÓA HƯ LỤC

QUYỂN THƯỢNG



Chê tác TRẦN THẮT-TÔNG HOANG-ĐẾ
Dịch giả Sa-môn THÍCH THANH KIÊM



THAI TÔNG HOÀNG ĐẾ NGƯ CHẾ

KHÓA HƯ LỤC



QUYỀN THƯỢNG

Vốn ví ! Bón đại ⁽¹⁾ đều không, năm uẩn ⁽²⁾ chẳng có.
Do không dấy vọng, vọng thành sắc, sắc tự chân không,
nên vọng từ không, không hiện vọng, vọng sinh các sắc.
Đã trái không sinh không hóa, nên mãi có hóa có sinh.
Không sinh hóa thời không hóa không sinh; có hóa sinh,
nên có sinh có hóa. Hoặc sinh thánh hiền, ngu trí; hoặc
hóa vầy cánh lông sừng. Luôn luôn rạt đám ở bến mê,
mãi mãi nổi chìm trong biển khổ. Lờ mờ mù mịt, nào
biết nào hay; lo lắng vội vàng, chẳng tỉnh chẳng ngộ.
Hết chỉ buông lòng trời khắp, đều không xô mũi kéo về.
Khiến đến qua lại sáu đường ⁽³⁾, xuống lên bốn núi.
Bốn núi là: sinh, lão, bệnh, tử. Nay lần lượt trình bày
bốn núi để lại đời sau :

KỆ BỐN NÚI

Tranh tranh bốn núi vạn cây rừng

Liền ngộ đều không vạn vật không

Ba cãng lừ kia mừng vương đó ⁽⁴⁾

Cởi lên thẳng tới đình non bằng.

Từ Sơn họ

Từ sơn liễu bích vạn thanh lung

Ngộ liễu đỏ vô vạn vật không

Hi đức tư nhi tam cuộc tại

Mịch kỳ đá sản thượng cao phong



Núi thứ nhất là tướng sinh.— Vì sai một niệm, nên hiện nhiều bề. Gờ hình hài nhờ tinh huyết mẹ cha, nuôi thai nghén nhờ âm dương hai khí. Trong tam tài ⁽⁵⁾ người đứng giữa, đối vạn vật loài rất thiêng. Chẳng kể kẻ trí người ngu, đều thuộc trong bào thai nghén ; hỏi chi một người trăm họ, cùng về lò bẻ (trời đất) nấu nung. Hoặc mặt trời nêu thánh chúa giáng sinh, hoặc các sao ứng tới hiện xuất hiện. Văn bút quét ngàn quân chiến địa, võ lược thu trăm trận công lao. Trai khoe ném quả bời dáng tươi ⁽⁶⁾, gái cậy nghiêng thành ⁽⁷⁾ vì vẻ đẹp. Thoạt cười, người mất nước ; cười tiếp kẻ nghiêng thành. Tranh đẹp khoe danh, ganh hay giành lạ. Xem ra vẫn vòng luân hồi, rớt cuộc cũng đường sinh hóa. Tướng sinh người ấy, năm là mùa xuân. Ba dương ⁽⁸⁾ mờ thêm vạn thái, muốn vật rục rừ màu tươi. Một trời trong sáng, nơi nơi liễu thắm hoa hồng ; muốn dặm phong quang, chốn chốn oanh kêu bướm lượn.

KỆ RÀNG :

Trời đất ⁽⁹⁾ nấu nung vạn vật thành
 Bàn lại không mỏng cũng không manh
 Bời sai có niệm quên vô niệm
 Nên trái không sinh chịu hữu sinh
 ... Mùi lưởi tham hương say đắm vị
 Mái tai ưa sắc chuộng âm thanh
 Phong trần khách nợ lang thang mãi
 Ngày vắng quê hương muốn dặm trình.

(Chân tế huân đào vạn tượng thành
 Bàn lại phi trệu hữu phi manh
 Chi sai hữu niệm vong vô niệm
 Khước bội vô sinh thụ hữu sinh
 Tị trước chư hương, thiết tham vị
 Nhân manh chủng sắc, nhi văn thanh
 Vinh vi lang đảng phong trần khách
 Nhật viễn gia hương vạn lý trình)



Núi thứ hai là tướng già.— Hình dung thay đổi, khí huyết suy vi. Dáng gầy tuổi cao, ăn uống mắc nghẹn. Mái xanh má đỏ, đổi thành tóc bạc da gà ; ngựa trúc áo hoa, lại thêm gậy cưu ⁽¹⁰⁾, xe côi ⁽¹¹⁾. Vì khiến Ly-Lâu ⁽¹²⁾ mắt sáng, nhìn sắc không rành ; Dầu rằng Sư-Khoảng tai thông ⁽¹³⁾ nghe tiếng chẳng biện. Tiều tụy như liễu bỏ thu tới, xác xơ tựa hoa cỏ xuân qua. Trời chiều sắp

gác non đồi, nước chảy róc về đông hải. Tương người già ấy, mùa hạ trong năm. Trời nóng nứt đá, làm muôn vật đều khô ; nắng gắt chảy vàng, khiến trăm sông hầu cạn. Hoa tàn liễu rụng, trong vườn bờ lạch há giữ lâu ; bướm lượn oanh bay, dưới lá dầu cành dâu nhón mái.

KỆ RĂNG

*Con người kiếp sống tựa phù du
Thọ yếu an bài nợ phải cầu
Cảnh giục nương dâu trời ngai tới
Thân như bô liễu tạm qua đầu (thư)
Chàng Phan ⁽¹⁴⁾ ngày ấy còn xanh tóc
Lã-Vọng ⁽¹⁵⁾ năm nay đã bạc đầu
Cuốn cuộn sự đời trôi chẳng đợi
Vàng ở góc núi nước xuôi trôi.*

(Nhân sinh tại thế như nước phù du
Thọ yếu nhân thiên mặc vọng cầu
Cảnh bức tang du tương hướng vân
Thân như bô liễu tạm kinh đầu
Thanh đầu tịch nhật Phan-Lang mãn
Bách biến dương niên Lã-Vọng đầu
Thế sự thao thao hờn bất cố
Tịch dương tây khứ thủy đông lưu)



Núi thứ ba là tướng bệnh.— Tuổi cao già yếu, tất

ngắm cao hoang ; Bốn chi mỗi mệt, mạch lạc khó thông; trấm đốt rã rời lạnh nóng chẳng thuận. Tĩnh chân thường đá mắt, nguồn điều xương cũng sai. Đứng ngồi khó khăn, cơ ruột đau khổ. Mạng tựa ngọn đèn trước gió, thân như bọt nước trên ao. Tâm sinh bóng quý lỗ nhỏ, mắt thấy hoa không lóm đóm. Hình hài gầy yếu, ai là Biền-Thước ⁽¹⁶⁾ thuốc hay ; dáng vóc suy vi, ai kẻ Lư-Nhân ⁽¹⁷⁾ chữa khỏi. Bận bề lương công thăm viếng, anh em uống sức phù-tri. Bệnh nặng thì nhiều tháng chẳng lành, cầm xoàng cũng hàng tuần chưa khỏi. Tương bệnh người ấy, mùa thu trong năm. Gặp lúc sương muối vừa rơi, tới kỳ cỏ cây đều héo. Xum xuê rừng rậm, gió thu một trận thấy lơ thơ ; biếng biếng non xanh, giọt móc mới sa thêm tro trụi.

KỆ RÀNG :

*Âm dương họa phúc vốn xoay vần
 Rao rắc tai ương tới thế nhân
 Đại đố có thân thì có bệnh
 Nhược bằng không bệnh cũng không thân
 Thuốc tiên nào thấy ai còn mãi
 Lương dược xem ra cũng hết xuân
 Sớm nguyện lánh xa ma cảnh giới
 Quay về tâm đạo dưỡng thiên chân*

(Âm dương khiến đức bản tương nhân
 Biền tác tai tuần cấp thế nhân
 Đại đố hữu thân phương hữu bệnh

Nhược hoàn vô bệnh đặc vô thân
 Linh đan mạn thác trường sinh thuật
 Lương dược nan linh bất tử xuân
 Tảo nguyên viễn ty ma cảnh giới
 Hồi lâm hướng đạo dương thiên chân)

Núi thứ tư là tướng tử.— Bệnh khi trăm trọng, mệnh mới cáo chung. Tuổi thọ mong hưởng hạn trăm năm, thân thể bỗng thành trong giấc mộng. Thông minh trí tuệ, khó tránh đại hạn đến ngày ; sức mạnh oai hùng, sao chổi vô thường khi tới. Vợ trinh thiệp thuận, bỗng thành đặc biệt đau thương; anh kính em hiền, vội phải trốn đời xa cách. Vật mình lăn đất, vỏ trán kêu trời. Tường vẽ, nhà rộng để làm chi, chứa ngọc chất vàng dùng gì nữa. Dạ đài ⁽¹⁸⁾ tới mật, luồng nghe gió bắc vi vu ; tuyền lộ ⁽¹⁹⁾ then cài, chi thấy mây sâu, âm đạm. Tướng tử người ấy, mùa đông trong năm. Càn Khôn ứng Thái-tuế trọn vòng ⁽²⁰⁾, nhật nguyệt hướng Huyền-hiệu hội tụ ⁽²¹⁾. Âm tinh cực thịnh, khắp trời mưa tuyết lại bay mù ; dương khí dần tan, nơi chôn nước ngưng thêm buốt lạnh.

KỆ RÀNG :

*Dồn dập cuồng phong khắp mọi nơi
 Ngạc óng say mê mặc thuyền trôi
 Bốn bề mây phủ màn đen kịt
 Một dải sóng gầm tiếng trống hồi
 Xoay chuyển ý ãm xe sấm động*

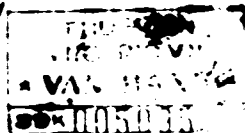
Tung bay sấm sập trận mưa rơi
 Tam thời bại cuốn chân trời sáng
 Đêm vắng trăng theo bóng nước soi

(Bài dâng cuồng phong quét địa sinh
 Ngũ ông tùy lý điều chu hoành
 Tú thủy vân hợp âm mai sắc
 Nhất phái ba phiên cổ động thanh
 Vô cước trên thối phiêu lịch lịch
 Lối xa luân chuyển nô oanh oanh
 Tam thời tràn lẫm thiên biên tinh
 Nguyệt lạc trường giang da kỷ canh)



CHÚ THÍCH :

- (1) Bốn đại : 1. Địa đại, 2. Thủy đại, 3. Hỏa đại, 4. Phong đại.
- (2) Năm uẩn : 1. Sắc uẩn, 2. Thọ uẩn, 3. Tưởng uẩn, 4. Hành uẩn, 5. Thức uẩn.
- (3) Sáu đường : 1. Trời, 2. Người, 3. A-tu-la, 4. Địa ngục, 5. Ngã quý, 6. Súc sinh.
- (4) Ba cổng lửa lửa : Dịch α chữ " Lư nhi tam cước " - Xuất xứ từ câu chuyện : Có vị Tăng hỏi Dương-Kỳ Thiên-Sư : Thế nào gọi là Phật? Thiên-sư đáp : " Con lửa ba cổng nhảy tung tung " (Tam cước lư nhi đề lộng hành). Vậy lư nhi tam cước là nhân cách hóa cho linh tính, Phật-tính hay bản lai diện mục.
- (5) Tam tài : Thiên, địa, nhân.
- (6) Ném quả : Sách Tấn, truyện Phan-Nhạc. Nhạc người rất đẹp trai, lúc thiếu thời, thường ôm đàn đi dạo đường phố Lạc-Dương ; phụ nữ gặp đều vây quanh, ném quả vào đẫy xe. Người sau nói về vẻ đẹp của thiếu niên phần nhiều dùng điển này.



(7) Nghiêng thành : Dịch ở chữ " Khuyñh quốc khuyñh thành ". Sách Hán chép : phương bắc có một giai nhân tuyệt đẹp mà vẫn ở một mình. Nữ nư cười đầu làm nghiêng thành người, nữ cười tiếp làm nghiêng nước người (nhất tiếu khuyñh nhân thành, tái tiếu khuyñh nhân quốc).

8) Ba dương nở thêm vận thái : Dịch ở chữ " Tam dương hành thái " cũng gọi " Tam dương giao thái ". Vì tam dương thuộc quẻ Càn ☰ có ba hào dương. Quẻ Càn thuộc tháng Giêng, lại giao với quẻ Thái ☱. Thái là quẻ hành thông, vì có " càn " ở dưới " khôn " ở trên, âm dương giao hòa, nên vận sự hành-thông. Tam dương hành thái cũng là lời chúc đầu xuân.

9) Trời đất : Dịch ở chữ " Chấn Tế ", nghĩa là tạo vật, chủ tế của trời đất (danh từ Đạo giáo).

10) Gậy Cừu : Gậy của người già, đầu gậy có khúc hình chim cừu.

11) Xe côi : Lưỡi cỏ bọc bánh xe để người già ngồi cho êm.

12) Ly-Lâu : Tên người, cũng gọi là Ly-Chu, người thời vua Hoàng-Đế, có con mắt sáng, nhìn xa ngoài trăm bước, mà thấy từng mây lông.

13) Su-Khoảng : Tên một nhạc sư đời Tần, thời Xuân-Thu, tên chữ là Tử-Dã, có thể nghe tiếng nhạc mà biết được cát, hung.

14) Chàng Phan : Tức Phan-Nhạc đời Tần.

15) Lã-Vọng : Còn gọi là Thái-Công-Vọng Lã-Thượng. Lã-Thượng người đất Đông-Hải thời nhà Chu, vốn là họ Khương, trước đó được phong Lã, nhân thế gọi là Lã-Thượng, tên chữ là Tử-Nha, hoặc Thái-công-vọng, quân-sư vua Văn-Vương đánh Trụ, diệt nhà Ân, có đại công bình định thiên hạ.

16) Biễn-Thước : Tên một danh y thời vua Hoàng-Đế.

17) Lư-Nhân : Cũng gọi là Biễn-Thước, một thầy thuốc giỏi, trị bệnh chân mạch, thầy xuất được ngũ tạng, họ Tần tên là Việt-Nhân. Thầy thuốc ở đất Lư, nên đời gọi là Lư-Y hoặc Lư-Nhân.

18) Dạ-đài : Tức là mộ-địa, mồ, tha ma.

19) Tuyền-đài : Cũng là phần mộ.

20) Thái-Tuế : Sao Thái-Tuế, cũng là tên nằng của Mộc-Tinh, cứ 12 năm xoay quanh mặt trời một vòng.

21) Huyền-Hiếu : Sao Huyền-Hiếu, ở phương bắc gồm một chòm sao : Hư, Ngụy, Nữ, Tử. Sao Hư ở chính bắc, phương bắc màu huyền nên gọi là Huyền-Hiếu. Hiếu cũng gọi là hao, có ý nghĩa hư hao, ngôi sao xấu. Lần lượt 12 sao ứng vào 12 tháng, là những tháng nhất nguyệt tụ hội. Sao Huyền-Hiếu ở tháng Tý tức tháng 11, tháng trong-dông.



NÓI VỀ SẮC THÂN

Mọi người lắng nghe ! Thân làm gốc khổ, chất là nghiệp nhân. Nếu tự lấy đó làm thực, tức là nhận giặc làm con. Người nên xem lại kỹ càng. Ngay sắc thân này, cái ngày chưa vào bào thai, ở đâu mà có ? Phải chăng đều do, nơi khởi động của vọng niệm, tụ hội của mọi duyên, hợp thành của ngũ uẩn. Thở mạo tạm sinh ra, hình dung mượn mà có. Quên chân, quên gốc ; hiện nguy, hiện hư. Hoặc gái hoặc trai, hoặc tốt hoặc xấu. Hết thấy thả lòng trôi khắp, đều không lui bước quay về. Rong ruổi trên đường từ sinh, bỏ mất bản lai diện mục ⁽¹⁾. Chi gương mặt nhận ngoại cảnh, chẳng ngoảnh đầu đoái nội tâm. Khi lại, sinh là hóa sinh ; nơi đến, trong mộng nói mộng. Nhấp nhổ cuộn cuộn, vối vã loay hoay. Lấy huyền làm chân, trái không theo sắc. Bộ xương khô điểm hoa cài ngọc, túi da bản ướp xạ xông hương. Cát the lụa bọc túi máu tanh, chế hột chuỗi đeo thùng phân thối. Trang điểm bề ngoài tuy vậy, cõi rẻ bên trong đều như. Chẳng biết tự thẹn việc này, lại cứ dắm yêu thể mãi. Tất cả mọi người : giống hết cơ quan con ròi, đều nhờ sợi chỉ kéo lôi. Lúc buông lúc thả giống chết rồi, kéo lại kéo đi như sống thật. Tự gây muôn điều so sánh, đều bởi sáu giác ⁽²⁾ tranh công. Chẳng lo già, bệnh, chết kẻ, chỉ tham rượu, sắc, của cải. Tranh nhau sừng sèn, đầu nặng, cam chịu khóa lợi xiềng danh. Ban ngày nhọc sức cầu may, trong đêm trở thành mơ mộng. Chưa góp nghiệp như như giếng, không dè tóc bạc tựa sương. Một mai mắc phải bệnh nguy, trăm năm trở thành giặc

mộng. Tâm can đau đớn, lại tựa oán thù. Da thịt suy vi, hết như ngã quý. Chỉ muốn cầu thân mệnh thọ, không hay hại vật sát sinh. Hầu mong kiếp sống tựa tùng cao, chẳng biết tư chi như nhà dột. Hồn phách tuy về ngã quý, thi hài còn ở nhân gian. Tóc, lông, răng, móng chưa hao mòn ; nhớt, dãi, bọt, hơi đã tuôn chảy. Thối nát thì trời máu trời mù, ô uế thì xông đất xông trời. Đen xạm chẳng dám nhìn, tím xanh thật dễ sợ. Đều cùng chết cả, bất luận nghèo giàu. Hoặc quàn trong nhà, thời trùng đẻ dòi sinh ; hoặc bỏ ra đường, thời chó nhai qua rĩa. Người đời đều bịt mũi mà bước, con hiếu phải lấy lòng dè che. Nhất cốt thu hài, chôn thây lấp xác. Quan quách dốt một mồi đã hóa, nắm đất táng muốn dặm hoang sơn. Thuở xưa tóc mượt má hồng, ngày nay tro tàn xương trắng. Khi mưa thấm ánh mây âm đạm, lúc gió sầu bóng nguyệt lơ mờ. Đêm tàn thời quý khóc than sầu, năm chảy thì trâu quàn ngựa xéo. Đom đóm lập lòe trong cỏ rậm, tiếng trùng rền rĩ ngọn bạch dương. Bia đá văn ghi nửa phủ rêu, tiêu phu mục đồng làm lối tắt. Dù người văn chương cái thế, hay kẻ tài sắc khuynh thành. Đến kỳ đầu có khác đường, rút cuộc cùng chung một nẻo. Mắt bị sắc lối về rừng kiếm, tai theo tiếng dẫn đến núi đao. Chớp mũi người hít khói hôi tanh, đầu lưỡi ngậm nuốt viên sắt nóng. Thân sợ nước đồng sôi gội tắm, ý ghê vạc lửa nấu chua cay. Trăm cái xuân thu ở nhân gian, chỉ một đêm ngày trong địa ngục. Ai người thông minh lanh lợi, kíp nên sớm liệu đời xem. Vươn mình nhảy thoát hổ tử sinh, búng tay xé

toang màn ân ái. Chẳng nề trai, chẳng nề gái, đều cũng không tu ; dù rằng trí, dù rằng ngu, hết đều có phận. Ví chưa đạt tâm Phật ý Tổ, hãy nương nhờ trí giới tụng kinh. Tới Phật cũng không, Tổ cũng không, còn giới nào trí, kinh nào niệm. Ở huyền sắc cũng gọi chân sắc, chỗ phạm thân cũng tựa Pháp-thân. Sáu giác làm sáu thân thông, hòa tám khổ⁽³⁾ làm tám tự tại. Tuy nói như thế. Nhưng người người đã vướng cái thân này, bỏ được thật muôn vàn khó. Nay các người ! Duy cái sắc thân này, làm thế nào để thoát, nên hãy nghe đây:

KỆ RĂNG :

Vô vị chân nhân khởi do ngẫu⁽⁴⁾

Hồng hồng trắng trắng chớ lờ nhưn

Ái hay mây cuốn trời quang đặng

Xanh biếc bại ngàn rừng núi sâu

(Vô vị chân nhân xích nhục đoàn

Hồng hồng bạch bạch mạc tương man

Thủy trí vân quyền trường không tình

Thủy lộ thiên biên nhất dạng san).



CHÚ THÍCH :

(1) Bản lai diện mục : Cũng gọi là bản-lai nhân. Tâm tính bản lai đầy đủ của mỗi người, do thiên nhiên tự có, không phải con người tạo ra.

(2) Sáu giác : Tức sáu căn là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Bóp xúc với sáu trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp làm rối loạn thân tâm, nên gọi là giác.

(3) Tâm khố : Sinh, Lão, Bệnh, Tử khố, Ai biệt ly khố, Oản táng hộ khố, Cầu bất đắc khố, Ngũ âm thịnh khố.

(4) Vô vị chân nhân khởi đồ ngẫu : Vô vị chân nhân là con người chân thật, không nương vào đẳng cấp, vượt cả phàm, thánh, mê, ngộ, trên, dưới, tức là người chân giải thoát. Người chân giải thoát này, không phải tìm đâu xa, mà ở ngay nơi sắc thân này, tức là khởi thế đồ ngẫu. (Chỉ cho nhục thể và tâm tạng). Lâm-Tế Thiên-Sư thượng đường nói : " Trên khởi thế đồ, có một vô vị chân nhân, thường thường ra vào từ cửa mắt của mọi người và các ông. Người chưa chứng cứ được hãy xem xem.

(Lâm-Tế thiên-sư thượng đường vân: xích nhục đoàn thượng hữu nhất vô-vị chân nhân, thường tàng như đẳng chư nhân điện môn xuất nhập, vị chứng cứ giả khán khán).



VĂN KHUYÊN PHÁT TÂM BỒ-ĐỀ

Ồi ! Vật quý nhất đời chi là vàng ngọc vậy. Song xét tới chỗ quan trọng, chỗ luyện tiết, lại không thể sánh bằng thân mạng. Ví như có nhà giàu sang, được người vờ làm đại-tướng, dùng vàng làm áo giáp hộ thân, đến lúc lâm chiến, khi gươm đao tiếp nhau, có lúc phải bỏ áo giáp kéo gươm mà chạy, chỉ mong bảo toàn tính mạng, áo giáp bằng vàng kia, đâu còn đoái hoài đến. Liền biết, cái quý trọng của vàng cũng không đủ so sánh với thân mạng chính là nghĩa đó. Người đời nay không thế, lại quý vật mà khinh thân. Họ không biết thân này có 3 điều khó gặp. Những gì là ba. 1.— Trong vòng lục đạo, duy con người là quý. Đến khi nhắm mắt qua đời, tới tam mờ mịt, chẳng biết chỗ đi về đâu. Hoặc vào đường địa ngục, A-tu-la hay ngã quỷ, súc sinh, chẳng được làm người, đó là điều khó gặp thứ nhất. 2.— Đã được làm người, hoặc lại sinh vào chốn man-di, tầm cùng khúc sông, ngủ cùng giường nệm, tôn ty lẫn lộn, trai gái sống chung, chẳng được gió nhân, không thuận Thánh hóa, đó là điều khó gặp thứ hai. 3.— Tuy được sinh nơi văn-hóa nhưng sáu căn chẳng đủ, bốn thể không toàn, mù điếc ngọng câm, gù khom khắp khiêng, miệng mũi hôi thối, thân hình nhóp nhөр, thấy chẳng cùng gần, chúng không thích tới. Tuy ở chỗ văn minh cao độ, nhưng khác gì ngoài chốn hoang-vu, đó là điều khó gặp thứ ba. Nay đã được làm người, được sinh nơi trung-tâm văn-hóa, lại sáu căn đầy đủ, thật đáng quý thay. Phạm người ở đời, chỉ bon chen đường danh lợi,

thương tổn tinh thần, một nhọc thể xác, bỏ phần cao quý nơi thân mạng mình, theo cái đáng khinh nơi của cái họ, chẳng khác gì như kẻ ăn bánh quên vợ, ngậm cơm quên mẹp⁽¹⁾. Tuy nói thân này là quan trọng, nhưng vẫn chưa quan trọng bằng chí đạo. Nên Khổng-tử nói : " Buổi sớm được nghe đạo, chiều có chết cũng vui"⁽²⁾. Lão-tử nói : " Ta sở dĩ có cái lo lớn, vì ta có thân"⁽³⁾. Đức Thế-Tôn khi cầu đạo thì bỏ thân cứu bỏ. Há chẳng phải đều là chỗ khinh thân trọng đạo của ba bậc Thánh-nhân đó sao? Than ôi ! Cái quan-trọng của thân mạng còn nên bỏ để cầu đạo vô-thượng bồ-đề, nữa là phần đáng khinh nơi vàng bạc của báu mà lại luyến tiếc ư ! Ôi ! Trong ấp mười nóc nhà, còn có người trung tín⁽⁴⁾, lẽ nào tất cả ở đời, há lại không có người thông-minh sáng suốt hay sao ? Hãy nghe theo lời ấy, nên chăm lo tu học, chớ có nghi ngờ. Trong kinh nói : " Một khi mất thêm người, muôn kiếp khó trừ lại. Thật đau đớn xiết bao ! Thế nên Khổng-Tử nói : " Người mà không chịu làm, ta chẳng biết làm sao được ".

Ôi ! xét cho rõ : Trăm năm ánh sáng, trong một sát-na; bốn đại huỷ thân, đâu hay lâu dạng. Trọn ngày ruộng rong nghiệp thức⁽⁵⁾, quanh năm dấm dưới trần-lao⁽⁶⁾. Không biết một tính viên-minh, chỉ theo sáu căn tham dục. Giàu sang nhất mực, khó tránh 2 chữ vô thường ; công danh nhất đời, chẳng thoát một trường đại mộng. Tranh nhân tranh ngã, rốt cuộc thành không. Khoe giỏi khoe hay, đều là chẳng thật. Gió lửa tiêu tan bao già trẻ, núi khe rửa nát mấy anh hùng. Mái xanh chưa mấy, tóc bạc vội lán dần ; kẻ mừng vừa đi, người viếng len

chân tới. Một bao máu mù, chuỗi năm luyện tiếc
 Ân-tình ; bầy thước xương khô; rông rờ tham lam của
 báu. Thờ ra khôn bề thờ lại, ngày nay khó đợi ngày mai.
 Sóng yêu chim nổi chẳng lúc ngại, nhà cháy nấu nung
 ngày nào hết. Chẳng nguyện xa lìa lưới nghiệp, chỉ vì
 chưa có công phu. Diêm-La-Vương bỗng chốc lại đời,
 Thái-Tướng-công ⁽⁷⁾ nào cho thêm hạn. Ngoảnh lại
 người thân đều chẳng thấy, cuối cùng nghiệp báo tự
 mình mang. Quý vương ngục tốt, mặc sức khảo tra ;
 rừng kiếm núi đao, vô phương chống đỡ. Hoặc giam
 trong vòng vây sắt, hoặc ở dưới núi ốc-tiêu ⁽⁸⁾. Chịu vạc
 dầu thời muốn chết ngàn sinh, phải chém chặt thời
 một dao hai khúc. Đói nuốt sắt nóng, khát uống đồng
 sôi. Mười hai giờ cam chịu đắng cay, năm trăm kiếp
 chẳng thấy hình dạng. Chịu hết tội nghiệp, lại vào luân
 hồi. Mất hẳn dáng người thuở xưa, đời ra thân hình
 hiện tại. Đời yên ngâm sắt, mang lông đeo sừng. Lấy
 thịt nuôi người, đem thân trả nợ. Sinh bị khổ đau đao
 thót, sống gặp tai va lửa sôi. Chồng chất oán thù, cùng
 nhau rĩa thịt. Khi đó mới hối, học đạo không nên. Chi
 bằng gấp rút sám đương, chớ để đời này lỡ dở.

Thích-Ca văn-phật, bỏ hoàng cung đến thẳng tuyết
 sơn ; Cư-sĩ Bàng-Công ⁽⁹⁾ đem gia tài hết đim biển cả
 Chân-Võ ⁽¹⁰⁾ chẳng lên ngôi báu, chỉ lo tu hành ; Lê-Công
⁽¹¹⁾ đã chuộg thần tiên, còn siêng tham vấn. Tô học-sĩ
⁽¹²⁾ thường thân Phật-Án, Hàn-Văn-Công ⁽¹³⁾ còn lễ
 Đại-Điện. Bùi-Công ⁽¹⁴⁾ đoạt hột ở Thạch-Sương,
 Phòng-Tướng ⁽¹⁵⁾ hỏi pháp nơi Quốc-Nhất. Diệu-Thiện

(16) chẳng kén phò-mã, thành Phật không ngờ ; Lục-Tổ
 (17) vừa gặp khách hiền, nghe kinh đốn ngộ. Đạo Thiên
 nếu không thú vị, Thánh hiền sao chịu quy-y. Hoa-Lâm
 (18) cầm 2 cọp theo hầu, Đầu-Từ có 3 chim báo sáng. Lý
 trưởng-già (19) giải kinh mà thiên-trù dâng cỗ,
 Tu-Bồ-Đề (20) tính toạ mà Đê-Thích tung hoa. Đạt-Ma
 (21) một dép về Tây, Phổ-Hóa (22) rung chuông bay bổng.
 La-Hán (23) tham thiền ở Ngưỡng-Sơn hòa-thượng.
 Nhạc-Đế (24) thọ giới ở Tư-Đại thiên-sư. Kính-Son (25)
 đến nay vẫn được Long-Vương dâng cúng ;
 Tuyết-Phong (26) từ trước, hay khiến người gỡ mớ
 rừng. Đó là những thể nghiệm nhân do, chớ tự sinh
 nghi ngờ lùi bước. Cáo đồng (27) còn nghe pháp
 Bách-Trượng, ốc vận hay bộ kinh Kim-Cương (28).
 Mười ngàn cá bơi (29) nghe hiệu Phật hóa làm Thiên-Từ
 năm trăm đôi lượn (30), nghe tiếng pháp đều dâng
 Thánh-hiền. Trần nghe sám (31) được sinh thiên, rồng
 nghe kinh mà ngộ đạo (32). Vật kia còn hay lãnh ngộ, nữa
 người sao chẳng hồi tâm. Hoặc có kẻ vui dầu ăn uống
 mà uống một đời, hoặc có kẻ làm lối tu hành mà không
 xét lại. Hay đầu, bồ-đề tính-giác, ai nấy viên-thành ; sao
 biết, bát nhả cần lành, người người đầy đủ. Hời chi
 đại-ân, tiểu-ân (33), chẳng kể tại gia xuất gia. Không nề
 tăng tục, chỉ cốt biện tâm. Vốn không gái trai, chẳng
 nên trước tướng. Người chưa tướng còn chia tam-giáo
 (34), Liễu được thấu đều ngộ nhất tâm. Nếu hay chiếu
 sáng rọi về, đều được thấy tánh thành Phật. Lại nữa,
 thân người dễ mất, Phật pháp khó nghe. Muốn vượt

sáu ngã mãi xoay tròn, chỉ có nhất thừa là đường tắt. Nên tìm chính kiến, chớ tin tà sư. Ngộ được chính là chỗ vào, làm xong mới hay thoát tục. Bước bước xéo đạp thật địa, đầu đầu mang đội hư không. Khi dùng thời muốn cảnh đều phô, thu lại thời mảy may hết sạch. Vượt lên chỗ chẳng tương quan sinh tử, thấu tới cơ khó thấu hiểu quý thận. Là phạm là thánh, cùng vào một đường ; hoặc oán hoặc thân, cùng chung hồng mũi. Thật ngộ như thế, con trệ nửa đường. Ngưng nói hướng thượng tam huyền ⁽³⁵⁾, cần rõ một bước sau chót ⁽³⁶⁾. Hãy nói, tức là hiện nay gọi cái gì là một bước sau chót.

Non xanh thoai thoai nhìn trời rộng,

Sen biếc ngạt ngào đượm nước hương ⁽³⁷⁾.

CHÚ THÍCH :

(1) **Ăn bánh quên vợ, ngậm cơm quên mẹp.**— đều là những tỷ dụ, ám chỉ cho kẻ ngu, chỉ ham cái lợi nhỏ trước mắt, mà bỏ mất cái lợi ích quan trọng.

(2) **Buổi sớm được nghe đạo :** Sách Luận-ngữ, thiên Lý-nhân, Đức Khổng-Tử nói : " Chiếu văn đạo tịch tử khả hỷ ".

(3) **Ta sở dĩ có cái lo lớn, vì ta có thân.**— Đạo-Đức Kinh, ngài Lão-Tử nói : " Ngộ sở dĩ hữu đại hoạn giả, vị ngộ hữu thân ".

(4) **Trong áp mười nóc nhà còn có người trun.** In.—Lấy câu trong sách Luận-ngữ : " Thập thất chi áp, thượng hữu trung tín ".

(5) **Nghiệp-thức.**— Nghiệp-thức là hoạc của căn bản vô-minh. Tâm nguyên của bản giác vốn không có tướng-động từ lúc đầu, nhưng thành linh bị lay động bởi bất giác, đó là nghiệp-thức.

(6) **Trần-lao.**—Phiền não của 5 dục, sáu trần làm ô nhiễm nơi thân tâm thanh tịnh mà phải khổ, nên gọi là trần lao. 5 dục : tài, sắc, danh, thực, thụ ; 6 trần tức là 6 cảnh : sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

(7) **Thôi-tướng-công** : chỉ quý sứ canh ngục.

(8) **Dưới núi ốc-tiêu** : Ở đây biển có núi rất lớn gọi là ốc-tiêu. Dưới núi ốc-tiêu có địa ngục A-tỳ, lửa thường nung đốt, núi thường nóng chảy.

(9) **Bàng-Công-cư-sĩ** : Tức là Bàng Uẩn, hiệu là Đạo-Huyền, người huyện Hành-Dương, Trung-Quốc, vốn theo nho nghiệp, tư chất thông-minh, sau tham thiền ở Thạch-Đầu Hy-Vận, hoá nhiên liễu ngộ, và đắc pháp ở ngài Mã-Tổ Đạo-Nhất.

(10) **Chân-Vô** : Đời nhà Hán, Thái-tử vua nước Trịnh-Lạc, khi sinh ra có nhiều điềm lạ, lớn lên có chí trừ khử tà ma, vượt biển Đông gặp thiên thần trao cho bảo kiếm. Chân-Vũ tu luyện ở núi Đông-Hải 42 năm thành công, ngay ban ngày bay lên không, được vãng mệnh Thượng-đế trần thủ phương Bắc. Vốn tên là Huyền-Vô sau đổi là Chân-Vô.

(11) **Lã-Công** : Tức là Lã-Đông-Tân, người Kinh-Triệu đời Đường. Chính tên là Nham, tên chữ là Đông-Tân, lại gọi là Lã-Tổ, hiệu là Thuần-Dương-Tử, một người trong bát tiên của Đạo-Giáo.

12) **Tô học-sĩ** : Tức Tô-Thức, tên chữ là Tử-Chiêm, hiệu là Đông-Pha cư-sĩ, người Mi-sơn, đời Tống. Viếng chùa Kim-sơn ở Tô-châu, gặp Phật-Ân Liễu-Nguyên thiền-sư, vấn đáp về thiền-đạo, phục tài cao của Phật-Ân, liền cỡi đai ngọc để tại chùa Phật-Ân kỷ niệm.

13) **Hàn-Văn-Công** : Tức Hàn-Dũ, người Xương-Lê đời Đường, đậu Tiến-sĩ. Vì dâng biểu can vua Hiến-Tông rước Xá-Lợi Phật vào cung, nên bị đày đi Trào-Châu. Ở đây, Hàn-Dũ có viết thư mời Đại-Điền Thiên-sư chùa Linh-sơn ở phía tây Trào-Châu để tranh luận về đạo cùng nhau đi lại nhiều lần, sau quy-y Đại-Điền.

(14) **Bùi-Công** : Tức Bùi-Hưu, một người học Phật đời Đường, họ Bùi, tên Hưu, tên chữ là Công-Mỹ, đậu Tiến-sĩ, giao du cùng ngài Khuê-Phong Tông-Một, thông đạt kinh Hoa-Nghiêm, sau đắc Pháp ở Ngài Hoàng-Nghiệt Hy-Vận thiền-sư. Đọa hốt.— các quan đại thần xưa, khi triều vua tay thường cầm cái hốt ở tay để râu bạch, hay thụ mệnh, ngoài ra dùng để ghi chép những sự kiện cho nhớ. Vậy đọa hốt có nghĩa là, Bùi Hưu bị đọa mất chí khí ở ngài Thạch-Sương.

Thạch-Sương : tức Thạch-Sương Khánh-Chư, cao tăng đời Đường, thuộc họ Thanh-Nguyên, tham thiền ngài Qui-Sơn, thấu được áo chỉ, trụ ở núi Thạch-Sương, châu Đàm, được vua Đường Hy-Tông ban áo cà-sa gấm.

(15) **Phòng-Tướng** : Tức Phòng-Huyền-Linh, tên hèm là Văn-Chiêu, 18 tuổi đậu Tiến-sĩ, giúp Đường Thái-Tông dấy nghiệp, làm chức Tể-Tướng, được phong tước Lương-Quốc-Công. Quốc-Nhất : Tức Đạo-Khâm thiền-sư, người huyện Côn-Sơn thuộc Tô-Châu, được Đường Đại-Tông vời vào cung hỏi đạo, ban cho hiệu Quốc-Nhất thiền-sư.

(16) **Diệu-Thiện** : Tức Diệu-Thiện công-chúa, tiền thân của Bồ-Tát Quán-Thế-Âm. Nam-Sơn Tuyên Luật-sư thường hỏi thiên-thần về duyên khởi của Đức Quan-Âm. Thiên-Thần thưa : Về kiếp quá khứ xưa kia có vua Trang-Vương, phu-nhân tên là Bảo Ứng sinh được 3 gái. Con lớn là Diệu-Dục, con thứ là Diệu-Ân, con út là Diệu-Thiện. Diệu-Thiện chỉ chuyên việc tu hành, không lập phò-mã (cũng tương tự như sự tích chùa Hương-Tịch Việt-Nam).

(17) **Lục-Tổ** : Tức Tổ Huệ-Năng, Tổ thứ 6 của Thiên-tông đời Đường, cũng gọi là Đại-Giám Tuệ-Năng. Ngài họ Lư, mồ côi cha từ lúc 3 tuổi, nhà nghèo, phải đi kiếm củi nuôi mẹ. Một ngày mang củi vào chợ bán, nghe người đọc kinh Kim-Cương, liền nảy ý chí xuất-trần nhập đạo.

(18) **Hoa-Lâm** : Tức Hoa-Lâm thiền-sư.

Đầu-Tử : tức Đầu-Tử Nghĩa-Thanh thiền-sư.

(19) **Lý Trưởng-giả** : Trưởng-giả họ Lý hay trưởng-giả họ Trần, ám chỉ người giải kinh hay mà được chư Thiên cúng dường thức ăn.

(20) **Tu-Bồ-Đề** : Một vị trong thập đại đệ-tử của Phật, giải không bậc nhất. Một hôm Tôn-giả Tu-Bồ-Đề ngồi thiền-định, chư Thiên mưa hoa tán thán. Tôn-giả hỏi : " Trong không mưa hoa tán thán đó là người nào ? " Chư Thiên nói : " Tôi là Trời Đê-Thích ". Tôn-giả nói : " Người có chi tán thán ? " Đáp : " Tôi trọng Tôn-giả khéo nói Kinh Bát-Nhã ". Hỏi : Ta chưa từng nói một chữ trong kinh Bát-Nhã, tại sao người tán thán ? "

Đế-Thích thưa : " Tôn-giả không nói, tôi cũng không nghe. Không nói không nghe, là chân Bát-Nhã " .

(21) **Đạt-Ma** : Tức Bồ-Đề Đạt-Ma. Tổ thứ 28 Thiên-Tông ở Ấn-Độ, đệ nhất Tổ ở Trung-Quốc. Ngài sang Trung-Quốc thời đại Nam-Bắc triều, ở chùa Thiều-Lâm. Khi mất táng ở núi Hùng-Nhĩ. Theo truyền thuyết nói. " Có sứ-giả Trung-Quốc đi sứ Ấn-Độ, trên đường về, gặp Đạt-Ma chỉ đeo một chiếc dép, đang trở về Ấn-Độ. Khi về báo với vua Lương, vua sai đào mộ Đạt-Ma xem, thấy trong mộ chỉ có một chiếc dép " .

(22) **Phổ-Hóa** : Tức Phổ-Hóa hòa-thượng ở Trấn Châu, đời Đường, đệ tử của Bàn-Sơn Bảo-Tích thiền-sư, thường giúp Lâm-Tế Nghĩa-Huyền thiền-sư hoằng hóa. Bình thường khi vào chợ, ngài rung chuông và nói : "Đầu sáng lại xua đầu sáng, đầu tối lại xua đầu tối, xua gió xoáy bốn phương tám hướng lại, xua cả hư không lại " .

(23) **La-Hán** : Tức La-Hán Quế Thâm, người Thương-Sơn, đời Đường, phái Thanh-Nguyên. Ngưỡng-Sơn : Tức Ngưỡng-Sơn Tuệ-Tịch, đặc pháp ở Qui-Sơn Linh-Hựu thiền-sư.

(24) **Nhạc-Đế** : Tức thần chúa-tể núi Đông-Nhạc Thái-Sơn. Tư-Đại thiền-sư : Tức Tuệ-Tư đại-sư, hiệu là Tư-Đại hòa thượng. Tư thiền-sư còn gọi là Nam-Nhạc Tư-Đại thiền-sư.

(25) **Kinh-Sơn** : Tức Vô-Chuẩn sư-phạm, tông Lâm-Tế, tham vấn Tú-Phong thiền-sư, vắng chiếu chỉ ở chùa Kinh-Sơn, được ban hiệu : " Phật-Giám Thiên-Sư " .

(26) **Tuyết-Phong** : Tức Tuyết-Phong Nghĩa-Tồn, hệ Thanh-Nguyên đời Đường, pháp tự của Đức-Sơn Tuyên-Giám. Người gõ mõ rừng : dụ xa lìa được suy nghĩ phân biệt.

(27) **Cáo đồng** : Theo công-án Bách-Trượng Dã-hồ. — " Mỗi khi ngài Bách-Trượng thượng đường, thường có một lão tăng đến nghe pháp, rồi theo chúng giải tán. Một hôm không đi, Bách-Trượng hỏi : Đứng đó là ai ? Lão tăng thưa : Tôi từ thời Phật Ca-Diếp đời quá khứ, thường trụ ở núi này, có một học nhân hỏi : " Người đại tu-hành, lại phải rơi vào nhân quả chăng ? " Tôi đáp : " Chẳng rơi vào nhân quả ". Do đó tôi bị dọa làm thân cáo đã 500 kiếp. Nay xin hòa-thượng thay cho một

chuyển ngữ) ". Bách-Trương nói : " Chẳng mở nhân quả " (bát muội nhân quả) ". Lão tăng nghe nói xong đại ngộ ".

(28) **Ốc vận hộ kinh Kim-Cương** : Theo điển, kinh Kim-Cương bị rơi xuống nước, cả bầy ốc xúm lại mà đỡ bộ kinh lên cạn.

(29) **Mười ngàn cá** : Theo điển, mười ngàn con cá do nghe kinh, mà kiếp sau thác sinh làm vua.

(30) **Năm trăm dơi** : Tây-vực ký chép : Bờ Nam-Hải có một cây khô, có 500 con dơi ở trong hốc cây, vì ham nghe người đọc kinh, bị lửa đốt nóng mà không hay, nên bị cháy cả, được hóa kiếp thành người, bỏ nhà học đạo, đều thành Bồ-Tát.

(31) **Trần nghe sám** : Vợ vua Lương-Võ-Đế, vì ác nghiệt, chết phải đọa làm kiếp trần, báo mộng cho vua tụng kinh sám hối, được thác sinh lên trời.

(32) **Rỗng nghe kinh** : Theo điển, Bồ-Tát Văn-Thù giảng kinh cho bầy rỗng nghe, mà đều giác ngộ.

(33) **Đại ản, tiểu ản** : Đại ản, ản đặt nơi chợ búa. Tiểu ản, ản đặt nơi núi rừng.

(34) **Tam giáo** : Phật-Giáo, Nho-Giáo, Lão-Giáo.

(35) **Ngưng nói hương thượng tam huyền** : Tức hãy ngưng nói con đường hương thượng, nghĩa là hương thượng tới chỗ cùng cực, thời cần phải một bước nữa hướng hạ để hóa độ, nên phải cần rõ một bước sau chót (yếu liễu mạng hậu nhất trước).

Tam huyền : Tức tam cú, tam huyền, tam yếu.

Tam cú (ba câu) : Tăng hỏi Lâm-Tế thiền-sư : Thế nào là câu thứ? Sư đáp :

" Tam yên án khai chu diễm trác,

" **Vị dung nghĩ nghĩ chủ tân phân** ".

(Nói về mặt thật tướng của vô vị chân nhân).

Tăng hỏi : Thế nào là câu thứ 2 ? — Sư đáp :

" **Diệu giải khởi dung vô trước vấn,**

" **Âu hòa tranh phụ tiết lưu cơ** ".

(Nói về mặt biểu hiện của vô vị chân nhân).

Tăng hỏi : Thế nào là câu thứ 3 ? — Sư đáp :

“ Khán thủ băng đầu lộng ỏi lỏi,

“ Trừu khiên đồ lai lý hữu nhân ”.

(Nói về phương diện hành vi của vô vị chân nhân).

Tam huyền, tam yếu : Trong một câu có đủ tam huyền môn. Trong một huyền môn có đủ tam yếu. Có quyền, có thật. Vậy danh từ tam huyền, tam yếu không chỉ rõ số mục nhất định là gì ? Có thể số 1 là “ có ”, số 2 là “ không ”, số 3 là chẳng phải “ có, không ”.

Đó là một quá trình tư-duy rất thiết-yếu và huyền diệu.

(36) **Một bước sau chót**. — (Mặt hậu nhất trước). — Mặt hậu có nghĩa là cuối cùng, chí cực, nghĩa cùng cực của chí đạo. Nhất trước nghĩa là một bước đi, một nước cờ, hay một câu. Vậy một bước sau chót có nghĩa là một bước, một câu cùng cực của Phật-đạo.

(37) Hai câu này diễn tả về diệu thú hiện thành của chân-như pháp-tánh. Cũng như câu : “ Sơn thị sơn, thủy thị thủy ”.

*

*

*

VĂN RĂN SÁT SINH

Ôi ! Noãn, thai, thấp, hóa ⁽¹⁾ tính cùng, thấy, nghe, hiểu, biết đều khác. Chỉ nhân tạo nghiệp chứa oan, nên chịu khác tên riêng hiệu. Trước kia vốn nhân-luân cùng loại, đời nay chia đàn, giống khác nhau. Hoặc bạn bè, là huynh là đệ. Thay đổi áo xiêm đai mũ, biến làm vảy giáp lông sừng. Chồng quên vợ, vợ quên chồng, bố trái con, con trái bố. Đã thấy đổi dầu thay mặt, dẫn tới khoét ruột chặt chân. Luống mong sợ chết tham sinh, không lời kêu đau nói khổ. Nó giết hần, hần giết nó, người ăn họ, họ ăn người, oan trái lâu dài, chẳng bao giờ hết. Đời đời báo oán, kiếp kiếp thù nhau. Kẻ quay đầu được đến quê-hương, người phóng tâm chìm sâu địa ngục. Sách Nho thi nhân bố đức, kính Đạo yêu vật hiểu sinh. Phật duy giới sát phải trì. Người nên tuân làm chớ phạm.

KỆ RĂNG :

*Cánh, lông, vảy, giáp mọi hàm linh,
Chết sợ, sống ham, há khác tình.
Từ trước Thánh hiền lòng chẳng nỡ,
Đoái nhìn chết chóc với tham sinh.*

Vũ mao lân giáp tận hàm linh,
Úy tử tham sinh khởi dị tình.
Tự cổ Thánh hiền hoài bất nhẫn,
Yên nãng kiến tử dữ tham sinh).

CHÚ THÍCH :

(1) Noãn, thai, thấp, hóa tức là tứ sinh, bốn loài sinh :

- 1.— Noãn sinh, loài từ trứng mà sinh ra.
- 2.— Thai sinh, loài từ bào thai mà sinh ra.
- 3.— Thấp sinh, loài từ nơi ẩm ướt mà sinh ra.
- 4.— Hóa sinh, loài từ tự nhiên mà hóa sinh ra.

*

* *

VĂN RĂN TRỘM CẤP

Ôi ! Người làm nhân nghĩa là quân tử, kẻ chuyên trộm cướp ấy tiểu nhân. Quân tử lòng thương giúp côi cùn, tiểu nhân ý tham lam tiền của. Chiếm của kẻ khác, làm của riêng mình. Lờ cả tình người, chuyên lo ích kỷ. Nào biết giàu sang do trời định ; chẳng hay tham cầu bởi ý ham. Ăn gan ⁽¹⁾ đục nhà, đào tường khoét vách, Sơn-Dương tướng-quân ⁽²⁾ nổi gót, Lương-Thượng quân-tử ⁽³⁾ tập làm ; ngược trời trái đất, dối pháp khinh hình. Còn sống gặp công-lý thi hành, chết rồi bị Minh-Vương tra khảo. Đâu chỉ chứa vàng chất ngọc, ngay đến một bụi mây lông. Ngủ sen ao địa thần còn la ⁽⁴⁾, lấy tiền lời Diêm-Vương cũng phạt. Lười trời lòng lộng, làm thiện thoát làm ác tội mang ; Phép nước thênh thang, làm công khỏi làm riêng phạm pháp.

KỆ RĂNG :

*Khoét vách đào tường ý hiểm sâu,
Trăm phương ngàn kẻ khổ tìm cầu.
Của người ví được thời nay đó,
Rồi phải muôn đời kiếp ngựa trâu.*

(Tạc bích xuyên tường ý bất hư
Thiên ban bách kẻ khổ doanh cầu.
Kim sinh cầu đắc tha nhân vật,
Bất giác chung thiên thụ mã ngu).

CHÚ THÍCH :

(1) **Ăn gan.**— Dịch chữ " bộ-can ", Thiên Đạo-chích sách Trang Tử có câu : " Khoái nhân can nhi bộ chi ", cắt gan người mà ăn đấy. Đạo chích, tên là Chích làm nghề ăn trộm, nên có tên là Đạo Chích. Ngày nay ví kẻ ăn trộm là Đạo-Chích.

(2) **Sơn-Dương tướng-quân :** Tức tướng-quân đất Sơn-Dương. Theo quẻ bói của Chu-Công, kẻ lập ấp ở đất Sơn-Dương, người hiền thì được phồn thịnh, kẻ bất lương thì bị lụn bại ; lấy ý này để ám chỉ cho kẻ tướng cướp, nên gọi là Sơn-Dương tướng-quân.

(3) **Lương-Thượng quân-tử :** Tức kẻ trộm trên xà nhà. Tên riêng chỉ cho kẻ trộm. Đời Hậu Hán, Trần-Thực biết trên xà nhà có kẻ trộm, liền gọi con cháu lại dạy rằng : " Con người bản tính thiện ". Nghĩa là con người bất thiện vì tất vốn ác, vì tập nên thành thói xấu, thành kẻ Lương-thượng quân-tử. Kẻ trộm nghe biết rất kinh sợ, liền nhảy xuống đất tạ tội. Trần-Thực khuyên bảo cải thiện, sau cả huyện không có một kẻ trộm.

(4) **Ngủ sen ao Địa-thần mắng :** Theo điển, xưa có vị Tỷ-kheo đi qua ao sen dừng lại ngủ, Thần đất mắng vị Tỷ-kheo là ngủi trộm mùi hoa.

*

*

*

VĂN GIỚI SẮC

Ồi ! Lưng ong tóc mượt, hay khiến tỉnh hoặc tâm mê.
 Sắc én mày ngài, đưa đến hồn phiêu phách lạc. Mát
 đưa đầy con dao không liếc ai chẳng nát lòng, lưỡi rung
 rinh một ống sáo diều, hết đều ngậy ngát. Kẻ mê say
 đoạn nghĩa thầy bạn ; người tham đắm đức mát đạo
 tan. Trên mà phong giáo chẳng còn, dưới tất khuê môn
 rối loạn. Chẳng kể học-lưu thế-tục, hay hàng Tăng-lữ
 xuất-gia. Phép nước sụp đổ ở Tô-dài ⁽¹⁾, giới thẻ ⁽²⁾
 chôn vùi nơi dâm thất. Chỉ gương mắt nhìn ngoại cảnh,
 chẳng quay đầu chiếu nội tâm. Cờ bỏ lụa là quanh
 mình, vẫn lộ da bì bọc thịt. Độc-giác ⁽³⁾ gần nữ am hoàn
 tục, Chân-quân xa thán-phụ thăng thiên. Người chẳng
 đắm được 5 thần thông ⁽⁵⁾, kẻ đắm trước mắt phần
 giới hạnh.

KỆ RẰNG :

*Má trắng môi son điểm phấn hồng,
 Nhìn rồi đưa mắt ý mơ màng.
 Chẳng qua một túi da như bản,
 Cắt đứt ruột người chẳng tón công.*

(Tai nhục mai hương kiểm nhị đào,
 Kiến chỉ mục tống ý đao đao.
 Đó lô nhất đại cơ bì xú,
 Âm đoạn nhận trường bất dụng đao).

CHÚ THÍCH :

(1) **Tô-đài** : Vua Ngô-Phù-Sai dời Xuân-Thu vì mê Tây-thi trên đài núi Cô-tô mà mất nước.

(2) **Giới thể** : Thật thể của giới. Do nơi biểu hiện của tác lễ, khát-giới, bạch tứ yết ma phát được giới thể. Tức tánh của Tỷ-Kheo.

3) **Độc-giác** : Tiếng Phạn gọi là Bích-Chi Phật (Pratycka-Buddha) một bậc Thánh hiện thân tự tu tự ngộ, tức vô sự độc ngộ.

(4) **Chân-quân** : Tức chân-tiên, chỉ cho các đạo-sĩ tu tiên. Thân-phụ hay Thân phụ tu : Người đàn bà bằng than. Theo truyền-thuyết, Trương-Đạo-Lãng, tu pháp thuật, luyện đan phù chú, người theo học rất đông. Một hôm Đạo-Lãng đốt than làm thành một người đàn bà rất đẹp để thử môn đồ. Trong số môn đồ nếu người nào đạo-tâm chưa kiên cố mà đụng vào thì tay đều bị nhuộm đen. Nên có câu : " Đạo sĩ do hoài Thân phụ tu " (Đạo-sĩ còn mang Thân-phụ tu — Tu là xấu hổ).

(5) **Ngũ thần thông** : Gọi tắt là ngũ thông :

- 1.— Thiên nhĩ thông, tai nghe khắp mọi cảnh giới.
- 2.— Thiên nhãn thông, mắt thấy khắp mọi cảnh giới.
- 3.— Túc mệnh thông, biết được các kiếp về trước.
- 4.— Tha tâm thông, thấu suốt được tâm niệm của mọi người.
- 5.— Thần-túc-thông, đầy đủ thần thông biến hóa, bay đi tự tại.

*

* *

VĂN RĂN VỌNG NGŨ

Ôi ! Thiên ác ở tâm làm gốc, họa phúc do miệng gây ra. Nghĩ một câu vang ứng không sai, nói một lời bóng theo chẳng chệch, quân tử trọng lời như biện⁽¹⁾, cỏ nhân giữ tiếng tựa bình. Nói ra lấy thẳng làm công, phát ngôn không thiên không lệch. Không nói đây kia tốt xấu, chẳng bàn phải trái người mình. Đầu dám khua lưỡi máy môi, chỉ hay gìn lời giữ miệng. Mang cái nghiệp trong thân đã nặng, song lỗi lầm vạ miệng đứng đầu. Chẳng những người nói vọng ngôn, còn khiến kẻ nghe làm bậy. Lúc sống người đời khinh miệt, chết rồi bị nghiệp kéo lôi. Hoặc kèm sắt kéo lưỡi, cam chịu chua cay ; hoặc nước đồng rót miệng, mang dài khổ não.

Kệ rằng :

Sơ vai siểm nịnh⁽²⁾ Lưỡi đầu môi.

Vọng ngữ người đời mãi thế thôi.

Nhất ý cầu vui màng chút lợi,

Sau cùng khó tránh nghiệp luân hồi.

(Hiếp kiên siểm tiểu thiệt dao thần,

Vinh tác trần hoàn vọng ngữ nhân,

Tứ ý cầu Hoan xu thế lợi,

Đáo đầu tranh miễn nghiệp triền thân).

CHÚ THÍCH :

(1) **Như biện** : Như thành cái giường, ý nói lời nói ra phải chắc như đinh đóng cột.

(2) **So vai siểm nịnh** : Dịch ở câu " Hiếp kiên siểm tiếu ". Trong thiên Đẳng-Văn-Công sách Mạnh-Tử có câu : " Hiếp kiên siểm tiếu ". Hiếp kiên là so vai, trạng thái kính sợ. Siểm tiếu : cười nịnh, nét mặt hớn hở nịnh bợ.

*

* *

VĂN GIỚI RƯỢU

Ôi ! Người ham rượu đức hạnh chẳng còn, kẻ uống rượu nói năng lầm lẫn. Hơi xông nát ruột, mùi thối dạ dày. Bại hoại tinh thần, hôn mê tâm tính. Hai thân chẳng đoái, năm nghịch ⁽¹⁾ chuyên làm. Hoặc huyền não nơi quán ăn, hoặc say sưa trên đường phố. Chửi trời mắng đất, hủy Phật báng Tăng. Thả môi miệng hát ca, trần thân mình nhảy múa. Chẳng biết đến Phật cúng dường, theo phường mũ đen áo lệch ⁽²⁾. Bỏ thân mạng từ đó mà sinh, mất nước, nhà do đây mà có. Ngừa đi thì ngàn lành đều hợp, uống vào thời trăm vạ cùng mang. Đại-Vũ ⁽³⁾ bỏ rượu mà trăm họ theo mừng. Thái-Khang đắm rượu nên 5 em oán trách. Đâu chỉ bậc phong lưu phải giữ, ngay cả người đạt ngộ cũng phòng. Bao nhiêu rục rở trên đời đều bị lu mờ trong rượu.

KỆ RÀNG :

*Men bã một vò rượu nấu thành,
Bao nhiêu người trí mất thông minh.
Chẳng riêng phá giới người tu đạo,
Mất nước tan nhà tự đó sinh.*

(Nhất ủng tao khang cục nhượng thành,
Kỷ đa trí giả một thông minh.
Phi duy độc phá chuy lưu giới,
Bại quốc vong gia tự tử sinh).

CHÚ THÍCH :

(1) **Năm nghịch** : Dịch ở chữ " ngũ nghịch " :

- 1) Giết cha,
- 2) Giết mẹ,
- 3) Giết A-La-Hán,
- 4) Phá hòa hợp Tăng,
- 5) Làm chảy máu thân Phật.

(2) **Mũ đen áo lịch** : Dịch ở chữ " ô mào tà suy ", tức là áo mũ của những kẻ ẩn náu nơi kín.

(3) **Đại-Vũ** : Tức vua Đại-Vũ nhà Hạ. Thái-Khang : Châu vua Vũ nhà Hạ. Thái-Khang có 5 người em, nên chữ ngũ tử đây dịch là 5 em.

*

* *

BÀN VỀ GIỚI ĐỊNH TUỆ

Ôi ! Hết thầy người tu hành đều chán ngán hai đường sinh tử. Bỏ vợ con cha mẹ, xuất gia cầu đạo, phụng Phật làm thầy. Noi theo đường lối của chư Phật, duy ở kinh mà thôi. Trong kinh chỉ nói giới, định, tuệ. Luận Giải-thoát nói : “ Giới, Định, Tuệ là con đường giải thoát ”. Giới là nghĩa oai nghi. Định là nghĩa chẳng loạn. Tuệ là nghĩa hiểu biết. Đó là lấy giới trừ ác-cầu⁽¹⁾, định trừ phiền-cầu, tuệ trừ sử-cầu, nên phải lấy giới, định, tuệ để gieo giống thiện, gây mầm đạo. Giới định tuệ còn chia ra sơ-thiện, trung-thiện và hậu-thiện. Lấy giới làm đầu, định làm giữa và tuệ ở sau. Giới là thiện đầu. Vì có tinh tiến trì giới, mới thành tựu được bất thoái, nên sinh vui mừng, Bồi mừng nên nhún nhảy. Vì nhún nhảy nên thân đứng. Bồi thân đứng lại nên vui. Bồi vui nên tâm không định. Đó là sơ-thiện. Định làm thiện giữa. Bồi thân đứng nên ngừng. Bồi ngừng nên tâm trụ. Bồi tâm trụ nên biết thấy như thật. Đó là trung-thiện. Tuệ làm thiện cuối. Bồi biết thấy như thật, nên sinh lo chán. Bồi lo chán nên lia dục. Bồi lia dục nên giải-thoát. Đó là hậu-thiện. Cho nên lấy giới trừ bỏ ác thú, định trừ bỏ dục-giới, tuệ trừ được hết thấy cõi Hữu. Y vào giới, định, tuệ này mà tu, thời đường lối của chư Phật cũng rất gần vậy.

CHÚ THÍCH :

(1) **Ác-cầu**, **Triền-cầu**, **Sử-cầu** : Tức tam cầu là tham, sân, si. Tam-cầu cũng gọi là tam-hoặc : 1) Kiến tư hoặc, 2) Trần sa hoặc, 3)

Vô minh hoặc. Trong đây nói ác-cầu, triền-cầu, sử-cầu là chỉ nói về thập triền, thập sử, phần kiến tư hoặc trong tam giới.

*

*

*

BÀN VỀ THỌ GIỚI

Ôi ! Tịnh giới, tiếng Phạm là Ba-La-Đề-Mộc-Xoa. Chư Phật trong ba đời, sở dĩ được thành đạo cũng không ngoài giới. Nên nói : “ Người có phá giới được gọi là tỳ-kheo, người không phá giới gọi là ngoại đạo ”. Đó là chỉ nghĩa có thọ giới và không thọ giới. Thọ rồi lại phá còn gọi là tỳ-kheo, nữa là người thọ hết thấy tịnh giới mà lại kiên trì được đầy đủ. Đời hiện tại Bồ-Tát lấy giới để độ sinh, ở tương lai người tu hành do giới mà giải thoát. Trong kinh nói : “ Giới như đất bằng phẳng, muôn thiện từ đó sinh. Giới như thầy thuốc hay, chữa được mọi thứ bệnh. Giới như ngọc minh-châu, chiếu sáng nơi đen tối. Giới tựa như thuyền bè, chở người qua biển khổ. Giới như trăng anh-lạc, dễ trang-nghiêm pháp-thân. Có tội nên sám hối, chẳng sám tội thêm nặng. Một khi mất thân người, muôn kiếp chẳng trở lại. Ngày nay tuy an toàn, ngày mai khó giữ được. Nên giữ gìn pháp này, mau qua đường sinh tử. Tôn kính Phật làm thầy, trước y theo giới luật”. Cổ-dức có nói : “ Qua sông phải dùng bè, đến bờ không cần nữa ”. Cổ nhân lấy giới làm thuyền bè, người nay lại chẳng nương vào giới để qua, mà được tới bờ kia, thật không thể có được.

*

* * *

BÀN VỀ NIỆM PHẬT

Ôi ! Niệm Phật do tâm khởi. Tâm khởi thiện là thiện-niệm. Khởi thiện niệm tất báo thiện-nghiệp. Tâm khởi ác là ác-niệm. Sinh ác niệm tất ứng ác-nghiệp. Như gương hiện ảnh, tựa bóng theo hình. Nên Vĩnh-Gia Thiên-sư nói : “Đâu là vô niệm, đâu là vô-sinh”, là nghĩa thế vậy. Người học ngày nay, muốn khởi chính niệm, để tất ba nghiệp cũng nhờ ở công phu niệm Phật. Niệm Phật để tất ba nghiệp là sao ? Bởi khi niệm Phật, thân chính ngồi ngay, chẳng làm hạnh tà, là tất nghiệp-thân. Miệng tụng chân-ngôn, chẳng nói lời tà, là tất nghiệp-khẩu, Ý nghĩ tinh-tiến, chẳng khởi niệm tà, là tất nghiệp-ý. Song người trí có 3 bậc :

Bậc thượng-trí thì tâm tức là Phật chẳng nhờ tu chúng. Niệm tức là trần, chẳng dung một điểm. Niệm trần vốn tịnh, nên nói như như bất động, tức là thân Phật, thân Phật tức là thân ta, không có 2 tướng. Tướng tướng không hai, tịch mà thường còn, còn mà chẳng biết. Đó là hoạt Phật.

Bậc trung-trí, tất phải nương vào niệm Phật, chú ý chuyên cần, niệm niệm không quên, tự nhiên thuần-thiện. Niệm thiện đã hiện, niệm ác liền tiêu. Niệm ác đã tiêu, duy còn thiện-niệm. Bởi niệm ý niệm, niệm niệm tất diệt. Khi niệm đã diệt, át về chính-đạo. Tới khi mạng chung, được vui niết-bàn. Thường, Lạc, Ngã, Tịnh là đạo của chư Phật.

Bậc hạ-trí thì miệng chuyên niệm lời Phật, tâm

muốn thấy tướng Phật, thân nguyện sinh nước Phật, ngày đêm siêng năng không thoái chuyển. Sau khi mệnh chung, theo thiện-niệm đó, được sinh sang nước Phật, được nghe chư Phật tuyên nói chính-pháp, chứng đạo Bồ-đề, cũng vào quả Phật.

Ba hạng người trên, tuy nông sâu khác nhau, nhưng tới chỗ sở đắc là một. Song lối tu theo thượng-trí, nói thì dễ, nhưng làm lại khó. Người đời nay muốn theo mà học, vốn không chỗ bấu víu, hết đều trông bờ mà lui, khó bề đạt được. Lối tu theo trung-trí, nếu hay siêng năng tu tập như trên đã nói, thì tức khắc thành Phật. Còn như nghiệp lâu chưa hết mà lâm chung, phải ứng theo quả báo, lại sinh ở đời, hưởng thụ thiện báo. Thiện báo đã hết, mà không tỉnh ngộ, lại rơi vào ác thú. Người tu theo bậc này, cũng rất khó thành tựu. Lối tu theo Hạ-trí, lấy niệm Phật làm nấc thang, lấy tinh tiến làm thang, chú ý ở thiện-duyên, nguyện sinh sang nước Phật, siêng năng tinh-tiến, tâm tính thuần thực, sau khi mạng chung, theo nguyện của mình được sinh sang nước Phật. Đã sinh sang nước Phật rồi, thì thân đó không bao giờ mất.

Người tu học đời nay, đã được mang thân người, đều có ba nghiệp, lại chẳng lấy môn niệm Phật để cầu sinh sang nước Phật, thì không thể được. Như muốn niệm Phật, tức phải lấy hạ-trí làm trước. Tại sao ? Vì có chú ý vậy. Ví như có người làm đài 3 tầng, mà không cất tầng dưới trước, tất không thể có được.



BẢN VỀ TỌA THIÊN

Ôi ! Những người học đạo, chỉ cần thấy tính. Dù có thọ hết thấy tịnh giới, nếu không tọa thiền sức định khó sinh. Định lực chẳng sinh, tức vọng niệm chẳng diệt, mà muốn thấy tính, quả thật là khó.

Thích-Ca Văn-Phật vào núi Tuyết-Son, ngồi định sáu năm, Chim thước làm tổ trên đầu, cỏ mọc xuyên qua bắp vế, thân tâm vẫn tự như. Từ-Cơ dựa ghế ⁽¹⁾ ngồi, hình như cây khô, tâm như tro nguội. Nhan-Hồi tọa-vong ⁽²⁾, rời thân thể, bỏ phán đoán, lìa ngu trí, cùng thông với đại-đạo. Đó là những cổ-đức Thánh-Hiền trong 3 giáo, cũng từng lấy ngồi định mà thành tựu.

Song, đi, đứng, nằm, ngồi cũng đều là Thiên, không chỉ ở ngồi. Bởi vì, đi thì phóng bước, đứng lại sinh mỏi, nằm thì mờ tối nhưng yên tĩnh. Yên tĩnh tất mới nghĩ sinh, mỗi nghĩ sinh thì niệm khởi. Muốn tắt mọi niệm, phải tập tọa-thiền. Nếu khi ngồi thiền chẳng tắt mọi niệm thì tâm vượn nổi dậy, ý ngựa lông bông. Hoặc do loạn tưởng mà biết tiền trần, hoặc do vô-ký mà quên tự-tính. Dựa ghế tựa vách, nhắm mắt che con ngươi, ngủ say chảy dãi, cúi đầu khom lưng, tuy mượn danh là tọa-thiền, nhưng cũng như người ngồi trong núi đen, hang quỉ. Hoài-Nhượng thiên-sur nói : “Mài ngồi làm gương là nghĩa thế vậy”.

Vả lại, Thiên có 4 thứ :

1) Người làm kẻ lạ, vui cao chán thấp mà tu là ngoại đạo thiên.

2) Người chính tín nhân-quả, cũng vui chán mà tu là phàm-phu thiên.

3) Người liễu lý sinh không, chứng đạo thiên-chân mà tu là tiểu-thừa thiên.

4) Người đạt nhân, pháp đều không mà tu là đại-giáo thiên. Kẻ hậu học đời nay, nên lấy đại-giáo-thiên làm chính. Đó là tập tọa-thiền dứt vọng niệm, chớ sinh ngờ vực.

CHÚ THÍCH :

(1) **Tử-Cơ dựa ghé** : Dịch chữ Tử-Cơ ẩn kỹ. Sách Trang-Tử, Tê-vật-luận chép : Nam-Quách Tử-Cơ tựa ghé mà ngồi, ngựa mặt lên trời mà xem hơi thở (ẩn kỹ nhi tọa, ngưỡng thiên nhi hư).

(2) **Nhan Hồi tọa-vong** : Nghĩa là ông Nhan-Hồi ngồi ngay ngắn, tâm vắng lặng, quên cả vật và mình, vượt cả tướng sai biệt, tâm cảnh dung thông vô ngại. Thơ Bạch-Cư-Dị viết : " Hành Thiền dữ Tọa-vong, đồng qui vô dị lộ " (Tọa-Thiền và Tọa-Vong cùng giống nhau).

*

* *

BÀN VỀ GƯƠNG TUỆ GIÁO

Ồi ! Tuệ sinh từ định-lực. Nếu tâm định thời gương tuệ sinh, tâm loạn thời gương tuệ diệt. Cũng như gương bằng đồng, trước nhờ ở mài rũa, rồi sau mới bóng sạch chiếu sáng. Nếu chẳng mài rũa thì bụi như phủ mờ, ánh sáng không thể sinh được. Nên biết tuệ do định hiện, định từ tuệ sinh. Định Tuệ y vào nhau, hai bên không thiếu một. Nếu mượn danh tọa-thiền, tâm chưa được định, mà sinh được gương tuệ, tất nhiên không thể có. Tuy có tuệ-tính mà chẳng tập tọa thiền, tự cho mình đã sẵn có tuệ, không cần nương vào tọa thiền. Người tu như thế, tuy sẵn có tuệ, nhưng không có thể của gương. Nếu khi ở định, tâm chưa được định, mà muốn cầu tuệ, ví như phong bọ chưa yên, mà muốn tìm thấy bóng trăng. Nếu người tâm đã định, mà sinh tà giải để cầu tuệ, cũng như phong bọ đã yên, bóng trăng lảng trong, mà lại khuấy trong nước để tìm bóng trăng, tất không thấy được. Nên Tổ-sư nói : “ Tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch ”. Lại nói : “ Tịch tịch, tỉnh tỉnh là vô ký. Tỉnh tỉnh, tịch tịch là loạn tướng. Tỉnh tịch tịch tịch, tịch tịch tỉnh tỉnh là thuốc. Vô ký, loạn tướng là bệnh ”. Nếu thân có bệnh, nên phải mượn thuốc để đối trị. Thân đã bình định, thì cần gì phải chữa. Nếu hay tập được như thế, thời định tuệ thành-tự.

*

* *

BÀI TỰA SÁCH THIÊN TÔNG CHỈ NAM

Trăm trộm nghĩ : Phật không chia Nam, Bắc, đều có thể tu cầu. Tính đều có trí ngu, cùng giúp phần giác-ngộ. Đó là, Phương-tiện dụ dẫn quần mê, đường tắt tỏ nẻo sinh tử, là đại-giáo của đức Phật ta. Làm cán cân cho hậu thế, làm khuôn phép cho tương lai, là trọng trách của bậc tiên thánh. Nên Lục-Tổ nói : “ Bậc Thánh-nhân xưa cùng với đại-sur không khác ”. Thời biết, giáo pháp của đức Phật ta, lại nhờ vào thánh-nhân xưa để truyền ở đời. Nay trăm sao lại chẳng lấy cái trách nhiệm của tiên thánh làm trách nhiệm của mình. Đem giáo-lý của đức Phật làm giáo-lý của mình vậy ư !

Và lại, Trăm khi còn trẻ thơ, ở tuổi hiểu biết, hề được nghe lời dạy của thiên-sur, thời trăm tư mặc tưởng, hồn-nhiên thanh-tịnh, lưu tâm ở nội-giáo, tham cứu ở Thiên-tông, quên mình tìm thầy, tinh thành mến đạo. Tuy cái ý hồi tâm hướng đạo đã mạnh nha, nhưng cái cơ cảm-xúc vẫn chưa đạt được.

Vừa lúc 16 tuổi, Thái-hậu từ già cõi đời, trăm thường nằm rơm gói đất, lệ huyết tuôn rơi, ruột đau như cắt. Ngoài nỗi buồn khổ ra, chưa rảnh rỗi làm việc khác. Chỉ khoảng vài năm sau, Thái-Tổ-Hoàng-đế⁽¹⁾ lại kế tiếp yên-giá (qua đời). Mến tiếc mẹ chưa khuây, xót thương cha càng thiết. Thế thảm bòn chòn, khôn nguôi lòng dạ. Trăm nghĩ công cha mẹ đối với con, nuôi nấng vỗ về, chăm sóc đủ thứ, dù có thân nát xương tan cũng

chưa đủ để báo đền công ân đó trong muôn một. Hơn nữa, Trẫm nghĩ Thái-Tổ Hoàng-đế, rất gian nan việc mở nền dựng nghiệp, rất quan-trọng việc trị nước giúp đời, đem đại-khí trao cho Trẫm khi còn thơ dại, ngày đêm nom nớp lo sợ, đứng ngồi không yên ⁽²⁾. Trẫm tự nhủ rằng : “ Trên đã không cha mẹ để nương nhờ, dưới sợ chẳng đủ đáp lòng mong ngóng thành thật của lê-dân, vậy biết làm thế nào đây ”? Trẫm suy nghĩ : “Chi bằng hãy lui về chốn núi rừng, tìm hiểu Phật-giáo, để tỏ rõ việc lớn của sinh tử, để báo đáp đức cù-lao, chẳng cũng tốt lắm sao ” !.

Bởi thế, chí Trẫm đã quyết định. Năm thứ 5, niên hiệu Thiên-Ứng Chính-Bình vào đêm mùng 3 tháng 4 năm Bính-thân (1236), Trẫm mặc áo thường đi ra cửa cung, bảo tả hữu rằng : “ Trẫm muốn ra ngoài thành du-ngoạn, lắng nghe tiếng nói của dân, xem chí nguyện của dân, ngô hầu mới biết được sự gian-nan của họ ”. Lúc đó tả hữu theo bên Trẫm chẳng quá bảy tám người. Vào giờ Hợi đêm ấy, Trẫm một mình một ngựa cất bước ra đi.

Sang sông đi về phía đông, Trẫm mới thật tình bảo cho những người theo hầu biết. Họ rất ngạc nhiên đều ứa hai hàng lệ. Giờ Mão ngày hôm sau, đi đến bến đò Đại-Thần núi Phả-Lại, Trẫm sợ có người biết, phải lấy áo che mặt qua sông, rồi theo đường núi mà đi. Tối tới, vào nghỉ ở chùa Giác Hạnh, đợi đến sáng lại đi. Núi hiểm suối sâu, trèo lội chật vật, ngựa mệt mỏi không thể tiến bước, Trẫm phải bỏ ngựa, vịn vào vách đá mà

đi mãi tới giờ Mùi mới đến sườn núi Yên-Tử. Sáng hôm sau, Trẫm leo thẳng lên đỉnh núi, tham-kiến Trúc-Lâm Đại Sa-môn Quốc-sur⁽³⁾. Quốc-sur chợt thấy mừng rỡ, ung dung bảo Trẫm rằng :

“ Lão-Tăng ở nơi núi rừng, xương cứng dáng gầy, ăn quả cây, nếm lá ngọt, uống nước suối, vui cảnh rừng, tâm tựa mây trôi, theo gió mà đến. Nay Bệ-hạ bỏ cái thể nhân-chủ, nghĩ đến cảnh núi rừng, hẳn có điều mong cầu chi mà đến đây vậy ”! Trẫm nghe lời Quốc-sur nói, bỗng nhiên nước mắt ràn rụa, thưa với Quốc-sur rằng:

“ Trẫm tuổi còn thơ dại, vội mất song thân. Đứng một mình trên đám sĩ dân, không chỗ nương tựa. Lại nghĩ tới sự-nghiệp của đế-vương đời trước, hưng phế, thịnh suy bất thường, nên Trẫm nay vào núi đây, chỉ mong cầu làm Phật, chẳng cầu vật gì khác ”.

Quốc-sur đáp : “ Trong núi vốn không có Phật, Phật chỉ có trong tâm. Tâm vắng lặng mà biết, đó gọi là Chân-Phật. Nay Bệ-hạ nếu ngộ được tâm ấy, thời tức khắc thành Phật, không phải nhọc công tìm đâu xa ”.

Bấy giờ, Trần-Công⁽⁴⁾ là thúc-phụ của Trẫm, em họ đáng tiên-quân, được tiên quân ký thác con côi, sau khi ngài từ giã cõi đời và quần thần, được Trẫm phong chức Thái-sur tham chính việc nước. Nghe tin Trẫm ra đi, Thái-sur bèn sai tả hữu chia ngã đi khắp nơi để tìm tung tích. Tất cả mọi người đã tìm đến núi này, đã cùng gặp nhau.

Trần-Công thông-thiết nói : “ Bày tôi chịu lời ỳ

thác của đấng tiên-quân, thờ Bệ-hạ làm chủ thần-dân, dân trông chờ mong đợi ở Bệ-hạ, như con đò mong cha mẹ. Nữa là hiện nay bậc cổ-lão trong triều-đình, đều là những người trong họ hàng thân thích. Lê-dân sĩ-thứ đều cùng vui mừng qui thuận. Ngay như đứa trẻ 7 tuổi, 8 tuổi cũng đều biết Bệ-hạ làm cha mẹ dân. Và lại, Thái-Tổ bỏ bầy tôi ra đi, dất trên nắm mồ chưa khô, lời di chúc còn vắng bên tai. Mà nay, Bệ-hạ lại dấu hình-tích trong núi rừng, ẩn-cư để thỏa chí riêng mình. Cứ theo ý thần, Bệ-hạ làm kế tự-tu có thể được, nhưng còn quốc-gia xã-tắc thì sao? Xem ra, lấy lời nói suông để chỉ bảo người sau, chi bằng lấy thân mình vì thiên-hạ làm trước. Bệ-hạ nếu không nghĩ lại, bọn thần cùng mọi người, xin cùng chết ngày nay, quyết chí không quay trở về.

Trẫm thấy Thái-sư và các cổ-lão quần thần, không có ý định bỏ Trẫm. Trẫm bèn đem lời nói đó thưa với Quốc-sư. Quốc-sư nắm tay Trẫm và nói : “ Phàm làm đấng nhân-quân, phải lấy ý muốn của thiên-hạ làm ý muốn của mình, lấy tâm của thiên-hạ làm tâm của mình. Nay thiên-hạ muốn đón Bệ-hạ về triều, Bệ-hạ không thể không trở về được. Song, việc tham cứu nội điển, xin Bệ-hạ luôn luôn để tâm, chớ quên.

Bởi thế, Trẫm cùng mọi người lại trở về Kinh, miển-cương bước lên ngôi báu. Trong khoảng thời gian mười mấy năm, phàm gặp cơ hội việc nước nhân rồi, Trẫm thường tụ tập các bậc kỳ đức để tham thiên hỏi đạo và nghiên cứu các kinh điển đại-giáo. Trẫm thường

đọc kinh Kim-Cương, có lần đọc đến câu : “Ứng vô sở trụ, nhi sinh kỳ tâm ” (không nên trụ trước nơi nào, mới sinh được tâm chân chính), vừa lúc bỏ quyển trầm ngâm, bỗng nhiên tự ngộ. Trẫm đem chỗ ngộ đó mà làm ra bài ca này, đề tên là “ Thiên-Tông Chi-Nam ”. Năm ấy, Quốc-sư từ núi Yên-Tử về kinh, Trẫm thỉnh ở chùa Thắng-Nghiêm, chủ trì việc khai ván in các Kinh. Trẫm lấy tác phẩm ấy đưa Quốc-sư xem. Quốc-sư xem xong, ba lần tán thán rằng : “ Tâm của chư Phật hết ở trong sách này, sao không đem khắc ván in với chư Kinh để dạy kẻ hậu học ” ?

Trẫm nghe nói thế, liền sai thợ viết lối chữ chân-phương (giai thư) sắc truyền khắc ván đem in. Sách này không những riêng để chỉ chỗ mê lầm cho đời sau, mà còn muốn nối theo cái công truyền bá rộng của bậc thánh-nhân đời trước. Nhân thế tự làm bài tựa này.

CHÚ THÍCH :

(1) **Thái-Tổ** : Tức Thái-Tổ nhà Trần. Trần-Thừa được tôn làm Thái-tổ. Con Trần-Thừa là Trần-Cảnh, tức Trần-Thái-Tông.

(2) **Đứng ngồi không yên** : dịch câu : Bất hoàng khái sử. Khái sử nghĩa là chiếc chiếu có vị trí quý, nơi đứng, nơi ngồi, dịch ý là đứng ngồi không yên.

(3) **Trúc-Lâm Đại Sa-Môn Quốc-sư** : Có thể là Phù-Vân Quốc-sư, trụ-tri chùa Hoa-Yên lúc bấy giờ (theo Nguyễn-Lang).

(4) **Trần-Công** : Tức Trần-Thủ-Độ, em họ Trần-Thừa.

*

* . *

BÀI TỰA KINH KIM CƯƠNG TAM MUỘI

Trẫm nghe ! Bản tính nhiệm màu, chân tâm vắng lặng. Thành hoại đều dứt, chẳng phải tính trí hay xét ngọn nguồn. Tan hợp đều không, đâu thể mắt tai xem nghe tường tận. Có, không xóa hết, đạo, tục san bằng. Đứng riêng một mình, không chi sánh được. Đó là then chốt của tự tính Kim-cương vậy.

Khổ nỗi ! Chúng sinh đã lâu ; Vì huân tập ô-nhiễm; thức thần dao-động, bởi sóng gió thấy nghe. Noi hạnh xấu làm theo ấy nhiều, xoay ánh tuệ để soi lại ít. Bèn khiến, bốn phương đổi chốn, mê mất ngã về ; lối rẽ sai đường, mơ hồ chính đạo. Gốc ngọn chẳng rõ, chân vọng khó phân. Vàng ròng đem tạp khoáng nấu chung, trắng sáng lẫn bụi trần cùng hiện. Quê, mê ngã về nơi "Hà-hữ" ⁽¹⁾, mặt, quên mất cả về bản lai. Trên đường niết-bàn khó tiến lên, trong hố tử sinh cam lùi bước. Nên đáng năng-nhân (Phật) thầy ta, hiện vô-sinh từ-nhãn, thương mọi khổ trầm luân. Bốn hoàng thế nguyện để lòng, ba nghi ⁽²⁾ dẫn đo càng thiết. Pháp-thân lẳng, báo thân hiện sao lành ứng ở triều Chu. Tượng-pháp tới, chính-pháp qua, người vàng mộng trong cung Hán. Ma-Đẳng, Pháp-Lan truyền đến, Tây-Trúc, Chấn-Đán mới thông. Chử Phạn phiên thành, văn Hoa rực-rỡ. Thay thế lá bối, lấy lụa chép kinh. Bể giáo phủ mọi ngọc châu. Trời nghĩa điểm bao sao sáng. Hoặc muốn thêm chỗ chưa đúng, hoặc đem vá

chỗ chưa bằng. Đường nước Y-Ngô nổi tung, lối mòn sa-mạc tiếp gót. Lối gần vượt biển, dốc chỉ tới Hoa. Từ Hán bắt đầu, tới nay mờ rộng. Thiên, viên, bán, mãn, đều không thiếu trong tráp ngà ; đốn, thực, tiệm, quyền, muôn có thừa trong rương báu. Kinh Kim-cương Tam-muội, há không phải là giáo-viên, mãn, đốn, thực đó sao ? Nếu không thế, sao lại, lấy vô-sinh pháp-yếu, dùng phương-tiện thần-thông. Tu-Bồ-Đề hỏi xuất-thể nhân, Đức Như-Lai gieo vô-thượng quả. Muốn ngăn chặn có sinh có diệt, trước phải bày vô-tướng vô-sinh. Thấy sinh niệm ở vọng niệm mà mờ, dấy thủy-giác nơi bản-giác để tỏ. Chuyển mọi tình thức, vào Úm-ma-la (vô cấu thanh tịnh thức). Mê đầu chẳng đoái tự thân, thông tay dẫn về thật-tế ⁽³⁾. Hoặc vin ngoại-trần duyên có, nên nói chân-tính vốn không. Đến lúc ba tướng ⁽⁴⁾ chẳng quan, ắt hẳn bốn thiền nào có. Hòa các vị thành vô-thượng-vị, nắm mọi dòng làm bất-nhi-lưu. Chuyển xoay biến kế vọng tâm, tiếp vào Như-lai tạng-thức. Thâu tóm mọi pháp, hiển rõ nhất tâm. Nhân chấp mà mê, như nước Thục, nước Man cùng giữ chặt ; bởi sai biết sửa, như nước Tề, nước Lỗ đều đổi thay.

Trẫm, vin vào đức làm chủ đất nước, dựa vào pháp để cai trị dân. Lo nghĩ gian nan, quên cả sớm tối. Việc tuy có hàng vạn, giờ rảnh lấy khoảng thừa. Siêng việc quý giờ, học thêm tiến ích. Chư nghi ngờ chưa biết rõ, đêm đến khuya vẫn còn xem. Đề đọc sách nhỏ, lại ngâm kinh Phật. Kinh này mới thấy, cảm tựa nhiều đời. Tìm lý ẩn, đào nghĩa cao sâu, chín lần nghĩ, ba hồi

xét lại. Nghiền ngấm nghĩa lý, trau chuốt văn hoa. Muốn hiển lời vàng, giúp cho hậu học. Lạm dùng văn báo thấy một, dẫn dắt đàn khi giận ba⁽⁵⁾. Bởi thế, Trẫm viết điều chứa trong lòng, lại thân làm văn chú giải. Tìm lời nhiệm màu non Thửu-Linh, xét nghĩa uẩn-áo đày Long-Cung. Vá vào giống hạt bụi trên đường chân-như, giáng ra tựa giọt nước trong nguồn chính-giác. Phát huy ý thâm diệu, khai xiển tông chân-thừa. Khiến người, vừa mở văn xem, liền nhận rõ nghĩa. Phá thành-tri kiên cố tà đảng, làm đội quân mưu lược nghĩa đồ⁽⁶⁾. Vọng kiến mệnh mang, dần biết quay về sao Bắc-đẩu; đường mê khúc-khuỷu, chợt biết hướng theo kim chỉ-nam. Nguyện vì người học có chỗ nương, mới thấy lòng Trẫm không sèn tiếc.

NAY TỰA,

CHÚ THÍCH :

(1) **Hà-Hữu** : Rút gọn ở câu " vô hà-hữu chi hương " nghĩa là quê hương nơi không có. Tức nơi tịch diệt vô vi. Trang-Tử nói : " Vô hà hữu chi hương, quảng mạc chi dã ". Đó là cái nghĩa không-vô. Tam giới vạn pháp đều không.

(2) **Ba nghi** : Dịch ở chữ Tam-tư. Sách Luận-Ngữ chép : " Tam tư nhi hậu hành ", ý nói làm việc gì cũng phải đắn đo, nghi đi xét lại nhiều lần rồi mới làm.

(3) **Thông tay dẫn về thật tế** : Dịch ở câu : " Thùy thủ đạo quy thật-tế ", nghĩa là tiếp dẫn về nơi chân thật cứu cánh, tức là về nơi bản-thể của bình đẳng nhất như.

(4) **Ba tướng (hữu vi)** : 1) Tướng sinh.

2) Tướng trụ, dị.

3) Tướng diệt. (a)

(5) **Đàn khí giàn ba** : Dịch ở chữ "Thư chúng nộ tam". Theo điển sách Trang-Tử, Tề-vật-luận chép : Xưa có ông Thư-công (chủ đàn khí) chia thức ăn cho khí. Ông nói : " Sáng cho ba chiều cho bốn, đàn khí đều giàn. Lại nói : Thế sáng cho bốn chiều cho ba, đàn khí đều mừng". Sáng 3 chiều 4, sáng 4 chiều 3, số lượng bằng nhau, mà đàn khí hoặc giàn hoặc mừng. Đó là chúng không biết được nghĩa danh với thật chỉ là một.

(6) **Làm đội quân mưu lược nghĩa-đồ** : Dịch câu " Tác nghĩa-đồ tôn trở chi sư". Tôn là vô rượu, trở là cái kỹ dụng đồ tế, đĩa đựng thịt, ẩm chỉ cho yến tiệc. Trong yến tiệc có bàn tính mưu lược, mà phá được địch quân ngoài ngàn dặm. Văn bia chùa Đầu-Đà chép : " Cô năng sử tam thập thất phẩm hữu tôn trở chi sư, cứu thập lục chủng vô phiên ly chi cố". Chú rằng : " Nghĩa đồ tinh nhuệ, cố mưu sâu trong yến tiệc". Lại chú rằng : Kinh Đại-Phẩm, tam thập thất phẩm nói : Các phẩm này là yếu chỉ của Phật-Pháp, mà các Tỷ-kheo vâng làm để hàng phục chỗ cố chấp của ngoại đạo. Cũng như Yến-Tử ở trong bữa tiệc mà ngăn chặn được quân Tấn. Vì Tấn muốn đánh Tề, liền sai sứ sang Tề. Nước Tề đặt tiệc khoản đãi. Trong bữa tiệc, sứ nước Tấn nói vui rằng sẽ làm loạn Tề. Thái-sư Yến-Tử biết ý. Khi sứ Tấn trở về liền bảo : " Nước Tề không thể đánh được". Do đó Tấn lui quân. Khổng-Tử nghe biết liền nói : " Bất xuất tôn trở chi gian, triết-xung thiên lý chi ngoại giả, Yến-Tử chi vị dã", nghĩa là trong bữa yến tiệc mà hay ngăn chặn được quân địch ngoài ngàn dặm, chính Yến-Tử đã làm được vậy.

a) Ba tướng : cũng là ba thứ tự-tánh :

- 1) Biến kế sở chấp tánh,
- 2) Y tha khởi tánh,
- 3) Viên thành thật tánh.

*

* *

TỰA KHOA-NGHI SÁU THỜI SÁM-HỐI

Tiện đi lại trên sông, đường bộ là thuyền, xe ; rửa bụi nhơ cho thân và tâm là lễ sám. Muốn rửa thân tâm mà không nhờ lễ sám, khác gì muốn tiện lợi đi lại, lại không dùng thuyền, xe. Thế nên, công dụng của lễ sám rất lớn. Kinh Đại-Tập nói “ Như chiếc áo dơ bẩn trăm năm, có thể giặt sạch trong một ngày ”. Nên mọi nghiệp bất thiện chứa góp trong trăm ngàn kiếp, nhờ sức thần của Phật, thuận theo duyên lành, có thể tiêu trừ hết chỉ trong một ngày, một khắc.

Ồi ! Chúng sinh bản lai giác-tánh, thanh-tịnh viên-minh. Lắng như thái-hư, không một hạt bụi. Bởi bọ vọng khởi, cõi uế hiện thành. Năng sở nương nhau, Phật, ta hai ngã. Tính căn riêng rẽ ; ngu, trí chia đường. Chỉ bảo một môn, khó thể ngộ nhập. Nên đức Phật ta, hoằng tứ nguyện lớn, phương tiện mở nhiều pháp-môn, chỉ nẻo đường về, ứng bệnh cho thuốc. Biết huyền cấu của chúng sinh, từ vọng mà có. Khuyên họ một niềm siêng năng quy-y lễ sám. Khiến thân tâm thanh tịnh, tròn sạch như xưa. Gió lặng sóng dừng, bụi hết gương sáng. Vì, tâm xưa làm ác, như mây che mặt trăng ; tâm nay làm lành, như đuốc tan bóng tối. Ồi ! Công dụng của lễ sám, thật quả là lớn, đâu chỉ có thế !

Trăm, nhờ ơn cao siêu chiếu cố, hưởng ngôi vị chí tôn. Việc dân gian-nan, triều-chính bề bộn. Bên ngoài phần hoa dụ dỗ, bên trong trùng bọ muốn ham. Miệng chán vị ngon, thân mang vàng ngọc. Nghe nhìn theo sắc

thanh sai khiến, ăn ở có đài các yên vui. Lại nữa, phép người suy vi, thói đời bạc bẽo. Người học mờ mịt, gốc thiện mỏng manh. Ngày thời căn trần tiếp xúc, lưới nghiệp kéo lôi ; đêm thời thụ-cái dậy che, giầy oan ràng buộc. Ngày đêm phan duyên, đều là những tội lỗi gây tai gieo họa. Trăm lầy điều ấy, canh cánh trong lòng. Thương cảm xen nhau, bỏ ăn quên ngủ. Nhân lúc việc triều-chính nhàn rỗi, xem các kinh sách và mọi nghi-vấn, soạn thành pháp lợi mình lợi người, để chỉ bảo cho đời. Tìm kiếm rồi suy ngẫm, hễ có nghiệp chứa chất, đều do sáu căn gây ra. Bởi thế, Thích-Ca Văn-Phật, khi đạo chưa thành ; trước vào Tuyết-son, sáu năm tu khổ-hạnh, đáng là vì sáu căn vậy. Phòng theo ý ấy, Trăm lầy sáu căn chia làm sáu thời, mỗi thời lễ sám một căn. Thân chế ra nghi-vấn gọi là “ Khoa-nghi sáu thời lễ Phật sám hối ”. Văn thời lời văn rộng, nói thời lời nói xa. Vì văn nhiều thì sám hối trễ nải, nói xa thì ngờ vực nảy sinh, nên không tạo bóng bẩy cho đầy pho sách, khiến người đọc tụng đều vui, thấy nghe dễ hiểu. Ngõ hầu, những người có lòng tin, có thể ngày đêm, phát tâm chí-thành, lấy khoa-nghi này làm nghi-thức lễ sám. Như vậy thời chẳng phụ cái nguyện lợi mình lợi người của Trăm. Người có mắt sáng sau này, xin chớ lấy nghi-vấn chế nhạo. Tuy nhiên như thế, nhưng :

*Bởi hoa nở sớm ven ngõ tía,
Nên có oanh vàng đậu liễu xanh.*

(Bắt nhân tử mạch hoa khai tảo,
Tranh dắc hoàng oanh hạ liễu điều).

TỰA VĂN LỄ SÁM BÌNH ĐẰNG

Ôi ! Pháp-tính như như, không vướng mây may niệm
lự ; Chân-nguyên vắng lặng, bản lai chẳng gọn nhiễm
ô. Bởi chợt dấy vọng duyên, hiện thành huyền thể. Theo
nghiệp thức chuyển, quên mất viên ngọc sáng tròn ;
mất gia tài kia, bởi buông sáu căn tham dục. Nếu có
chứa đựng tịnh-pháp, ắt phải rửa sạch vọng trần.
Phát khởi tâm bình đẳng nhất chân, dành lễ thể
Pháp-Thân vô tướng. Đến được trong ấy, tự tha thọ
dụng giao-hòa ; hướng bên đó cầu, bản-lai diện mục tự
hiện. Tuy nhiên như thế, gương chưa thoát khỏi vỏ báu,
chốn loạn khó yên ; thuốc chưa rút khỏi bình vàng, căn
bệnh khó khỏi. Trăm giành, giờ rảnh muôn việc còn dư,
xem nghĩa thậm thâm ba tạng. Gặp pháp-môn này, chỉ
thẳng con người làm Phật. Dù là minh-nhãn, ngại gì trên
gắm thêm hoa. Nếu là tri âm, chính nên tiến bước.

*

*

*

NÓI RỘNG MỘT ĐƯỜNG HƯỚNG THƯỢNG (1)

Bàn-Sơn thiền-sư (2) để lại lời dạy rằng : “ Một đường hướng thượng, ngàn thánh chẳng truyền. Người học nhọc hình, như vượn bắt bóng ”. Khiến người học khắp nơi, đều hướng con đường ấy, tham cứu thiền-ý (3). Thử hỏi tất cả mọi người, thiền-ý làm thế nào tham được ? Nếu quả tham được ý ấy, lại giống như một gã si (4). Đầu lại thêm đầu, đuôi nối đuôi nữa. Bỏ bụi trong mắt, thêm bụi trên thân. Nói đến thời môi miệng méo xiên, ngó thấy thời mắt, người rơi rụng. Cụ già vàng mặt (Phật), liếc mắt dòm bên, Thầy Tăng mắt xanh (Tổ Đạt-Ma) chau mày đứng cạnh. Mā-Tổ treo phát (5), Thủ-Sơn dấu bè (6). Triệu-Châu xé rách thiên-sam (7), Vân-Môn vút bỏ hồ-bính. Đức-Sơn buông gậy (9), Lâm-Tê nuốt lời (10). Dấu vết Phật Phật, Tổ Tổ đều mờ, gan mật kẻ kẻ, người người đều mất. Châm không chỗ thấu, dùi cũng chẳng vào. Đầu dòng tiến tới không đường, trán sắt lao vào chẳng thủng. Lửa đá set mà chẳng kịp, điện chớp loáng còn chậm xa. Tỉnh ngộ vào chốn chìm say, động mê xéo đường sinh tử. Ví khiến, Linh-Sơn phó chúc, chỉ là nơi chốn rườm rà ; Thiệu-Thất đan truyền, cũng là ổ hang rác rối. Mặc dù cơ dương tựa chớp, tiếng thét ứng cơ. Lời diễn chảy trôi, thoại đầu lưu loát. Tham đi tham lại, ngày lâu tháng dài. Chút vương miệng nói trơn tru, sao thoát thân nằm hang ổ.

Này mọi người ! Đến chỗ ấy rồi, chẳng được buông qua một bước. Xô người học đưa mắt nhìn vách đá treo leo, càng khó tiến bước. Ta ngày nay vì tất cả các người! Chẳng khỏi vuốt râu miệng hùm, đầu sào tiến bước. Chỗ nói thời như gió bay từng réo, chỗ im thời tựa trăng chiếu đậm trong. Khi đi, nước cuốn mây bay ; khi đứng, núi yên non vũng. Lờ lờ là Thích-Ca hoạt-kế, cầu cầu là Đạt-Mạ gia-phong. Buông ra thời 8 chữ mở tung, thu lại thời một môn đóng chặt ⁽¹¹⁾. Ở trong hang quý, cũng là Di-Lặc lâu dài, trụ dưới núi đen, chẳng khác Phổ-Hiền cảnh-giới. Nơi nơi là đại-quang-minh-tạng, cơ cơ là bất nhị pháp môn. Mặc cho sáng lại tối đi, quản gì mây che trăng khuất. Trên tay ngọc sáng, xanh ánh xanh, vàng ánh vàng ; gương xưa đương-đài, Hồ hiện Hồ, Hán hiện Hán. Dù ngay huyền thể, hết là Pháp-thân. Chẳng nhọc trên đỉnh phóng quang, vốn đủ lục-thông diệu-dụng. Cung điện Ma-Vương lật đổ, tâm can ngoại đạo mở toang. Biển trái đất làm cõi nước vàng son, khuấy sông dài cho trời người nước sữa. Trong hồng mũi pháp-luân thường chuyển, dưới lông mày bảo-sát hiện ra. Gái đá ⁽¹²⁾ trong nước mưa điệu bà-sa, người gõ thổi kèn hát bài khoản-đài. Hoặc gặp trường bạn rộn, hoặc được chốn thành thơi. Hoặc thông tay (xuống núi) giúp đời, hoặc quay đầu đồng nội. Khi biếng nhác ngủ mây gối đá, lúc thích hứng vịnh gió ngâm trăng. Rong chơi nơi quán rượu phòng trà, cười đùa giữa đường hoa ngô liễu. Hoa vàng tua tủa, đều là Bát-nhã tâm, trúc biếc xanh xanh, hết là Chân-như lý.

Vén cỏ hiện bản-lai diện-mục, xói đất dứt đường rẽ từ sinh. Quay đầu ngựa sắt ⁽¹³⁾ cưỡi rong về, xô mũi trâu đất đi lùi bước. Chẳng lấy muôn pháp làm bạn, ai bảo một vật hãy còn. Phật cũng không, tâm cũng không, chân cũng được, giả cũng được. Ngoài cửa tam yếu, tha hồ thét hai làm ba, chữ thập đầu đường, mặc sức gọi mười làm chín. Sáo không lỗ ⁽¹⁴⁾ tấu vô-sinh khúc, đàn không giây gảy khoái-hoạt ca. Nơi nơi kia đều là tri-âm, chốn chốn nọ há dung tai lắng. Chỉ một đường hướng thượng này, ngàn ngại nói thế nào đây ! Chà ! Lửa ấy chưa từng đốt miệng ! Nghe cho kỹ, nghe cho kỹ ! Ví bằng nghe được lời ấy, ắt phải tai điếc ba ngày. Nếu nghe chẳng được, mau nên chạy qua. Còn ngàn ngại gì!

Chốn chốn dương xanh kham buộc ngựa,

Nhà nhà có lối đến Trường-An.

Trở về dưới nguyệt người thưa vắng,

Một ánh trăng soi đại-địa hàn. ⁽¹⁵⁾

(Xứ xứ lục dương kham hệ mã,

Gia gia hữu lộ đáo Trường-An.

Hồi trình nguyệt hạ nhân hy đáo,

Nhất đạo thiêu quang đại-địa hàn).

CHÚ-THÍCH :

(1) **Nói rộng một đường hướng thượng** : Nói rộng (phổ quát) trái với độc-tham. Nghĩa là nói về yếu chỉ chính truyền của Phật, Tổ và bàn rộng tới các kinh luận, chứng tích của các thiên-sư xưa nay, để chỉ bảo cho kẻ hậu học. Một đường hướng thượng (nhất lộ hướng thượng) nói về nghĩa tối thượng. Cực tặc của hướng thượng, ta không thể đem ngôn ngữ suy tư để diễn tả.

(2) Túc Bàn-Sơn Bảo-Tích thiên-sư đời Đường, pháp-tự của Mã-Tổ.

(3) **Thiên-y** : Ý cùng cực thiên, không dấu vết, không tự tánh, bất khả đắc. Hoặc gọi là tư-tướng thiên.

(4) **Gã Si (Si nh)** : Chỉ kẻ ngu, chẳng biết tìm trí-tuệ ở tự mình, tức tự-Phật, lại cứ đuổi theo ngoại-cảnh, tìm Phật bên ngoài, chẳng khác gì như kẻ si, đầu lại thêm đầu.

(5) **Mã-Tổ treo phất (Mã-Tổ quải phất)** : Phất là một dụng cụ đuổi ruồi muỗi. Xưa đức Phật chế cho hàng đệ tử dùng, có cán làm bằng tre hay gỗ. Phất làm bằng lông ngựa hay giấy gai. Sau này các thiên-sư dùng phất để mỗi khi thượng đường thuyết pháp. Mã-Tổ, tức Mã-Tổ Đạo-Nhất đời Đường, pháp-tự của Nam-Nhạc Hoài-Nhượng. Mỗi khi có học nhân tới tham-vấn, Mã-Tổ dựng phất để biểu thị thiên-cơ. Đây nói treo phất tức gác cái phất lại. Có ý nghĩa là không cần tới. Các câu sau ý nghĩa tương tự.

(6) **Thủ-Sơn giấu bệ** : (Thủ-Sơn tàng bệ) : Bệ tức trúc-bè. Các thiên-sư dùng để tiếp dẫn học-đồ. Trúc-bè dài khoảng 3 tấc, làm bằng tre, hình khom cánh cung, sơn son. Thủ-Sơn, tức Thủ-Sơn Tĩnh-Niệm thiên-sư đời Đường, dòng Lâm-Tế. Khi thượng-đường, Thủ-Sơn dựng cây trúc-bè (cây thước) thị chúng rằng : "Này tất cả mọi người. Nếu gọi là cây thước thời phải (khẳng định), nếu chẳng gọi là cây thước thời trái (phủ-định). Vậy tất cả mọi người gọi là cái gì ? ". Giấu bệ có nghĩa không cần tới trúc-bè.

(7) **Triệu-Châu xé rách thiên-sam (Triệu-Châu liệt phá bố-sam)**. Triệu-Châu tức Triệu-Châu Tông-Thẩm, thiên-sư đời Đường, dòng phái Nam-Nhạc. Theo công-án, một vị Tăng hỏi Triệu-Châu : "Muôn pháp trở về một, một về chốn nào ? " Sư đáp : " Ta ở Thanh-Châu làm một áo vải nặng 7 cân " (Ngã tại Thanh-Châu tác nhất lãnh bố-sam trọng thất cân). Bố-sam tức là áo thiên-sam bằng vải. Thiên-sam là một thứ áo lót cột tay, treo từ trên vai phía trái xuống, bọc che hai bên nách. Xé rách áo thiên-sam, nghĩa là không cần đến áo thiên-sam.

(8) **Vân-Môn vứt bỏ hồ-bính** : (Vân-Môn quyền khước hồ-bính). Vân-Môn tức là Vân-Môn Văn-Yên thiên-sư, khai sáng tông Vân-Môn. Theo công-án, có vị Tăng hỏi Vân-Môn : " Thế nào là lời bàn siêu Phật,

việt Tổ " ? Văn-Môn đáp " " Hồ-bính ". Hồ-bính là một thứ bánh làm bằng bột và vừng.

(9) **Đức-Sơn buông gậy** : (Đức-Sơn khí bổng). Đức-Sơn, tức Đức-Sơn Tuyên-Giám thiền sư, pháp tự của Long-Đàm Sùng-Tín. Mỗi khi học-đồ tới tham-học, hỏi đạo, ngài đều dùng gậy để chỉ bảo hướng dẫn về ý-chỉ Thiên.

(10) **Lâm-Tế nuốt lời (Lâm-Tế thôn thanh)** : Lâm-Tế tức Lâm-Tế Nghĩa-Huyền thiền-sư, Tổ sáng lập tông Lâm-Tế. Học đồ mỗi khi đến tham thiền hỏi đạo, ngài thường dùng tiếng " Thét " để tiếp dẫn.

(11) **Buông ra thời tám chữ mở tung, thu lại thời một môn đóng chặt** : Dịch câu " Phóng chi tắc bát tự đã khai, bả chi tắc nhất môn tuyệt hồ ". Câu trên có nghĩa là nhất phóng tức phóng ra, buông ra. Câu dưới có ý nghĩa là nhất thu, bắt lại. Hướng thượng tới cảnh giới tuyệt đối bằng đẳng cùng cực có nghĩa thu lại, thu lại thời một môn đóng chặt. Khi hướng hạ độ sinh có nghĩa buông ra, buông ra thời tám chữ mở tung. Vậy tám chữ đây, ám chỉ cho tám hướng, mười phương hay nhiều phương hướng, không chỉ giới hạn ở số tám.

(12) **Gái đá nhảy múa (thạch nữ khởi vũ)** là người gái khắc bằng đá nhảy múa. *Người gõ thổi kèn (suy-dịch mộc nhân)*, đều dụ cho phần伎倆 dụng thiên-chân vô-tác, xa lìa mọi hình thức phân biệt.

(13) **Ngựa sắt, trâu đất (thiết mã, nê ngưu)** Ngựa làm bằng sắt, trâu nặn bằng đất, đều dụ cho cảnh giới giải-thoát vô-ý-thức, xa lìa mọi phân biệt.

(14) **Sáo không lỗ (một không dịch), đàn không dây (vô huyền cầm)** dụ cho thuyết pháp không lệ thuộc vào ngôn ngữ, lìa mọi tình thức.

(15) **Đại ý bài thơ nói** : Người người đều có bản lai diện mục (Phật-Tính) nên người người đều có lối đến Trương-An. Trở lại được có rất ít người. Nhưng một khi đã trở về được, thì một ánh trăng soi đại-địa hàn, tức chứng ngộ được nhất chân thể-giới.

*

* *

AM :

NGŨ-LỤC VẤN ĐÁP MÔN HẠ

Nhất nhật đế du Chân-Giáo-tự. Tống Đức-Thành tiên vân : “Thế-tôn vị ly đầu-xuất, dĩ giáng vương cung; vị xuất mẫu thai độ nhân dĩ tất, thời như hà ?” Đế vân : “Thiên-giang hữu thủy thiên-giang nguyệt, vạn lý vô vân vạn lý thiên”. Tăng vân : Vị ly xuất môn khai thị. Dĩ ly dĩ xuất sự nhược hà. Đế vân: Vân sinh nhạc đỉnh đô lô bạch, thủy đảo Tiêu, Tương nhất dạng thanh. Tăng vân: Tệ lai sơn sắc tình. Vân khứ động trung minh. Vị thậm mạ ản hiển nhất như. Đế vân: Trừ thị ngã gia chân đích tử, thủy nhân cảm hướng lý đầu hành. Tăng vân: Cổ kim vô dị lộ, đạt giả cộng đồng đồ. Bệ hạ tương vị đắc đạo độc Thế-Tôn mạ? Đế vân : Xuân vũ vô cao hạ, hoa chi hữu đoản trường. Tăng vân: Nhân nhân bản tự nhân nhân cụ, cá cá nguyên lai cá cá viên. Vị thậm mạ Thế-Tôn nhập sơn tu đạo. Đế vân: Kiếm vị bất bình khai bảo hạp, dược nhân liệu bệnh xuất kim bình. Tăng vân: Nhân trung hư trước tiết, nhục thượng mạc oan sang. Đắc ư học nhân phạm thượng hữu tu chứng mạ. Đế vân: Lưu thủy hạ sơn phi hữu ý, bạch vân xuất tụ bản vô tâm. Tăng vô ngữ. Đế vân: mạc vị vô-tâm vân thị đạo, vô tâm do cách nhất trùng quan. Tăng vân ư tâm ký vô. Hoán thậm mạ tác trùng quan. Đế trùng vân: Lưu thủy hạ sơn phi hữu ý, bạch vân xuất tụ bản vô tâm. Tăng vô đối.

NGHĨA:

LỜI VẤN ĐÁP TRONG MÔN NHÂN ⁽¹⁾

Một ngày nọ vua (Trần-Thái-Tông) thăm chùa Chân-Giáo. Vị Tăng Đức-Thành đời Tống hỏi: — “Đức Thế-Tôn chưa rời cung Đâu-Suất đã giáng xuống vương-cung; chưa ra khỏi thai mẹ, đã độ người hoàn tất, đó là nghĩa thế nào?” — Vua đáp: “Ngàn sông có nước ngàn trăng chiếu, muôn dặm không mây muôn dặm trời”. Tăng hỏi: “Chưa rời cung, chưa ra đời, đã được chỉ bảo. Còn, đã lìa cung, đã ra đời, việc ấy như thế nào?” Vua đáp: “Mây sinh đỉnh núi đều màu trắng, nước đến Tiêu, Tương ⁽²⁾ một vẻ trong” — Tăng nói: “Mưa tạnh sắc núi rạng, mây quang trong động sáng”, vậy thế nào là ẩn hiện nhất như?” — Vua đáp: “Ngoại trừ con thật của nhà ta, ai dám hướng vào trong nơi đó”. — Tăng nói: “Xưa nay không khác lối, người đạt cùng nẻo đường, Bệ-hạ há bảo duy Thế-Tôn đặc đạo ư?” — Vua nói: “Mưa xuân không cao thấp, cành hoa có ngắn dài”. — Tăng hỏi: “Người người vốn tự người người đủ, kẻ kẻ nguyên lai kẻ kẻ tròn, tại sao Thế-Tôn lại vào núi tu đạo?” — Vua nói: “Kiếm vì bất bình mở hộp báu, thuốc nhân trị bệnh rút khỏi bình”. — Tăng nói: “Trong mắt đừng để bụi, trên thịt chớ khoét ung, còn phần người học đạo, có chỗ tu chứng chằng?” — Vua nói: “Nước chảy xuôi non đâu có ý, mây tuôn qua núi vốn không tâm”. Tăng im lặng. — Vua nói: “Chớ bảo vô-tâm nơi là đạo, vô-tâm còn cách một trùng quan” — Tăng nói:

"Tâm đã không, gọi cái gì làm trùng quan". — Vua lại nói:
"Nước chảy xuôi non đâu có ý, mây tuôn qua núi vốn
không tâm". — Tăng không đáp.

CHÚ THÍCH :

(1) **Lời** : dịch ở chữ Ngũ-lục.— Ngũ-lục. — những lời nói
thiết-yếu của chư Tổ tập hợp lại thành sách, nên gọi là ngũ-lục.

(2) Dòng nước sông Tiêu ở Trung Quốc rất trong và quá sâu, khi
sông Tương và sông Tiêu hợp lại với nhau gọi là Tiêu-Tương đều trở
thành trong suốt.

*

*

*

ÂM :

NIÊM TỤNG KỆ

(Đĩ hạ tứ thập tám chương)

L- Cữ : *Thế-Tôn vj ly Đâu-Xuất đĩ giáng vương-cung, vj xuất mẩu thai độ nhân đĩ tất.*

Niêm : *Kiểm khích vj thi,
Tướng quân đĩ lộ.*

Tụng : *Một hình-hài tử vj ly hương,
Ngộ dạ tương nhân độ điều mang.
Cao đạ ưu-du vô glán cách,
Bất tu thuyền tử dữ phù nang.*

NGHĨA :

NIÊM TỤNG KỆ ⁽¹⁾

(Dưới đây gồm 43 chương)

L—Cữ : *Thế-Tôn chưa rời Đâu-Xuất đã giáng vương-cung,
chưa ra thai mẹ đã độ người xong.*

Niêm : *Gươm giáo chưa vung,
Tướng-quân đã lộ.*

Tụng : *Hình-hài chưa có chừa rời làng,
Sớm tới độ người về rộn ràng.
Nhẹ gói thung dung không xen cách
Chẳng cần tuyền mắng với phù nang.⁽²⁾*

CHÚ THÍCH :

(1) Niêm, tụng, kệ tức là Cử, niêm, tụng.

Cử : Đưa ra một cổ-tác hay một công-án làm đề án cho vấn đề.

Niêm : Trích ra ý nghĩa của vấn đề để nhận xét.

Tụng : Tức kệ tụng, gồm 4 câu để làm rõ ý-nghĩa của vấn đề đã được nêu ra.

(2) **Phù-nang** : Phao nổi, nhờ phao nổi này để qua sông, biển.

*

*

*

ÂM :

- 2.- Cử : *Thế-Tôn sơ sinh, nhất thủ chi thiên, nhất thủ chi địa. Thiên thượng địa hạ, duy ngã tộc-tôn.*
- Niêm : *Nhất phiến bạch vân hoành cốc khẩu,
Kỳ đa qui điều tận mê sào.*
- Tụng : *Đạt-Đa sơ giáng Tịch-Vương cung,
Dục hóa quần sinh tự hiển tung.
Thất bộ chu hành chi thiên địa,
Kỳ đa Phật-tử táng gia phong.*

NGHĨA :

- 2.- Cử : *Đức Thế-Tôn lúc mới sinh, một tay chi trời, một tay chi đất. Trên trời dưới đất duy "Ngã" tộc-tôn.*
- Niêm : *Một tầng mây bay qua cửa núi,
Bao chìm lại tổ lạc đường về.*
- Tụng : *Đạt-Đa mới xuống Tịch-Vương cung,
Muốn hóa quần sinh phải hiển tung.
Bảy bước chi trời cùng chi đất,
Bao người con Phật mất gia phong.*

*
* *
*

ÂM :

3.- **Cử** : *Thế-Tôn niêm hoa, Ca-Diếp phá nhan vi-tiểu.*

Niêm : *Dịch khởi mi mao trước nhãn khan,*

Tiến tiền nghĩ nghĩ cách thiên san.

Tụng : *Thế-Tôn niêm khởi nhất chi hoa,*

Ca-Diếp kim triều đắc đạo gia.

Nhược vị thử vi truyền pháp-yếu,

Bắc viên thích việt⁽¹⁾ lộ ưng xa.

NGHĨA :

3.- **Cử** : *Thế-Tôn nâng hoa ám chi, Ca-Diếp nở mặt mỉm cười.*

Niêm : *Rẽ ngược lông mày để mắt xem,*

Nghĩ bàn tiến bước cách thiên san.

Tụng : *Thế-Tôn chi nhắc một nhành hoa,*

Ca-Diếp sáng nay được tới nhà.

Nếu bảo đó là truyền pháp-yếu,

Về Nam xe Bắc lối càng xa.

CHÚ-THÍCH :

(1) **Bắc viên thích việt** : Quay càng xe về hướng Bắc lại đi lùi lại hướng Nam để đến đất Việt, phương hướng trái nhau nên càng đi càng xa.

*

*

*

ÂM :

4.- **Cử** : Ngoại đạo vản Phật, bắt vản hữu ngôn, bắt vản vô ngôn.

Niêm : Từ thị ngã gia chân đích tử,
Thùy nhân cảm hương lý đầu hành.

Tụng : Lao-quan nan hệ hữu thùy tri,
Ngôn ngữ đồ vong một xứ y;
Bát thị thể-trung lương mã tử,
Hà do đặc địa đắc tiện nghi.

NGHĨA :

4.- **Cử** : *Ngoại đạo hỏi Phật : “ Chẳng hỏi có lời, chẳng hỏi không lời ”.*

Niêm : *Ngoại trừ con thật của nhà ta,
Ai dám hương vào trong nơi đó.*

Tụng : *Cửa Lao⁽¹⁾ khó buộc có ai hay,
Ngôn ngữ nào vương ở chốn này;
Chẳng có trong đời nòi ngựa tốt,
Do đâu biết được tiện nghi này.*

CHÚ-THÍCH :

(1) **Cửa Lao** = **Lao-quan** : cửa trần lao bền chắc, dù có hiểu biết phân biệt tới đâu chẳng nữa, cũng không thể lãnh hội được con đường hướng thượng.

*

*

*

ÂM :

5.- **Cử** : *Thế-Tôn thăng tọa, Văn-Thù bạch chùy vân :*
"Đề quan Pháp-vương pháp. Pháp-vương pháp
như thị".

Niêm : Vô huyền cầm thượng tấu dương xuân,
Thiên cổ vạn cổ thanh bát tuyệt.

Tụng : Tuy ngôn cú cú một tý hà,
Quải độc ưng do lộ vĩ ba.
Tranh tự nhất chỉ vô Không-địch,
Vị quân xuy khởi thái-bình ca.

NGHĨA :

5.- **Cử** : *Thế-Tôn bước lên tòa pháp, Văn-Thù đánh kiền-
chùy bạch chứng rằng : " Nghe kỹ pháp của Pháp-
vương. Pháp của Pháp-vương như thế ".*

Niêm : *Đàn cầm không chỉ tấu dương-xuân, ⁽¹⁾
Ngàn thuở muôn đời tiếng vẫn ngân.*

Tụng : *Dấu rằng lời nói chẳng tý-hà ⁽²⁾
Sừng gác nhưng đuôi vẫn hiện ra;
Sao tựa sáo kia không lỗ hồng,
Vị người trôi khúc hát hòa-ca.*

CHÚ-THÍCH :

(1) **Không chỉ tấu dương-xuân** : Không chỉ có nghĩa đàn không
dây. Dương là mùa xuân, chế khúc hát cho đàn cầm gọi là khúc
"Dương-Xuân".

(2) **Tý-hà** : Vết xấu, lời nói sai lầm.

*

* *

ÂM :

6.- Cử Kê-Tân quốc-vương bình kiếm, vị nhị-thập-tứ
Tổ Tôn-Giả vấn : “ Sư đắc uẩn không phủ ” ?
Viết: Dĩ đắc. Viết : Ly sinh tử phủ ? Viết : Dĩ ly.
Viết : khả thí ngã đầu phủ ? Viết : “ Thân phi ngã
hữu hưởng ư đầu hồ ” ! Vương tiện trâm. Bạch
nhũ dũng xuất. Vương ty tự dọa.

Niêm : Tương đầu lâm bạch nhãn,
Do như trâm xuân phong.

Tụng : Lợi dao đoạn thủy hỏa xuy quang,
Ná sự ứng tri đã bất phương;
Báo đạo kim triêu viễn yên lãng,
Thủy tri biệt hữu hảo tư lương.

NGHĨA :

6.- Cử : Vua nước Kê-Tân tuốt gươm, bảo Tôn-Giả Tô thứ 24
rằng : Sư được “ Uẩn ” không chăng ? Sư đáp : Đã
được. Hỏi : Lià sinh tử chăng ? Đáp : Đã lià. Hỏi : Có
thể cho ta cái đầu chăng ? Đáp : “ Thân còn chẳng có,
nữa là đầu ư ! ” Vua liền chém đầu, sửa trắng vọt
ra, tay vua tự rơi.

Niêm : Đem đầu lao vào gươm bén,
Tựa như chém làn gió xuân.

Tụng : Chém nước bằng dao có bận gì,
Lừa lừa ánh sáng chẳng hề chi
Báo tin sớm ấy xa mây nước,
Biết được riêng ai tốt nghĩ suy.

ÂM :

7.- **Cử** : Đạt-Ma Đại-Sư chí Lạc-Dương Thiệu-Lâm,
cử niên diện bích nhi tọa.

Niêm : Trước nhân khan, hữu khạp thụ.

Tụng : Bằng đoàn nhất phần đảo Nam-Minh
Tiếp chủng đồ lao vạn lý trình
Tạc dạ chỉ tham diên thượng lạc
Kim triều bất giác túy nan tình

NGHĨA :

7.- **Cử** : Đạt-Ma Đại-Sư đến chùa Thiệu-Lâm, thành Lạc-Dương, 9 năm ngồi quay mặt vào vách.

Niêm : Dương mắt nhìn,
Đừng ngồi ngủ.

Tụng : Chim bằng vỗ cánh tới Nam-Minh ⁽¹⁾,
Muôn dặm noi theo luồng nhọc hình.
Đêm trước chỉ tham vui yến tiệc,
Sáng nay chẳng tỉnh lúc bình minh.

CHÚ THÍCH

(1) Nam-Minh tức Nam-Hải.

*

*

*

ÂM :

8.- Cữ : Nhị-Tổ khát Đạt-Ma an tâm. Ma viết : “ Tương tâm lai dữ như an ”. Viết : “ Mịch tâm liễu bất khả đắc ”. Ma viết : “ An tâm kính ”.

Niêm : Tam tuế hài nhi báo hoa cỏ,
Bát thập lão ông cõn tú cầu.

Tụng : Tâm ký vô tâm đạo hướng thù,
Mộng hồi á tử nhãn ma di;
Lão-tăng man đạo năng an kính,
Tiểu sát bàng quan bất tự tri.

NGHĨA :

8.- Cữ : *Đệ nhị Tổ xin Đạt-Ma an tâm. Đạt-Ma bảo: “ Đem Tâm lại đây để an cho ”. Thưa : “ Con tìm tâm rồi mà không thể được ”. Đạt-Ma bảo : “ Ta đã an tâm cho người rồi đó ”.*

Niêm : *Hài nhi ba tuổi chơi trống bỏi,
Cụ già tám chục mặc áo hoa.*

Tụng : *Tâm đã không tâm hướng chỗ nào,
Người cảm ngại ngủ nói chiêm bao.
Lão tăng lại nói an tâm được,
Cười ngất bàng quan ⁽¹⁾ tự biết sao.*

CHÚ THÍCH :

(1) **Bàng quan** : Người đứng bên cạnh nhìn, không có quan hệ với sự việc.

ÂM :

9.- Cử : Văn-Thù kiến nữ tử cận Phật tọa tam-muội.
Văn-Thù xuất bát đắc. Phật sắc Vông-Minh
xuất đắc.

Niêm : Oan gia chi tử,
Táng ngã gia-phong.

Tụng : Phật tiền đồng xuất hữu sơ thân,
Thủ định ưng vi vị chính chân.
Nhược thị hóa công vô hậu bạc,
Luật hồi hà địa bát dương xuân.

NGHĨA :

9.- Cử : Văn-Thù thấy người nữ ngồi nhập định gần Phật.
Văn-Thù xuất định không được, Phật sai Vông-
Minh ⁽¹⁾ xuất được.

Niêm : Đưa con oan trái,
Mất gia-phong ta.

Tụng : Đều cùng xuất định có sơ thân,
Định ấy xem ra chưa chính chân;
Nếu đấng hóa công không hậu bạc,
Luật về ⁽²⁾ mặt đất khắp dương xuân.

CHÚ THÍCH :

(1) Vông-Minh (Jatini-prabha) tức Vông-Minh Bồ-Tát, hoặc gọi là Vông-Minh Đồng-Tử Bồ-Tát, một trong 16 vị tôn-giả đời Hiền-Kiếp, một trong 5 vị Tôn-giả ở 5 phương trong Kim-Cương-Giới Mạn-trà-la của Mật-Tôn.

(2) **Luật về.**— Luật có nghĩa là trần thuật sự biến hóa về thời tiết của trời đất. Luật được chia ra Âm-luật và Dương-luật. 6 luật thuộc dương, 6 luật thuộc âm, hợp thành 12 luật để phối hợp với sự biến hóa về thời tiết của 12 tháng trong một năm, nên tháng xuân tới, gọi là dương xuân.

*

* *

ÂM :

10.- Cữ : **Mã-Tổ** đạo : Tông Hồ-loạn hậu tam thập niên, bát
tầng khuyết diêm tương.

Niêm : Trục nhiều bất phạm hào mang,
Đã thị niêm chùy chỉ chỉ.

Tụng : Tiền thời tặng bạn tham bồi khách,
Gia tại thương vi tửu diêm lân;
Túng lễ đồ khoa linh lợi hán,
Đồ trung định tác thất y nhân.

NGHĨA :

10.- Cữ : **Mã-Tổ** nói: "Từ sau loạn Ngũ-Hồ 30 năm, chưa từng
thiếu tương muối" ⁽¹⁾.

Niêm : Mặc dù chẳng phạm tơ hào,
Cũng là cầm bánh dính tay.

Tụng : Thuở xưa từng bạn khách bê-tha,
Quán rượu thường ngay cạnh sách nhà;
Vi dấu khoe khoang người lanh lợi,
Giữa đường mất áo chịu thôi mà.

CHÚ THÍCH:

(1) **Loạn Ngũ Hồ**: Dịch ở chữ Hồ-loạn. Hồ-loạn còn có ý nghĩa là lừa mờ. Sách Hồ-loạn bí thư chép: "Cái ngày loạn Ngũ-Hồ, quân người Hán rút đi vội vàng không được hoàn-bị". Người nay cho những việc làm vội vàng cầu thả, gọi là "Hồ-loạn". Ý Mã-Tổ nói: Từ 30 năm nay ta nói ngược nói xuôi, nhưng chưa từng phạm lỗi lầm.

*

* *

ÂM :

11- **Cử**: Bách-Trượng tái tham Mã-Tổ, Mã-Tổ nhất hát.
Bách-Trượng đại-ngộ.

Niêm: Lợi chùy thiên đáp,
Bát như độn thu nhất nại.

Tụng: Tích nhật xa thư vi hỗn đồng,
Tứ biên phán vị khởi quân phong;
Nhất huy Mã lão Thái-A kiếm,
Đạo lộ tông tư tin tức thông.

NGHĨA :

11- **Cử**: *Bách-Trượng trở lại thăm Mã-Tổ. Mã-Tổ hét một tiếng.
Bách-Trượng đại-ngộ.*

Niêm: *Dấu răng ngàn mũi dùi nhọn,
Không kịp một nhát mai cùn.*

Tụng: *Trục xe, lối viết chữa hòa đồng⁽¹⁾,
Bốn phía rồi bời tựa lữ ong;
Mã-Tổ một lần vung kiếm báu,⁽²⁾
Từ đây đường lối được truyền thông.*

CHÚ-THÍCH :

(1) **Trục xe, lối viết chữa hòa đồng.** Kịch thước khuôn khổ của chiếc xe và lối viết trong sách vở chưa được thống nhất, ý nói thiên hạ chưa thống nhất.

(2) **Kiếm báu.**— Dịch từ chữ Thái-A kiếm. Âu Dương-Tử và Can-Tương nước Ngô đục núi lấy sắt nung, đúc thành 3 thanh bảo-kiếm: 1) Long-Uyên, 2) Thái-A, 3) Công-Bố.

*

* *

ÂM :

- 12.- **Cử:** Quốc-Sur nhất nhật tam hoán thị giả. Giả tam ứng nặc. Sur viết: Tương vị ngô phụ nữ, khước thị nữ phụ ngô.
- Niêm:** Như nhân ẩm thủy,
Lãnh oán tự tri.
- Tụng:** Tôn ty xứng họa lương tương-đương,
Thử ý bằng thủy hiệu đoàn trường;
Phé phủ hương tiền phi lộ tận,
Cá trung chỉ hứa tự thương lương.

NGHĨA :

- 12.- **Cử:** Quốc-Sur⁽¹⁾ một ngày 3 lần gọi thị-giả. Thị giả 3 lần dạ! Sur nói: “Hầu bảo ta phụ⁽²⁾ người, lại là người phụ ta”.
- Niêm:** Như người uống nước,
Tự biết nóng lạnh.
- Tụng:** Tháp cao xứng họa xứng cùng hai,
Ý ấy nương đâu sánh vấn dài;
Gan ruột phơi bày cho đến hết,
Việc này duy chỉ tự lương thôi.

CHÚ-THÍCH :

(1) Quốc-Sur. — Tức Nam-Dương Tuệ-Trung Quốc-Sur (— 775), pháp-tự Lục-Tổ Tuệ-Năng, người phủ Thiệu-Hung, Việt-Châu (tỉnh Triết-Giang) Trung-Quốc, được phong tên hiệu “ Đại-Chúng Thiên-Sur”.

(2) Phụ. — Cũng đọc là cô-phụ, có nghĩa là trái ngược nhau.

ÂM :

13.- Cữ : Đại - Qui vãn, Hữu cú vô cú như đằng ý thụ.
Sơ-Sơn vãn viết. Thụ đảo đằng khô. Cú qui hà
sở. Ha ha đại tiểu.

Niêm : Thủy lưu nguyên tại hải,
Nguyệt lạc bất ly thiên.

Tụng : Lãng tĩnh hồi như phong trận thu,
Đồ lao hướng ngoại khổ khu khu;
Nghĩ-đoàn nhất tiểu bách tạp toái,
Tự thử ưng phân ngọc thạch thù.

NGHĨA :

13.- Cữ : Đại-Quy ⁽¹⁾ nói : “Cố câu không câu, như dây leo cây”.
Sơ-Sơn ⁽²⁾ hỏi : “Cây đổ dây khô,” Câu “ về nơi nao?”
”. Đại-Quy phá cười ha ha.

Niêm : Nước chảy xuôi ra biển,
Trăng lặn gắn với trời.

Tụng : Gió táp yên rồi im sóng vỗ,
Hướng ngoài nhọc xác uông công phu;
Khối ngờ cười vỡ tan trăm mảnh,
Ngọc, đá từ đây rõ dị thù.

CHÚ-THÍCH :

(1) Đại-Quy. — Tức Đại-Quy An Hòa-Thượng. Quy thượng đường
viết : “ Hữu cú vô cú, như đằng ý thụ ”.

(2) Sơ-Sơn.— Tức Sơ-Sơn Bồ-Đan Thiên-sư, pháp-tự Động-Sơn
Lương-Giới Thiên-sư.

*

* *

ÂM :

14.- **Cử** : Bách-Trượng viết. Như hà thị bát vị nhân thuyết
đề pháp. Tuyên viết. Bát thị Tâm, bát thị Phật,
bát thị vật.

Niêm : Thiên thánh mịch tha tung bát đắc,
Toàn thân ẩn tại đại hư-không.

Tụng : Hương tiền công-án một thiên phủ,
Đối diện khan khan tầng đá ma;
Phật pháp vị trung lưu bát trụ,
Dạ lai y cụu túc lư-hoa.

NGHĨA :

14.- **Cử** : *Bách-Trượng* ⁽¹⁾ nói : “ Như thế nào là chẳng vì người
nói pháp thâm sâu ” ? *Nam-Tuyên* ⁽²⁾ đáp : “ Chẳng là
Tâm, chẳng là Phật, chẳng là vật ”.

Niêm : *Ngàn thánh tìm dấu chúng chẳng được,
Toàn thân ẩn ở đại hư-không.*

Tụng : *Trước đài công-án chẳng thiên vì,
Đối diện xem xem hiểu được chi;
Phật pháp ngôi nào đều chẳng trụ,
Hoa lan chư cũ ngủ đêm về.*

CHÚ-THÍCH :

(1) **Bách-Trượng**. — Tức Bách-Trượng Hoài-Hải (720 — 814), người huyện Trường-Lạc, Phúc-Châu, Trung-Quốc, pháp-tự của Mã-Tổ Đạo-Nhất được ban tên hiệu “Đại-Trí Thiên-Sư”.

(2) **Nam-Tuyên**. — Tức Nam-Tuyên Phổ-Nguyên (785-934), người huyện Tân-Hương, Trịnh-Châu, Trung-Quốc, pháp-tự của Mã-Tổ Đạo-Nhất phái Nam-Nhạc.

ÂM :

15.- **Cử** : Nam-Tuyền vân. Tâm bất thị Phật. Trí bất thị đạo.

Niêm : Hấp tận huyền vi yếu,
Hồi trình nguyệt dạ hành.

Tụng : Vạn lại thanh trầm đầu bính di,
Toàn khung trùng triệt tuyệt hà tỳ;
Trượng lê đồ ý đấng lâu vọng,
Tịch tịch liêu liêu hà sở vi.

NGHĨA :

15.- **Cử** : Nam-Tuyền nói : “ Tâm chẳng là Phật, Trí chẳng là Đạo ”.

Niêm : Uống cạn lẽ huyền vi,
Đường về trăng chiếu sáng.

Tụng : Muốn tiếng⁽¹⁾ lắng chìm sao đầu chuyễn,
Áng mây chẳng gọn khắp bầu trời;
Gậy lê luống tựa trên lâu ngắm,
Đêm vắng im lìm lặng lẽ trời.

CHÚ THÍCH :

(1) **Muốn tiếng lắng chìm sao đầu chuyễn**. —Dịch câu “ Vạn lại thanh trầm đầu bính di ”. Vạn lại nghĩa là muôn tiếng vang động. Đầu bính di nghĩa là khi sao Bắc-Đẩu chỉ về góc Đông-Nam thì vạn vật nhất tề thanh-khiết.

*

* *

ÂM :

16.-Cử : Lâm-Tế xuất thế hậu, duy dĩ bồng hát thị đồ.
Phàm kiến Tăng nhập môn tiên hát.

Niêm : Ngủ nguyệt ngũ nhật ngọc thời thư,
Xích khẩu độc thiết tận tiêu trừ.

Tụng : Nhập môn tiên hát dục hà hành,
Dẫn dắt nhi tôn túy lý tinh;
Bất thị xuân lỗi thanh nhất chán,
Tranh giao hàm giáp tận khai manh.

NGHĨA :

16.- Cử : Sau khi Lâm-Tế ⁽¹⁾ ra đời, chỉ lấy gậy và tiếng thiết để khai thị đồ chúng. Hễ thấy Tăng mới nhập môn liền “thiết”

Niêm : Giờ ngọc ngày 5 tháng 5 viết,
Miệng dò lưỡi độc hết tiêu trừ.

Tụng : Nhập môn liền thiết để dè dè,
Muốn dẫn cháu con tình giặc mê;
Chẳng có sấm xuân vang một tiếng,
Cỏ cây sao nảy khắp muốn bề.

CHÚ THÍCH :

(1) Lâm-Tế .— Tức Lâm-Tế Nghĩa-Huyền (867), pháp-tự Tổ Hoàng-Nghiệt Hy-Vân, khai sáng Lâm-Tế-Tôn.

*

* * *

ÂM :

17.- **Cử** : Nam-Tuyền vân. Bình thường tâm thị Đạo.

Niêm : Hàn tức ngôn hàn,
Nhiệt tức ngôn nhiệt.

Tụng : Bạch ngọc nguyên lai một phủ ngân,
Hà tu chùy trác khổ cầu tân;
Đồ trình bát thiệp gia hương đảo,
Phó dữ huyền nhai tẩn thủ nhân.

NGHĨA :

17.- **Cử** : Nam-Tuyền nói : “ Tâm bình thường là Đạo ”.

Niêm : Lạnh nói rằng lạnh,
Nóng nói rằng nóng.

Tụng : Ngọc trắng nào vương diu búa dẽo,
Hoài công nạo gọt dễ cầu tân;
Quê hương đến được đâu cần lối,
Vách đá buông tay chẳng ngại ngần.

*

* *

ÂM :

18.- Cử : Triệu-Châu vân. Chư nhân bị thập nhị thời sở tiện. Lão tăng xử đắc thập nhị thời.

Niệm : Hiệp thế khi nhân,
Vô bản khả cứ.

Tụng : Lão hán năng ư thập nhị thần,
Linh Long mãnh hổ sử chi thuận;
Dục tri điểm thiết thành kim pháp,
Bất dữ nhân gian hữu sự vân.

NGHĨA :

18.- Cử : Triệu-Châu ⁽¹⁾ nói: “ Mọi người bị 12 thời sai khiến, Lão tăng xử khiến được 12 thời ⁽²⁾ .

Niệm : Cộy thế lừa dối người,
Thật không nơi căn cứ.

Tụng : Lão tăng với cả mười hai thần,
Mãnh hổ ác long khiến chúng thuận;
Sắt luyện thành vàng ai muốn biết,
Chẳng nghe việc ấy ở nhân gian.

CHÚ THÍCH :

(1) **Triệu-Châu.** — Tức Triệu-Châu Tùng-Thảm (778—897), người Tào-Châu, tỉnh Sơn-Đông, Trung-Quốc, Pháp-tự của Nam-Tuyên Phổ-Nguyên. Thọ 120 tuổi, được ban pháp hiệu “ Chân-Tế Đại-Sư ”.

(2) **12 thời.** — Tức 12 chi : Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

*

* * *

ÂM :

- 19.- Cừ : Tặng vãn Lâm-Tế. Như hà vô vị chân nhân. Tế
vân: Can thi quyết.
- Niêm : Đạn thước thất châu,
Đầu thử ô khí.
- Tụng : Vô vị chân nhân can thi quyết,
Tòng giao Thích-tử táng gia phong;
Khan khan hướng hạ hoàn tri phủ,
Nhập hải nề ngư thất cước tung.

NGHĨA:

- 19- Cừ : Tặng hỏi Lâm-Tế : “ Thế nào là vô vị chân nhân”?
Lâm-Tế đáp : “Que gọt phân” .
- Niêm: Bắn chim mất hạt châu,
Bầy chuột như đồ vật.
- Tụng: Vô vị chân nhân que gọt phân,
Chỉ người con Phật mất bản chân;
Con đường hướng hạ xem cho đặng,
Vào biển trâu bùn mất dấu chân.

*

* *

ÂM :

- 20.- **Cử:** Triệu-Châu vấn. Ngũ-Đài sơn kham phá bà tử.
Niêm: Ngũ nghịch vấn lời,
Bất dung yểm nhĩ.
Tụng: Đạn chỉ đài sơn tuyệt thị ngoa,
Bất lao tiến bộ đắc hoàn gia;
Can qua bất động nhưng tâm phục,
Bảo-hạp hà tu xuất Thái-A.

NGHĨA :

- 20.- **Cử:** Triệu-Châu nói: “Đã khám phá ra bà lão ở núi Ngũ-Đài”.
Niêm: Kẻ ác nghe sấm động,
Chẳng dung kịp bịt tai.
Tụng: Chỗ đến Ngũ-Đài đâu chính xác,
Không cần tiến bước được về nhà;
Can qua chẳng động lòng người phục,
Hợp bấu cần chi tuốt Thái-A.

*

* * *

ÂM:

21.- **Cử:** Triệu-Châu vân. Kim Phật bất độ lô, mộc Phật bất độ hòa, nê Phật bất độ thủy. Chân Phật ốc lý tọa.

Niêm: Sơn thị sơn, thủy thị thủy,
Phật tại thậm mạ xứ.

Tụng: Vông-xuyên đồ thượng liệt thành hình,
Tích nhật Vương-Duy lẳng đặc danh;
Uống phí đan thanh nan họa xứ,
Không trung nguyệt hạo dữ thanh phong.

NGHĨA:

21.- **Cử:** *Triệu-Châu nói: “ Phật vàng chẳng qua lò, Phật gỗ chẳng qua lửa, Phật đất chẳng qua nước. Chân Phật ngồi trong nhà.*

Niêm: *Núi là núi, Nước là nước.
Phật ở nơi chốn nào?*

Tụng: *Vông-xuyên đồ⁽¹⁾ ấy xếp thành hình,
Ngày trước Vương-Duy vẽ nổi danh;
Uống phí nét sơn nơi khó tả,
Trong không trăng sáng với phong thanh.*

CHÚ THÍCH:

(1) **Vông-xuyên đồ.**— Bức vẽ phong cảnh Vông-Xuyên ở huyện Lam-Điền tỉnh Thiểm-Tây, do Vương-Duy đời Đường vẽ. Vương-Duy là nhà vẽ nổi tiếng về sơn thủy mây đá. Vì Vương-Duy có một biệt trang ở bên sông Vông, nên ông thường theo phong cảnh của Vông-Xuyên mà vẽ, nét vẽ rất độc đáo.

ÂM :

22.- Cử : Triệu-Châu vắn. Ngã tại Thanh-Châu tác nhất
lĩnh bố sam trọng thất cân.

Niêm : Trấn châu la bực do tự khả,
Thanh châu bố sam cánh sàu nhân.

Tụng : Nhất lĩnh bố sam đặc dị thường,
Triệu-Châu khiếp tứ bất bao tàng;
Cá trung nghĩ nghĩ phân thù lạng,
Tiểu sát đồng phong Mạnh Bát Lang.

NGHĨA :

22.- Cử : *Triệu-Châu nói: "Ta ở Thanh-Châu may một chiếc áo
vải nặng bảy cân "*.

Niêm : *Củ cải Trấn-châu còn khả dĩ,
Áo vải Thanh-Châu lại rầu người.*

Tụng : *Áo vải một manh thật khác thường,
Triệu-Châu chẳng cất dấu trong rương;
So đo trong ấy chia thù lạng,
Cười vỡ nhà bên Mạnh-Bát-Lang⁽¹⁾.*

CHÚ THÍCH :

(1) **Mạnh-Bát-Lang.**— Ý-nghĩa không xác thực, không biết phép
kính trọng, lễ sinh tử, để ám chỉ người u-mê gọi là Mạnh-Bat-Lang.

*

* *

ÂM :

23. Cừ : Tâng vắn Triệu-Châu. Cầu-tử hữu Phật-tính đã
vô. Châu vắn vô. Hựu vắn: Châu vắn hữu.

Niêm : Lương thài nhất tái.

Tụng : Vắn trước đương tiên đởi hữu vô,
Trực giao ngôn hạ diệt quần hồ;
Nhất sinh tự phụ anh lính hán,
Đã thị do vi bất trượng phu.

NGHĨA :

23.- Cừ : *Tặng hỏi Triệu-Châu: "Con chó có Phật-tính không?"*
Triệu-Châu đáp: "Không". Lại hỏi. Châu đáp: "Có".

Niêm : *Nửa cân tám lạng,*
Tám lạng nửa cân.

Tụng : *Hỏi đáp nhíp nhàng giữa hữu vô,*
Dưới lời nói ấy diệt hàm hồ;
Một đời tự phụ trang hào kiệt,
Thế cũng vẫn là chẳng trượng-phu.

*

* *

ÂM :

24.- Cừ : Triệu-Châu: Hữu Phật xứ bất đắc trụ. Vô Phật
xứ cấp tầu quá.

Niêm : Thủy đảo cừ thành,
Bồng thủy ngân hiện.

Tụng : Hữu vô Phật xứ lưỡng câu quyền,
Giá ngữ đồ lai vị thị tuyền;
Mạt hậu dương hoa hoàn cử tự,
Bất ly thốn bộ đảo Tây-thiên.

NGHĨA :

24.- Cừ : Triệu-Châu nói: “Nơi có Phật chẳng dừng lại, nơi không
Phật gấp chạy qua”.

Niêm : Nước đến thành ngòi,
Gây lãn hiện vết.

Tụng : Có không chốn Phật xứ đều quên,
Lời ấy xem ra vẫn chưa tuyền;
Tựa thế sau này hoa nhắc “cử”,
Không rời tác bước tới Tây-thiên.

*

* *

ÂM :

25.- **Cử :** Thủ-Sơn niêm trúc-bê vân: Hoán tác trúc-bê tức xúc. Bất hoán tác trúc bê tức bội. Thả hoán tác thập ma.

Niêm : Vật . động trước,
Động trước tam thập bồng.

Tụng : Trúc bê bội xúc chính nan phân,
Trục hạ minh minh cử tự nhân;
Tuy thị thân đồ trần bất động,
Nhất tràng lậu đậu mãn kinh trần.

NGHĨA :

25.- **Cử :** *Thủ-Sơn⁽¹⁾ gior cây trúc bê (thước tre) nói: “Nếu cái này gọi là trúc bê tức ”xúc” (khẳng định), chẳng gọi là trúc bê tức “bội” (phủ định), vậy gọi là gì?”.*

Niêm : *Chớ có động tới,
Động tới ba mươi gậy.*

Tụng : *Trúc-bê phải trái khó phân rành,
Lập tức nâng lên chỉ chúng nhân;
Dẫu chẳng bụi mờ đường phẳng lặng,
Một trường gai góc khó hoàn thành.*

CHÚ THÍCH :

(1) **Thủ-Sơn.**— Tức Thủ-Sơn Tĩnh-Niêm (926—993) người đất Lai-Châu, Trung Quốc, pháp tự của Phong-Huyệt Duyên-Chiêu Thiên-Sư, tôn Lâm-Tế.

*

*

*

ÂM :

26- Cử : Tặng ván Động-Sơn. Như hà thị Phật, Sơn ván:
Bích thượng ma tam căn.

Niêm : Hoán nhất vật hoàn bắt trùng.

Tụng : Ván Phật như hà thuyết báo quán,
Động-Sơn bích thượng sở ma căn;
Tuy nhiên vô hữu phong trần thiệp,
Đã thị do tương cảnh thị nhân.

NGHĨA :

26.- Cử: *Tặng hỏi Động-Sơn⁽¹⁾: “Thế nào là Phật”? Động-Sơn
đáp: “Ba căn gai trên vách”.*

Niêm : *Gọi một vật lại chẳng đúng.*

Tụng : *Hỏi Phật là sao cần biết rõ,
Động-Sơn chỉ vách mấy căn gai;
Dẫu rằng gió bụi không can thiệp,
Cũng vẫn còn vương cảnh chi người.*

CHÚ-THÍCH :

(1) **Động-Sơn.** — Tức Động-Sơn Thủ-Sơ, hiệu là Sùng-Tuê Đại-Sư, pháp-tự của Vân-Môn Văn-Yên, kiến lập pháp-tràng ở Động-Sơn thuộc Tương-Châu.

*

* *

ÂM :

27.- Cừ : **Tăng ván Hiện-Tử Hòa-Thượng.** Tây lai ý. Hiện ván. Thần tiên tửu đài bàn.

Niêm : **Nhược phi su-tử nhi,
Bất miễn trực chuyển khỏi.**

Tụng : **Trực tiết căn nguyên vô xứ y,
Mục tiền cử tỵ dữ quán tri;
Nhược ngôn Tổ ý thần tiên thị,
Đại tỵ hồ quần tác khổ nhi.**

NGHĨA :

27.- Cừ : *Tăng hỏi Hiện-Tử Hòa-Thượng ⁽¹⁾ về ý “ Tây Lai ”.*
Hiện-Tử đáp : “ Mãn rựu trước bàn thờ thần ”.

Niêm : *Nếu chẳng phải nòi giống su-tử,
Tránh sao khỏi vờn khỏi đất lã.*

Tụng : *Chặt đứt cội nguồn chẳng chấn nung,
Bảo người trước mắt phải am tường,
Rựu thần nếu bảo là cơ Tổ,
Gọi khổ làm quần thật đáng thương.*

CHÚ-THÍCH :

(1) **Hiện-Tử Hòa-Thượng** .— Hòa-Thượng chỉ mặc một chiếc áo vào mùa đông, và hạ; thường ngày đi bắt trai, hén ở bờ sông, biển để sinh sống, nên người đời gọi là Hiện-Tử Hòa-Thượng. Theo “ Ngũ Đẳng Hội-Nguyên ” chép : “ Hiện-Tử Hòa-Thượng, người phủ Kinh-Triệu, chẳng rõ là người gì, sự tích rất lạ lùng, chỗ ở không nhất định, mùa đông cũng như mùa hạ, chỉ mặc một manh áo, hằng ngày men theo bờ sông bắt trai, hén để ăn, nên cư dân gọi là Hiện-tử Hòa-Thượng ”.

ÂM :

28.- Cử : Vô-Nghiệp Quốc-Sư vân. Nhược nhất hào đầu phạm thánh vị tận. Vị miễn nhập lưu thai mã phúc lý khứ. Bạch-Vân-Đoan Hòa-Thượng vân; Thiết sử nhất hào đầu phạm thánh niệm tận. Diệc vị miễn nhập lưu thai mã phúc khứ.

Niêm : Phán sơn tu hồ ty, Đà thảo yếu xà kinh.

Tụng : Thử ngữ đô lai vô chí khí,
Đẳng nhân đà thảo yếu xà kinh;
Nhược nhân quán thiệp Trương-An lộ,
Tàn thủ hà tu khổ vấn trình.

NGHĨA :

28.- Cử : Vô-Nghiệp Quốc-Sư⁽¹⁾ nói : “ Nếu một mây may ý niệm phạm thánh chưa hết, chưa tránh khỏi vào bụng ngựa, thai lừa ”. Bạch-Vân-Đoan Hòa-Thượng⁽²⁾ nói : “ Vì khiến một mây may ý niệm phạm thánh đã hết, cũng chưa tránh khỏi vào bụng ngựa thai lừa ”.

Niêm : Đốt núi nên hồ lánh, Phật cỏ để rắn kinh.

Tụng : Lời ấy xem ra chí chẳng mình,
Bông dưng Phật cỏ để xà kinh;
Người quen lối đến Trương-An lộ,
Chỉ cái vung tay vượt lộ trình.

CHÚ-THÍCH :

(1) Vô-Nghiệp Quốc-Sư.— Tức Vô-Nghiệp Thiên-Sư, pháp tự của Mã Tổ Đạo-Nhất. Trong “ Vô-Nghiệp Quốc-Sư quảng lục ”, ngài Vô-Nghiệp chỉ nói : “ Mạc Vọng Tướng ”.

(2) **Bạch-Vân-Đoan Hòa-Thượng.**— Tức Bạch-Vân Thủ-Đoan
Thiên-Sư, người Thư-Châu, pháp-tự của Dương-Kỳ-Hội.

*

* *

ÂM :

29.- **Cử :** Huyền-Sa thị chúng vân.Chư phương lão túc tận
thị tiếp vật độ sinh. Hốt ngộ tam chủng bệnh
nhân lai. Như hà tiếp. Hoạn manh già. Niêm chùy
thụ phát. Tha hựu bất kiến. Hoạn lung già. Ngử
ngôn tam muội, tha hựu bất văn. Hoạn á già.
Giáo y thuyết, hựu thuyết bất đắc.

Niêm : Khát ẩm cơ san,
Hàn y nhiệt phiến.

Tụng : Ưu chi thích thích lạc hi hi,
Ty trực mi hoành bất dị tri;
Cơ khát nhiệt hàn tùy xứ đắc,
Hà tu đặc địa khước sinh nghi.

NGHĨA :

29.- **Cử :** *Huyền-Sa ⁽¹⁾ bảo chúng rằng “ Các bậc lão túc khắp
nơi, đều nói tiếp vật độ sinh, chợt gặp 3 thứ người
bệnh lại, phải tiếp họ như thế nào ? Gặp người bệnh
mù, nếu giờ “ Chùy ” dựng “ Phát ”, họ lại chẳng
thấy. Gặp người bệnh điếc, nếu nói “ Tam muội ”,
họ lại chẳng nghe. Gặp người bệnh câm, nếu dạy ”
nói “, họ nói chẳng được.*

Niêm : *Khát uống đói ăn,
Rét áo nóng quạt.*

Tụng : *Khi buồn ù rũ thích tươi cười,
Mũi thẳng mày ngang dễ thấy thôi;
Đói khát lạnh nóng theo sở thích,
Sao sinh khác biệt dạ bồi hồi.*

CHÚ THÍCH :

(1) **Huyền-Sa.** — Tức Huyền-Sa Sư-Bị (831 — 908) người Mãn-huyện, Phúc-Châu, Trung-Quốc, thuộc phái Thanh-Nguyên.

*

*

*

ÂM :

30.- Cử : Thụy-Nham thường hoán chủ-nhân ông, tình tình trước, hướng hậu mặc bị nhân khi man.

Niêm : Đề đặc huyết lưu vô dụng xứ,
Bất như giam khẩu độ tàn xuân.

Tụng : Thụy-Nham thường hoán chủ nhân ông,
Anh lược trăm cơ diệc vị hùng;
Nhược thị thể gian vô địch tướng,
Tranh giao kỹ kích nhật vi long.

NGHĨA :

30.- Cử : *Thụy-Nham thường gọi chủ nhân ông : “ Tình tình đi. Từ đây về sau chớ bị người lừa dối”.*

Niêm : *Kêu cho dứt ruột đều vô dụng,
Chi bằng im miệng đợi tàn xuân.*

Tụng : *Thụy-Nham (1) thường gọi chủ nhân ông,
Anh lược cơ chìm vẫn chứa hùng;
Nếu bảo thể gian không địch tướng,
Sao ngày chiến thuật lại hưng long.*

CHÚ THÍCH :

(1) **Thụy-Nham.** — Tức Thụy-Nham Sư-Ngạn, người Môn huyện, Trung-Quốc, thuộc phái Thanh-Nguyên, sau khi tịch được ban tên hèm là “ Không-Chiếu Thiên-Sư”.

*

* * *

ÂM :

31- CỬ : Tam-Thánh-Vân: Ngã phùng nhân tức xuất. Xuất
tắc bất vị nhân. Hưng-Hóa vân: Ngã phùng nhân
tắc bất xuất. Xuất tắc tiện vị nhân.

Niêm : Nhất cá manh quí

Bán song bí miết.

Tụng : Phùng khát chỉ thời tiện ẩm tương,
Chung triều thuyết thực bất ,sung trường;
Lương điều lợi nhận hưu niêm mật,
Dị nhật nhi đồng khẩu nội thương.

NGHĨA :

31- CỬ : Tam-Thánh ⁽¹⁾ nói : “ Ta gặp người liền ra đời, ra
thời chẳng vì người ”. Hưng-Hóa ⁽²⁾ nói : “ Ta gặp
người thời chẳng ra đời, ra đời thời liền vì người”.

Niêm : Một con rùa mù mắt,

Nửa cặp ba ba què.

Tụng : Khát nước tức thời phải uống ngay,

Nói ăn trọn bữa ruột sao đầy;

Đôi bên bén nhọn đừng niêm kín,

Đú? miệng trẻ con ắt có ngày.

CHÚ THÍCH :

(1) Tam-Thánh. — Tức Tam-Thánh Tuệ-Nhiên Thiên-Sư ở viện Tam-Thánh, thuộc Trấn-Châu, pháp-tự của Lâm-Tế Nghĩa-Huyền Thiên-Sư.

(2) Hưng-Hóa. — Tức Hưng-Hóa Tôn-Tướng Thiên-Sư, người đời Đường, thuộc tông Lâm-Tế, sau được ban tên hèm là “Quảng-Tế Thiên-Sư”.

ÂM :

32.- Cử : Nam-Tuyền kiến Đặng-Ấn-Phong lai. Chỉ tịnh bình vân." Tịnh bình thị cảnh. Nễ bất đắc động trước cảnh".

Niêm : Thuyết hữu hương thập ma xứ trước.

Tụng : Kính trung vô cấu tự đồ ma,
Phí tận công phu bất nại hà;
Mặc mặc hư hư tùy xứ lạc,
Đương thời phạn hậu nhất bôi trà.

NGHĨA :

32.- Cử : *Nam-Tuyền (1) thấy Đặng-Ấn-Phong (2) tới chỉ cái tịnh bình nói : "Tịnh bình là cảnh, người chẳng được đụng tới cảnh".*

Niêm : *Nói có hương chốn nào đụng ?*

Tụng : *Trong gương không bụi tự lau chùi,
Luống phí công phu uổng sức thôi;
Lặng lẽ nghỉ ngơi tùy chỗ thích,
Chén trà sau lúc bữa cơm rồi.*

CHÚ THÍCH :

(1) **Nam-Tuyền.** — Tức Nam-Tuyền Phổ-Nguyễn (748 — 834), người Trịnh-Châu, Trung-Quốc, pháp-tự của Mã-Tổ Đạo-Nhất, thuộc phái Nam-Nhạc.

(2) **Đặng-Ấn-Phong.** — Tức Ngũ-Đài Ấn-Phong Thiên-Sur, cũng tham thiền nơi Mã-Tổ Đạo-Nhất, thuộc hệ phái Nam-Nhạc.

*

* * *

ÂM :

33.- Cữ : Thạch-Đầu vân : Nhậm ma đá, bắt đặc. Bắt
nhậm ma đá, bắt đặc. Nhậm ma, bắt nhậm ma
tổng bắt đặc.

Niêm : Chư hành vô thương,
Nhất thiết giai khổ.

Tụng : Hào cá thoại đoan tương tự như,
Tạm vi cốc khẩu bạch vân hoành;
Túng nhiều toàn đặc thập phân cữ,
Do tại đồ trung vạn lý trình.

NGHĨA :

33.- Cữ : Thạch-Đầu ⁽¹⁾ nói : “Nhu thể cũng chẳng được, chẳng
nhu thể cũng chẳng được. Như thể, chẳng như thể
đều chẳng được ”.

Niêm : Mọi hiện tượng đều vô thường,
Hết thay đều là khổ cả.

Tụng : Chuyện này tương tự nói cùng người,
Cửa núi mây ngang chốc lát thôi;
Cho dấu mười phần nay cữ được,
Hành-trình muốn dặm nửa đường thôi.

CHÚ THÍCH :

(1) Thạch-Đầu. — Tức là Thạch-Đầu Hy-Thiên (700 — 790), người
Cao-Yêu, Đoan-Châu, Trung-Quốc, pháp-tự của Thanh-Nguyên
Hành-Tư, được ban tên hèm là “ Vô-Tế Đại-Sư ”.

*

*

*

ÂM :

34.- **Cử :** Tâng vấn : Như hà thị Giáp-Sơn cảnh. Sơn vân:
Viên bảo tử qui thanh chương hậu, Điều hàm
hoa lạc bích nham tiên.

Niêm : Can mộc tùy thân,
Phùng tràng tác hý.

Tụng : Giáp-Sơn u cảnh vô nhân đảo,
Trực hạ ửng dương tác mạ sinh;
Nhược thị thắng lưu chân cụ nhãn,
Nhậm giao nhật ngọc cỏ tam canh.

NGHĨA :

34.- **Cử :** *Tặng hỏi : “ Thế nào là cảnh của Giáp-Sơn ” ? Giáp-Sơn⁽¹⁾ đáp : “ Vượn âm con về sau núi biếc, chim tha hoa rụng trước non xanh ”.*

Niêm : *Cây gậy đem theo mình,
Gặp đâu làm trò đấy.*

Tụng : *Núi Giáp cheo leo người vắng bóng,
Xem ra cảnh ấy tuyết hồng trần;
Tròn đầy mắt tuệ là ai đó,
Giữa ngọc canh ba trống cứ ngân.*

CHÚ THÍCH :

(1) **Giáp-Sơn.** — Tức Giáp-Sơn Thiện-Hội (881 —), người Quảng-Châu, Trung-Quốc, pháp-tự của Thuyền-Tử Đức-Thành, sau kiến thiết Thiền-Viện ở núi Giáp-Sơn, được ban tên hèm là “Truyền-Minh Đại-Sư”, thuộc hệ phái Thanh-Nguyên.

*

* * *

ÂM :

35.- CỬ : *Tặng vản Mộc-Châu : Nhất khí hoàn chuyển đặc nhất Đại-Tạng kinh dã vô. Châu vản. Hữu thậm tất-la chuy tử khoái tương lai.*

Niêm : *Tản thủ đảo gia,
Bất lao tiên bộ.*

Tụng : *Nhất khí tự năng hồi nhất tạng,
Bất lao trích điệp dữ tâm chi;
Vô biên huyền nghĩa chiêu nhiên hiện,
Vấn trước sơn-tặng tổng bất trí.*

NGHĨA :

35.- CỬ : *Tặng hỏi Mộc-Châu ⁽¹⁾ : “ Thiền-Sư một hơi có thể chuyển một Đại-tạng kinh chăng ? ” Mộc-Châu đáp : “ Có bánh bao mau mang lại đây ”.*

Niêm : *Vung tay tới nhà,
Chẳng nhọc cất bước.*

Tụng : *Một hơi chuyển được cả tạng kinh,
Hái lá tìm cành chẳng nhọc mình;
Diệu nghĩa vô biên đều hiển hiện,
Sơn-Tặng chẳng biết đáp sao rành.*

CHỦ THÍCH :

(1) **Mộc-Châu**. — Mộc-Châu Trần-Tôn-Túc, húy là Đạo-Minh, con họ Trần ở Giang-Nam, pháp tự của Hoàng-Nghiệt Hy-Vận Thiền-Sư, thuộc hệ phái Nam-Nhạc.

*

* * *

ÂM :

36.- Cừ : Lâm-Tế hội trung, lưỡng đường Thủ-Tọa tề hạ
hát. Tạng vãn hoàn hữu tân chủ dã vô. Tế vãn
tân chủ lịch nhiên.

Niêm : Dã thị hầu bạch loạn thuyết.

Tụng : Thánh chùa đương thiên cổ hóa phong,
Bản đồ văn phạm tận tương đồng;
Do khai viễn cận phân cương lý,
An đắc lâm dân tế thể công.

NGHĨA:

36.- Cừ : Trong hội Lâm-Tế ⁽¹⁾, Thủ-Tọa của hai Đường (Đông
đường, Tây đường) đều cất tiếng hét. Vị Tạng hỏi:
“Lại có khách, chủ hay không?” Lâm-Tế đáp: “Khách,
chủ rõ ràng”.

Niêm : Cũng là loài vượn nói lằng xằng.

Tụng : Giữa trời Thánh Chúa thôi thuận phong,
Văn-phạm bản đồ mất mẽ chung;
Cương giới phân chia thành bờ cõi,
Công lao tế thể thiếu viên dung.

CHÚ THÍCH:

(1) Lâm-Tế.— Tức Lâm-Tế Nghĩa-Huyền (—867), người
Nam-Hoa, Tào-Châu, Trung-Quốc, pháp-tự của Hoàng-Nghịet Hy-Vân.
Khai sáng Lâm-Tế Tôn, được ban tên hiệu “Tuệ-Chiếu Đại-Su”.

*

* *

ÂM :

37.- Cừ : Huyền-Sa vân: Nhược luận giả sự. Dụ tỵ nhất
phiến điền địa chủ. Chí giới phạm khế mại dữ
chư nhân liễu dã. Chí hữu trung tâm thọ tử. Do
thuộc Lão Tăng tại.

Niêm : Đại hải bát nạp tử thi.

Tụng : Túng lễ minh minh ngộ liễu nhân,
Tâm đầu vạn lự một vân phân;
Cá trung thượng hữu ty hào tại,
Nhập nhãn hoàng kim khước thị trần.

NGHĨA :

37.- Cừ : *Huyền-Sa⁽¹⁾ nói: "Nếu bàn là "Sự". Ví như chủ một
mảnh ruộng đất, trong phạm-vi giới hạn đem bán cho
mọi người rồi. Chỉ có hạt cây nơi trung tâm, còn thuộc
về Lão-Tăng".*

Niêm : *Biển cả chẳng dung thây chết.*

Tụng : *Dầu kê rõ ràng người liễu ngộ,
Nơi tâm trút hết nỗi phân vân;
Ty hào trong ấy còn vương mắc,
Vào mắt vàng kia vẫn bụi trần.*

CHÚ THÍCH:

(1) *Huyền-Sa.* — Tức Huyền-Sa Sư-Bị Thiên-Sư, thuộc phái
Thanh-Nguyên.

*

* * *

ÂM :

- 38.- **Cử :** Tâng vản Tư Hòa-Thượng Phật-Pháp đại ý. Tư vản. Lư-Lãng mẽ tác ma giá.
Niêm : Trúc ảnh tảo giai trần bất động,
 Nguyệt luận xuyên hải thủy vô ngân.
Tụng : Giá ngôn chân thị anh linh hán,
 Thâu tận căn cơ tiếp hữu tình;
 Nhất vản Lư-Lãng hà mẽ giá,
 Toàn nhiên tổng bất thiệp đồ trình.

NGHĨA :

- 38.- **Cử :** *Tâng hỏi Tư Hòa-Thượng (1) về đại ý Phật-Pháp. Hòa-Thượng đáp; “Giá gạo ở Lư-Lãng ra sao”?*
Niêm : *Bóng trúc quét thêm trần chẳng động,
 Vàng trăng xuyên biển nước không ngân.*
Tụng : *Lời này quả thật bậc thông minh,
 Thâu hết căn cơ tiếp hữu tình;
 Hỏi chuyện Lư-Lãng về giá gạo,
 Hoàn toàn chẳng bén tới đồ-trình.*

CHÚ THÍCH :

(1) **Tư Hòa-Thượng.**— Túc Thanh-Nguyên Hành-Tư Hòa-Thượng (—740), người An-Thành, Cát-Châu, Trung-Quốc, pháp-tự của Lục-Tổ Tuệ-Năng, vì trụ trì chùa Tĩnh-Cư ở núi Thanh-nguyên thuộc Cát-Châu, nên có tên là Thanh-Nguyên, được vua ban tên hiệu là “Hoảng-Tê Thiên-Sư”.

*
* *
*

ÂM :

39.- **Cử** : **Tăng** vãn Văn-Thù: **Vạn pháp qui nhất. Nhất qui nhà xứ. Thù vãn: Hoàng-Hà cửu khúc.**

Niêm : Hữu thời nhân hảo nguyệt,
Bất giác quá Thương-Châu.

Tụng : Hoàng-Hà cửu khúc vị quân cử,
Một thiệp đồ-trình tự đáo gla;
Bạch trú kỳ đa khai nhãn vọng,
bất trí Diêu-tử quá Tân-La.

NGHĨA :

39.- **Cử** : *Tăng hỏi Văn-Thù* ⁽¹⁾: “*Vạn pháp trở về một, một đi về đâu*”? *Văn-Thù đáp*: “*Sông Hoàng-Hà chín khúc*” ⁽²⁾

Niêm : *Nhân lúc có trăng đẹp,*
Thình lình qua Thương-Châu.

Tụng : *Hoàng-Hà chín khúc đáp sáu xa,*
Chẳng thiệp đường dài tự tới nhà;
Mở mắt ban ngày bao kẻ ngóng,
Nào hay chim trĩ vượt Tân-La. ⁽³⁾

CHÚ-THÍCH :

(1) **Văn-Thù** : Có thể là Văn-Thù Tuyên-Năng phái Hoàng-Long, hoặc Văn-Thù Tâm-Đạo phái Dương-Kỳ, chưa biết rõ.

(2) **Hoàng-Hà chín khúc** : Sông Hoàng-Hà, con sông lớn thứ hai ở Trung-Quốc, dài hơn 8.000 dặm, cứ mỗi ngàn dặm là một khúc, nên gọi là Hoàng-Hà chín khúc.

(3) **Chim trĩ vượt Tân-La** : Chim trĩ đã bay xa, ý nói đã chậm mắt rồi.

ÂM :

40.- **Cử** : Nam-Tuyền vấn Triệu-Châu. Như thị hữu chủ Sa-Di, vô chủ Sa-Di. Châu vấn hữu chủ. Tuyền vấn. Như hà thị hữu chủ, Châu xoa thủ vấn. Tức nhật cung duy tôn hậu động chỉ vạn phúc.

Niêm : Phục thủ hoạt chùy bất hoán nhận,
Thiện sử chi nhân giai đắc tiện.

Tụng : Triệu-Châu xoa thủ thị ư nhân,
Bất lạc song biên chủ tự phân;
Khởi thị Hoa-Lam Hàn lệnh thuật,
Tranh tri hội tạo tửu tuần tuần.

NGHĨA :

40.- **Cử** : *Nam-Tuyền hỏi Triệu-Châu : “ Người ⁽¹⁾ là Sa-Di có chủ, hay Sa-Di không chủ ”? Triệu-Châu đáp : “ Có chủ ” Nam-Tuyền hỏi : “ Thế nào là có chủ ” ? Triệu-Châu khoanh tay đáp : “ Ngay lúc này đây, cung kính sức khỏe Thầy luôn luôn vạn phúc “.*

Niêm : *Khoanh tay hoạt chùy chẳng đổi gương,
Người khéo sử dụng tiện muôn phương.*

Tụng : *Khoanh tay Tùng-Thâm (Triệu-Châu) trả lời người,
Chủ khách đôi bên vẹn cả mười;
Có được Hoa-Lam Hàn lệnh thuật, ⁽²⁾
Tuần tuần ⁽³⁾ rượu nấu dễ như chơi.*

CHU-THÍCH :

(1) **Người**.— Dịch ở chữ Như (如), trong sách nguyên bản chữ Hán đã khắc làm chữ Như (汝) thành chữ Pháp (法) nay đính chính lại cho đúng nghĩa.

(2) **Hàn lệnh thuật.**— Thuật nấu rượu của Hàn-Tương-Dũ ở Hoa-Lam.

(3) **Rượu tuần-tuần.**— Tương truyền, Hàn-Tương-Dũ có đạo thuật, hay nấu rượu được chỉ trong khoảnh khắc, nên gọi là rượu tuần-tuần. Tuần tuần có nghĩa chỉ trong giây phút. Theo Thái bình quảng-ký.

*

* *

ÂM :

41.- CỬ : *Tăng vấn Mộc-Am. Như hà thị nột-y hạ sự. Am
vân : Châm chùy bát nhập.*

Niêm : *Tính tọa tuyệt tiêm trần,
Hư không bất thông tuyến.*

Tụng : *Trì chi tác nhuyển nữ chi nhu,
Thiết gạch đồng đầu tiến mạc du;
Tuy thị hư không vô gián kích,
Dạ lai y cụu quế hoa thu.*

NGHĨA :

41.- CỬ : *Tăng hỏi Mộc-Am ⁽¹⁾ “ Thế nào là công việc của một
nột-y (Tăng-sĩ) ”. Mộc-Am đáp : “ Kim âm chăng vào”.*

Niêm : *Ngồi tĩnh dứt bụi trần,
Hư không chẳng lối thông.*

Tụng : *Cầm thời mịn mượt ấn thời mềm,
Trán sắt đầu đồng đụng chẳng xuyên;
Dẫu thật hư không, không kẻ hờ,
Đem về hoa quế giắc thu-yên.*

CHÚ THÍCH :

(1) **Mộc-Am.** — Tức Mộc-Am Tính-Thao (1611 — 1684), người đất Tân-Giang, Tuyên-Châu, Trung-Quốc, một Thiền-sư trú danh thuộc Tôn Hoàng-Nghiệt. Tác giả của “ Đông-Sơn ngữ lục ” 10 quyển và “ Tương-Sơn ngữ lục ” 1 quyển.

*

* * *

ÂM :

42.- **Cử** : **Bàng cư-vĩ vân.** Thử thị tuyền Phật tràng. Tâm không cập đệ qui.

Niêm : **Nhạ tháp đề danh,**
Bất dung duệ bạch.

Tụng : **Thuần y bách kết thảo hài xuyên,**
Tuyền Phật tràng trung đoạt quế tiên;
Nhược vị không tâm lai ứng cử,
Bất tao tiên thất đã tao quyền.

NGHĨA :

42.- **Cử** : *Bàng cư-sĩ⁽¹⁾ nói* : “ *Đây là trường tuyền Phật, Tâm không đồ trở về.* ”

Niêm : *Tên đề tháp nhạ⁽²⁾,*
Chẳng dung giấy trắng⁽³⁾.

Tụng : *Áo may trăm mảnh đạ giấy rom,*
Tuyền Phật trường thi bàng có tên;
Nếu bảo tâm không về ứng cử,
Roi đòn chẳng gập cũng thoi quyền.

CHÚ THÍCH:

(1) **Bàng cư-sĩ.**— Bàng cư-sĩ, người đời Đường, Trung-Quốc. Họ Bàng, tên là Uẩn, tên chữ là Đạo-Huyền, đời đời theo Nho-Giáo. Tham-thiền ở ngài Thạch-Đầu Hy-Vân, giao thiệp với ngài Đơn-Hà Thiên-Nhiên, pháp tự của Mã-Tổ Đạo-Nhất. Đời gọi là Duy-Ma của Chấn-Đán. Trưởng nữ của ông là Linh-Chiếu cũng tỏ ngộ về thiên.

(2) **Tên đề tháp nhạ.**— Chữ Hán là “nhạ tháp đề danh” để gọi người đã đậu Tiến-sĩ. Trong đời Đường, người đậu Tiến-sĩ đều

được ghi tên vào bia ở dưới Tháp Nhạn chùa Từ-Ân thuộc huyện Trường-An tỉnh Thiểm-Tây.

(3) Giấy trắng.— Dịch ở chữ duệ bạch. Khi thi chỉ cầm bút trên giấy mà trầm ngâm suy nghĩ không viết được một chữ, đến giờ nộp bài phải nộp giấy trắng, nên gọi là duệ bạch.

*

* *

ÂM :

43.- Cử: Từ-Minh vấn Chân-Điễm-Hung Phật-Pháp đại ý. Chân viết Vô vân sinh lĩnh thượng. Hữu nguyệt lạc ba tâm. Minh hát viết. Đầu bạc xỉ hoàng, do tác thứ kiến giải. Chân lệ hạ cứu viết. Bát tri như hà thị Phật Pháp đại ý. Minh viết. Vô vân sinh lĩnh thượng, hữu nguyệt lạc ba tâm. Chân đại ngộ.

Niêm: Nhân giả kiến chi vị chi nhân,
Trí giả kiến chi vị chi trí.

Tụng: Bì thử đồng minh nhất diệu cảm,
Tu dương phân phó dữ tri âm;
Vô vân hữu nguyệt tuy đồng thi,
Tranh nại sơn cao dữ thủy thâm.

NGHĨA :

43.- Cử: Từ-Minh ⁽¹⁾ hỏi Chân-Điễm-Hung về đại ý Phật-Pháp. Điễm-Hung đáp: “Không mây sinh đỉnh núi, có trăng lặn lòng sông”. Minh thét và nói: “Đầu bạc răng vàng, còn sinh kiến giải như thế”. Chân Điễm-Hung rơi lệ lúc lâu rồi thưa: “Chẳng biết như thế nào là đại ý Phật-Pháp”. Minh nói; “Không mây sinh đỉnh núi, có trăng lặn lòng sông”. Chân “Đại-ngộ”.

Niêm: Người nhân thấy đó bảo đấy là nhân,
Người trí thấy đó bảo đấy là trí.

Tụng: Kia đây cùng gảy một cung đàn,
Trao phó tri âm biết diệu vang;
Có nguyệt không mây tuy cũng thế,

*Núi sông cao thấp lại đôi đàng,
Ủa! Trọn ngày theo hồng trần,
Chẳng biết báu nhà mình.
Ôi! Vung tay không vương toàn thể hiện,
Lão chài thuyền nhỏ đậu hoa lau.*

CHÚ THÍCH:

(1) **Từ-Minh.** — Tức Thạch-Sương Sứ-Viên (987—1040) người Toàn-Châu, Trung-Quốc, pháp-tự của Phần-Dương Thiện-Chiêu, tông Lâm-Tế. Thọ 54 tuổi, được phong tên hiệu là "Từ-Minh Thiên-Sư".

(2) **Chân-Điểm-Hung.** — Chân-Điểm-Hung Thiên-Sư, pháp-tự của Thạch-Sương Sứ-Viên Thiên-Sư, còn có tên riêng là "Thúy Nham Khả-Chân Thiên-Sư".

HẾT QUYỀN THƯỢNG

KHÓA HƯ LỤC

QUYỂN HẠ



Chế tác: **TRẦN THÁI-TÔNG HOÀNG ĐẾ**

Dịch giả: **Sa-môn THÍCH THANH KIÊM**



THÁI-TÔNG HOÀNG-ĐẾ NGỰ CHẾ

KHÓA HƯ LỤC



QUYỀN HẠ

KỆ CẢNH SÁCH CHÚNG GIỜ DẦN

Vàng Ô vừa hé mở

Mặt đất rạng dần dần

Mắt lóa bao màu sắc

Tâm vương mọi cảnh trần

Đừng tham ôm xác thịt

Hãy sớm cất đầu gân

Sáu niệm luôn luôn nhớ⁽¹⁾

Mong cầu hợp nẻo chân.

Nam mô Tận Hư Không biến pháp giới thập phương tam thế nhất thiết thương trụ Phật-Đà Da-Tôn.

Nam mô Tận Hư Không biến pháp giới thập phương tam thế nhất thiết thương trụ Đạt-Ma Da Tạng.

Nam mô Tận Hư Không biến pháp giới thập phương tam thế nhất thiết thương trụ Tăng-Già Da Chúng.

LỄ DÂNG HƯƠNG THỜI SÁNG SỚM

Núp thấy! Bóng thờ⁽²⁾ vừa chìm; vàng ô⁽³⁾ ló rạng.
Chiều phạm hợp giòng tịnh chúng; Cõi không lễ đấng
Thánh hiền. Mong thấu lòng thành; kính dâng hương
báu.

Hương này: Trồng tự rừng giới, tưới bằng nước
thiên-na; dẫn ở Tuệ viên, róc bằng dao giải thoát. Rìu
búa sức người chẳng cần đến; hình, thể tự nó vẫn
thiên nhiên. Hương báu tri-kiến tỏa lên; Kết thành đài
mây sáng vỡ⁽⁴⁾. Hương bay thơm lừng mọi chốn; Khói
tỏa đượm ngát khắp trời. Nay dâng hương cúng
dường, vào khóa lễ buổi sáng sớm.

KỆ DÂNG HƯƠNG

*Rừng thiên sự nước nước trầm hương,
Vườn tuệ chiêm-dàn giống khác thường;
Dao giới vẽ thành hình chớp núi;
Lò tâm tỏa ngát khắp mười phương.*

KỆ HIẾN HOA

*Hoa lòng rộ nở khắp nơi nơi,
Mưa rắc hoa trời vẫn kém tươi;
Đóa đóa nâng lên dâng cúng Phật,
Muôn đời gió nghiệp thổi không rơi.*
(Hiến hương hoa rồi bạch rằng:)
Kính dâng hương hoa này,

*Biển khắp mười phương cõi.
 Cúng dường hết thầy Phật,
 Tôn Pháp, chư Bồ-Tát,
 Vô lượng Thanh-Văn chúng,
 Và hết thầy Thánh-Hiền.
 Trỗi lên đài quang minh,
 Khắp cả vô biên cõi;
 Trong cõi Phật vô biên,
 Thọ dụng làm Phật sự.
 Khiến tất cả chúng sinh,
 Đều phát tâm Bồ-đề.*

Cúng dường rồi, dốc lòng kính lễ Thập phương vô thượng Tam-Bảo.

TÂU BẠCH

(Hồ quỳ bạch rằng:)

Kính tâu: Thập phương Đại-Giác. Tam thế Hùng-Sư. Sôi đuốc tuệ nẻo tối tăm; Thả bè từ nơi biển khô.

Trộm nghĩ: Canh gà vừa dứt; bóng thỏ đang chìm. Khối mây phủ sông núi tan rồi; xe ngựa khắp đó đây nhộn nhịp. Tiếng Mai-hoa ⁽⁵⁾ trên lầu mới dứt; chén Trúc-diệp ⁽⁶⁾ trước cửa hầu tàn. Đông đưa mây liễu nắng ban mai; e thẹn mặt hoa ngưng móc sớm. Gặp buổi tươi sáng; thương kẻ ngu mê. Trong đêm giấc mộng đã lờ mờ; thức dậy trong lòng còn rạo rục. Mất, tai mãi theo thanh, sắc; mũi, lưỡi say đắm vị, hương. Nhà lửa

nung nấu triều miên; sông ái đắm chìm mãi mãi. Mặc dầu sáng nay người thức tỉnh; cũng như đêm trước kẻ say mê. Chẳng lo sinh, già, ốm, chết lăm le; chỉ bận vợ, con, tiền tài trời buộc.

Các Phật-tử! Thân này chẳng vững; Mệnh cũng khó yên. Phạm kẻ trên đầu đội trời; tránh sao ánh mắt rơi đất. Một sớm xẩy tay mất mạng; muôn kiếp khó lại thân người. Cần phải mau mau gieo giống lành; đừng có khư khư tìm quả ác. Mọi người tỉnh giấc; ai nấy siêng tu. Dốc lòng lễ vô thượng Từ-Dung; trước mắt thấy Đại quang minh tạng. Đệ tử chúng con, kính tưởng thời này, lấy làm khóa lễ buổi sáng.

Tâu bạch rồi, dốc lòng kính lễ Thập phương vô thượng Tam-Bảo.

SÁM HỐI TỘI CĂN MẮT

(Lại hồ quỳ bạch rằng :)

Đệ tử chúng con, dốc lòng sám hối ! Kẻ từ vô thủy, vô lượng kiếp rồi. Bỏ mất bản tâm, chẳng theo chánh đạo. Đọa ba đường khổ, bởi sáu căn sai. Trước chẳng sám trừ, sau hối khó kịp. Nghiệp căn mắt ấy: Nhân ác nhìn kỹ, nghiệp thiện xem qua. Nhận lầm đốm hoa không, quên đi mắt trắng thật. Ghét yêu nổi dậy, tốt xấu chen nhau. Mắt liếc sinh càn, lu mờ chánh kiến. Xanh đi trắng lại, tía phải vàng sai. Nhìn bao thứ tà, như người đui mắt. Gặp kẻ sắc đẹp, liếc trộm nhìn ngang. Đui mù chưa sinh, bản lai diện mục. Thấy người giàu có, mắt dán chăm chăm; gặp kẻ bần cùng, tảng

lờ chẳng đoái. Nhà người mai táng, nước mắt dưng dưng; thân quyền thương vong, khóc tràn ra máu. Hoặc thấy Tam-Bảo, hoặc vào Già-Lam; gần tượng đối kính, bỏ qua không đoái. Nhà Tăng điện Phật, trai gái gặp nhau, mắt trước mắt sau, mê hoang sắc dục. Chẳng kính Hộ - Pháp, chẳng sợ Long-Thần; thỏa mắt ham vui, từng không kính lễ. Những tội như thế, vô lượng vô biên. Từ căn mắt sinh, đọa vào địa ngục. Trái Hăng-sa kiếp, mới được thọ sinh. Dù được thọ sinh, lại bị mù chột. Nếu chẳng sám hối, khó được tiêu trừ. Nay đối trước Phật, hết đều sám hối.

Sám hối rồi, dốc lòng kính lễ thập phương vô thượng Tam-Bảo.

DỐC LÒNG KHUYẾN THỈNH

(Lại quỳ bạch rằng :)

*Khuyến thỉnh mười phương tam thế Phật,
Cùng chư Bồ-Tát Thánh-Hiền Tăng;
Mở lòng từ bi rộng vô cùng,
Độ hết chúng sinh lên bờ giác.*

Khuyến thỉnh rồi, dốc lòng kính lễ thập phương vô thượng Tam-Bảo.

DỐC LÒNG TÙY HỖ

(Lại quỳ bạch rằng :)

*Con nay theo Phật sinh hoan hỷ,
Sớm hôm thành kính sám lỗi lầm;*

*Nấc thang Thập-Địa ⁽⁷⁾ nguyện bước lên,
Bồ-Đề chân tâm không thoái chuyển.*

Tùy hỷ rồi, dốc lòng kính lễ thập phương vô thượng Tam-Bảo.

DỐC LÒNG HỒI HƯƠNG

(Lại quý bạch rằng :)

*Chúng con hồi tâm nương Thánh-Chúng,
Rập đầu đánh lễ Đức Từ-Tôn;
Nguyện đem công đức tới quần sinh,
Nhờ nhân tốt này thành chính-giác.*

Hồi hương rồi, dốc lòng kính lễ thập phương vô thượng Tam-Bảo.

DỐC LÒNG PHÁT NGUYỆN

(Lại quý bạch rằng :)

Một	<i>Nguyện mở toang đường chánh kiến.</i>
Hai	<i>Nguyện lau sạch hết bụi trần.</i>
Ba	<i>Nguyện thấy hình không luyến ái.</i>
Bốn	<i>Nguyện nhìn sắc chẳng quan tâm.</i>
Năm	<i>Nguyện đường mê cần thấy rõ.</i>
Sáu	<i>Nguyện mắt tuệ tự viên thành.</i>
Bảy	<i>Nguyện xoay đời mê hiện tại.</i>
Tám	<i>Nguyện mãi được bản lai minh.</i>
Chín	<i>Nguyện khi nhìn trừ mọi huyễn.</i>
Mười	<i>Nguyện thấy hết hoa dóm sinh.</i>
Mười một	<i>Nguyện nhìn xem mây “chương” cuốn.</i>
Mười hai	<i>Nguyện chớp mắt nghiệp trong ngàn.</i>

Phát nguyện rồi, dốc lòng kính lễ thập phương vô
thượng Tam-Bảo.

KỆ VÔ THƯỜNG BUỔI SÁNG

*Vừa lúc màn đêm mở
Vàng hồng ló rạng dần
Đầu xanh chen tóc bạc
Má phấn đôi lần lặn
Đâu biết xuân xanh ngắn
Còn tranh nghiệp quả nhân
Thân như băng trước nắng
Tựa đức gặp phong luân
Chớ mãi làm người khách
Mau về với tính chân.*

CHÚ-THÍCH :

(1) **Sáu niệm.**— Nhớ nghĩ về 6 thứ :

1. Niệm Phật.
2. Niệm Pháp.
3. Niệm Tăng.
4. Niệm Giới.
5. Niệm Thí (bố thí).

6. Niệm Thiên (nghĩ sinh cõi trời). Nghĩa là người quy-y Tam-Bảo rồi cần phải giữ giới, làm hạnh bố thí để mong cầu sinh Thiên. Chủ đích của giáo pháp này để dạy cho hàng Ưu-Bà-Tắc, như ông Tu-Đạt-Đa trưởng giả, khi Đức Phật còn tại Thế. Nhưng 6 niệm đây, theo ý của Trần-Thái-Tông, còn có ý nghĩa phải chuyên niệm nhớ nghĩ 6 chữ Hồng-Danh là "NAM MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT".

(2) **Bóng thỏ.**— Dịch nghĩa bóng của chữ "Thiền Luân", là tên khác

của mặt trăng, còn gọi là " Thiêm Thỏ " (Bóng đen của mặt trăng). Chử Thiêm gọi đủ là Thiêm-Tử, có nghĩa là con cóc. Vì lý do Hằng-Nga ăn trộm thuốc tiên của Tây-Vương-Mẫu rồi chạy trốn vào trong mặt trăng mà hóa thành đốm đen. Nên gọi mặt trăng là Thiêm-Luân, Thiêm-Thỏ hay Thiêm-Cung.

(3) **Vằng ũ.**— Dịch nghĩa bóng của chữ " Long-chúc ", tên khác của mặt trời. Long-Chúc là tên vị thần núi Chung-Sơn. Còn gọi là "Chúc-Long " hay " Chúc-Âm ", đều là tên riêng của mặt trời. Theo Sơn-Hải-Kinh thì phương Tây-Bắc của bầu trời, có một nước không có ánh mặt trời, rất tối tăm, vì có con rồng ngậm lửa lại phun cho sáng, nên có tên gọi mặt trời " Long-Chúc ".

(4) Đoạn này nói dâng " Ngũ Phận Hương ", tức 5 phần hương : 1. Giới-hương. 2. Định-Hương. 3. Tuệ-Hương. 4. Giải-Thoát-Hương. 5. Giải Thoát Tri-Kiến Hương. Dâng 5 phần hương để cúng đường 5 phần Pháp-Thân là Giới-Thân, Định-Thân, Tuệ-Thân, Giải-Thoát-Thân và Giải-Thoát Tri-Kiến Thân.

(5) **Tiếng Mai-Hoa.**— Dịch ở chữ " Mai-Hoa-Thanh ", lấy từ chữ " Mai-Hoa-Dẫn". Mai-Hoa-Dẫn là tên một ca khúc cổ điển cho ông sáo biểu diễn trong khi vui mừng chúc tụng. Ca khúc này nói đủ là "Giang-Thành Mai-Hoa-Dẫn ".

(6) **Chén Trúc-Diệp.**— Trúc-Diệp là tên một thứ rượu, khi nấu có thêm gia-vị của lá cây trúc, nên gọi là " Trúc-Diệp-Tửu ".

(7) **Thập-Địa.** — 10 thứ trụ-xứ của Bồ-Tát (3 thừa cộng thông) : Theo Đại-Phẩm Bát-Nhã, Bồ-Tát đầy đủ được 10 ngôi địa này chứng được đạo Vô-thượng chánh-đẳng-chánh-giác :

1. Can-Tuệ-địa
2. Tính-địa
3. Bát-Nhãn-địa
4. Kiến-địa
5. Bạc-địa
6. Ly-dục-địa
7. Dĩ-tác-địa

8. Bích-Chi-Phật-địa

9. Bồ-Tát-địa

10. Phật-địa.

Đại-Thừa Bồ-Tát Thập-Địa :

1. Hoan-hỷ-địa

2. Ly-câu-địa

3. Phát-Quang-địa

4. Diễm-Tuệ-địa

5. Cực-Nan-Thắng-địa

6. Hiện-Tiền-địa

7. Viên-Hành-địa

8. Bất-Động-địa

9. Thiện-Tuệ-địa

10. Pháp-Vân-địa.

*

*

*

II

Nam mô tận hư không biến pháp giới thập phương tam thế nhất thiết thường-trụ Phật-Đà Da Tôn.

Nam mô tận hư không biến pháp giới thập phương tam thế nhất thiết thường-trụ Đạt-Ma Da-Tạng.

Nam mô tận hư không biến pháp giới thập phương tam thế nhất thiết thường-trụ Tăng-Già Da Chúng.

LỄ DÂNG HƯƠNG BUỔI TRƯA

(Niệm hương hồ quý bạch rằng :)

Núp thấy ! Mặt trời rực rỡ giữa trưa ⁽¹⁾; áng mây chói chang chính Ngọ ⁽²⁾. Thời gian ban ngày khó giữ; thành kính trước Phật khẩn cầu. Bày rãi lòng tin trước tòa vàng; đốt nén trầm hương trong đỉnh ngọc. Hương này, nuôi dưỡng tự tiên thiên, nào phải Bồng-Đào châu ⁽³⁾ sản xuất; ngát thơm cùng đại địa, chẳng từ rừng chiên đàn nảy sinh. Phẩm chất vượt cả trầm-dàn, mùi thơm ngát hơn lan-sạ. Khói lành bốc tỏa, đều từ lửa tam-muội tuôn ra; diễm lạ tung bay, vốn tự khí nhất-nguyên lan tới. Cá cá đỉnh đầu đều thấu triệt; người người hồng mũi hết nghe hương.

KỆ DÂNG HƯƠNG

Rừng thiên sự nước nước trầm hương

*Vườn tuệ chiêm-dàn giống khác thường
 Dao giới vẽ thành hình chớp núi
 Thành tâm dâng cúng khắp mười phương*

KỆ HIỂN HOA

*Hoa lòng nở khắp nơi nơi
 Mưa rác hoa trời vẫn kém tươi
 Đóa đóa nâng lên dâng cúng Phật
 Muốn đời gió nghiệp thổi không rơi
 (Hiển hương hoa rồi, bạch rằng :)
 Kính dâng hương hoa này
 Biển khắp mười phương cõi
 Cúng dường hết thấy Phật
 Tôn Pháp chư Bồ-Tát
 Vô lượng Thanh-Văn chúng
 Và hết thấy Thành-Hiền
 Trỗi lên đài quang minh
 Khắp cả vô biên cõi
 Trong cõi Phật vô biên
 Thọ dụng làm Phật-sự
 Khiến tất cả chúng sinh
 Đều phát tâm Bồ-Đề*

Cúng dường rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương
 vô thượng Tam-Bảo.

TÂU BẠCH

(Hồ quỳ bạch rằng :)

Kính tâu : Thập phương Đại-Giác, Tam thế Hùng-sư. Chuyện 6 ngã thành 6 thần-thông; nhiếp 9 loài ⁽⁴⁾ về 9 liên-phẩm. Trộm nghe : Gà xóm báo ngộ, mặt trời buổi trưa. Vàng hồng đứng giữa vòm trời xa; bóng đương thẳng đứng quanh mặt đất. Nắng rọi sân hoa như ngọc múa, gió đưa rặng liễu tựa vàng lay. Rực-rỡ long lanh chiếu dao-đài ⁽⁵⁾, lấp lánh chập chờn soi thêm ngọc. Lò nghê hương quyện, giữa mây xanh nắng chiếu trời quang; gối tiên giấc nồng, trên gác tía ngày dài đêm ngắn. Hè cực độ vàng trôi đá nứt. Đông khắc nghiệt sương rụng tuyết rơi. Nắng giữa trưa bụi vẫn thu quang; trời chính ngộ mây mù quét sạch. Đối cảnh, tánh trời rộng suốt, đương thời tâm địa soi thông. Nơi nơi sẵn có quang minh, bước bước đều không hắc ám.

Chư Phật-tử ! Mặt trời đứng bóng thời phải xế, con người có thịnh ắt có suy. Hình hài chẳng bền lâu, giàu sang nào giữ mãi. Nhanh tựa nước trên sông chảy, mau như mây đỉnh núi trôi. Lúc thường chẳng cậy nhân lành, ngày khác quyết về lối khổ. Sinh lòng tin chắc, gạt bỏ nghi ngờ. Chiều tan mê muội chúng sinh, sớm mở tâm chân chư Phật. Đệ tử chúng con, kính tưởng thời này, lạy làm khóa lễ buổi trưa.

Tâu bạch rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương vô thượng Tam-Bảo.

SÁM HỐI TỘI CĂN TAI

(Hò quý bạch rằng :)

Dốc lòng sám hối ! Đệ tử chúng con, kẻ từ vô thủy, vô lượng kiếp lai. Bỏ mất bản tâm, chẳng theo chính đạo. Đọa ba đường khổ, bởi sáu căn sai. Trước chẳng sám trừ, sau hối khó kịp. Nghiệp căn tai ấy : ghét nghe pháp chính, ưa thích lời tà. Mê mất bản tâm, nghe theo tật xấu. Vang rầm đàn sáo, lại bảo rỗng ngậm. Êm dềm mõ chuông, cho rằng éch rỗng. Bài ca khúc hát, chợt thấy sinh ham. Vỡ tán lời kinh, chẳng nghiêng tai lắng. Thoảng nghe khen hảo, lén lút kiếm tìm. Biết rõ lời hay, tảng lờ ghi nhận. Năm ba bạn rượu, vài cặp làng chơi. Nói ngẩn bần dãi, chụm đầu nghe kín. Hoặc gặp thầy bạn, dạy bảo đình ninh. Những điều hiếu trung, bịt tai chống cự. Hoặc nghe tiếng xuyên, bỗng nảy lòng dâm. Nghe nửa câu kinh, thoảng qua tai ngựa⁽⁶⁾. Những tội như thế, vô lượng vô biên. Kẻ như bụi trần, đếm không sao xiết. Sau khi mệnh hết, lại đọa ba đường. Khổ hết thọ sinh, mang quả báo điếc. Nếu không sám hối, sao được tiêu trừ. Nay đối trước Phật, hết đều sám hối.

Sám hối rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương vô thượng Tam-Bảo.

*

* *

DỐC LÒNG KHUYẾN THỈNH

(Lại quỳ bạch rằng :)

Khuyến thỉnh mười phương tam thế Phật

Cùng chư Bồ-Tát Thánh-Hiền Tăng

Mở lòng từ bi rộng vô cùng

Độ hết chúng sinh lên bờ giác.

Khuyến thỉnh rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương vô thượng Tam-Bảo.

DỐC LÒNG TÙY HỖ

(Lại quỳ bạch rằng :)

Con nay theo Phật sinh hoan hỷ

Sớm hôm thành kính sám lỗi lầm

Nấc thang thập địa nguyện bước lên

Bồ-Đề chân tâm không thoái chuyển.

Tùy hỷ rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương vô thượng Tam-Bảo.

DỐC LÒNG HỒI HƯỚNG.

(Lại quỳ bạch rằng :)

Chúng con hồi tâm nương Thánh-Chúng

Rập đầu kính lễ Đức Từ-Tôn

Nguyện đem công đức tới quần sinh

Nhờ nhân tốt này thành chính giác.

Hồi hương rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương
vô thượng Tam-Bảo.

DỐC LÒNG PHÁT NGUYỆN

(Lại quý bạch rằng :)

Một	<i>Nguyện nghe tiếng đều ngộ đạo</i>
Hai	<i>Nguyện thấy khổ sớm tu hành</i>
Ba	<i>Nguyện nghe thấu khắp bốn phương</i>
Bốn	<i>Nguyện tiếng vui ý không sanh</i>
Năm	<i>Nguyện lời càn mau xa lánh</i>
Sáu	<i>Nguyện chính ngữ lắng cho rành</i>
Bảy	<i>Nguyện Phạm-âm luôn gần gần</i>
Tám	<i>Nguyện trồng pháp mãi phân minh</i>
Chín	<i>Nguyện Quán-Âm trao tay nắm</i>
Mười	<i>Nguyện Khánh-Hỷ cùng nổi danh</i>
Mười một	<i>Nguyện điếc lác tan tội chướng</i>
Mười hai	<i>Nguyện vành tai suốt âm thanh.</i>

Phát nguyện rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương
vô thượng Tam-Bảo.

KỆ VÔ THƯỜNG THỜI NÀY

*Chớp mắt vàng ô mới ửng hồng
Quay đầu bóng nhật giữa hư không
Tham lam giấc ngủ mê say mãi
Chẳng biết hờ cao bóng dẽ lung
Phút chốc tàn hoa lần lượt ngã
Quanh co mệnh nắm thịnh suy cùng
Người người thức tỉnh mau soi lại
Rong ruổi đường mê tự luống công.*

CHÚ THÍCH :

(1) **Giữa trưa.** — Dịch ở chữ " Phong Chiếu ". " Phong " là 1 trong 64 quẻ trong Kinh Dịch. Quẻ Phong ䷛ có quẻ Ly ở dưới, quẻ Chấn ở trên, nên gọi là " Lôi-Hỏa Phong ", tượng trưng cho ánh sáng sung mãn, nên dịch là giữa trưa.

(2) **Chính ngọ.** — Dịch ở chữ " Ly Minh ". Ly là quẻ Ly ䷄ 1 trong 8 quẻ trong Kinh Dịch, tượng trưng cho lửa của vật sáng và còn là quẻ Ly ䷄ trong 64 quẻ; quẻ này có quẻ Ly ở trên và Ly ở dưới, có ý nghĩa là trũng minh, nên Ly Minh, dịch nghĩa bóng là chính ngọ.

(3) Chín loài. —

1. Thai-sinh
2. Loài noãn-sinh
3. Loài thấp-sinh
4. Loài hóa sinh
5. Loài hữu-sắc
6. Loài vô-sắc
7. Loài hữu-tướng
8. Loài vô-tướng
9. Loài phi hữu-tướng, phi vô-tướng.

(5) Dao-đài. — Nơi ở của Thần Tiên.

(6) **Tai ngựa.** — Dịch ở chữ " Mã nhĩ ". Nói đủ là " Mã nhĩ đông phong " nghĩa là gió thoảng qua tai ngựa, diễn tả ý kẻ không lưu tâm tới lời nói của người khác.

*

* *

III

Nam mô tận hư không biến pháp giới, thập phương tam thế nhất thiết thường trụ Phật-Đà Da Tôn.

Nam mô tận hư không biến pháp giới, thập phương tam thế nhất thiết thường trụ Đạt-Ma Da Tạng.

Nam mô tận hư không biến pháp giới, thập phương tam thế nhất thiết thường trụ Tăng-Già Da Chúng.

LỄ DÂNG HƯƠNG BUỔI MẶT TRỜI LẶN

(Hồ quỳ bạch rằng :)

Núp thấp ! Lưng trời rắng tụt, núi thẳm khói ngưng. Thân tới thanh tịnh đàn tràng, đánh lễ từ bi hiền thánh. Lòng thành mong thấu, kính đốt bảo hương. Hương này : Bồng-đào tên cao, Lục-dương ⁽¹⁾ phẩm lạ. Nào phải nước trầm ở Lâm Ấp ⁽²⁾ cúng dâng, chẳng phải tô-du từ Đại-Tần ⁽³⁾ cống hiến. Khí vượt Phong-Huyện ⁽⁴⁾ xạ hương ⁽⁵⁾. Mùi át Ô-Chành ⁽⁶⁾ long-não ⁽⁷⁾. Độc chiếm giá cao bậc nhất, lừng danh thơm ngát phi phạm. Hương báu bay lên, chiếu phạm hun thành đàn-thế-giới ⁽⁸⁾, ngọc lô vừa đốt, toàn tiêu kết lại Thận lâu-đài ⁽⁹⁾. Tìm đến huyền ảo tiêu càn-thành, ngửi vào vị chua tan Diêm-ngục. Nay mặt trời lặn, đốt hương cúng dường.

KỆ DÂNG HƯƠNG

Rừng thiên sực nước nước trầm hương
 Vườn tuệ chiêm-đàn giống khác thường
 Dao giới vẽ thành hình chớp núi
 Lò tâm tỏa ngát khắp mười phương.

KỆ HIỂN HOA

Hoa lòng nở rộ khắp nơi nơi
 Mưa rắc hoa trời vẫn kém tươi
 Đóa đóa nâng lên dâng cúng Phật
 Muôn đời gió nghiệp thổi không rơi.
 (Dâng hương hoa rồi bạch rằng :)
 Kính dâng hương hoa này
 Biển khắp mười phương cõi
 Cúng dường hết thầy Phật
 Tôn Pháp chư Bồ-Tát
 Vô lượng Thanh-Văn Chúng
 Và hết thầy Thánh-hiền
 Trỗi lên đài quang minh
 Khắp cả vô biên cõi
 Trong cõi Phật vô biên
 Thọ dụng làm Phật-sự
 Khiến tất cả chúng sinh
 Điều phát tâm Bồ-Đề

Cúng đường rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương vô thượng Tam-Bảo.

TÂU BẠCH

(Hò quý bạch rằng:)

Kính tâu! Thập phương Đại-Giác, Tam thế Hùng-Sư. Vung kiếm tuệ ở rừng tà, thổi gió từ vào nhà lửa. Trộm nghe: Ráng đỏ phủ núi, mặt trời gác non. Giọng ốc đầu thành điệu bi ai, tiếng thốt ngoài rèm nghe thắm đậm. Hát chiều, thuyền chài quay lại bến, vỗ nhẹ, chim lượn trở về rừng. Lờ mờ sa mạc bày nhận rơi, lác đác liễu xanh đàn ve hát. Lửa đóm lập lòe nơi nội rộng, vành trăng lơ lửng giữa trời cao. Cửa phen vừa khép gà đậu chuông, đèn lửa chưa lên trâu về trại. Lữ khách ruổi ngựa như tên bắn, thuyền về chèo gấp tựa thoi đưa. Thương kẻ hôn mê, lại vào đường tối. Ngay ban ngày lối đi còn chẳng rõ, lúc hoàng hôn quên cả ngã về nhà. Lữ kia, như mất tuệ chẳng đầy, cảnh ấy, kẻ mê đường ắt đọa.

Các Phật tử! Nên nghĩ vô thường nhanh chóng, chớ tham phù thế xa hoa. Phải mau kéo mũi quay về, chớ có buông lòng rộng rãi. Điều tự soi về chiếu lại, đừng khiến đuôi cảnh cầu ngoài. Nếu là tri âm, chính nên tiến bước. Đệ tử chúng con kính tưởng thời này, lấy làm khóa lễ buổi mặt trời lặn.

Tâu bạch rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương vô thượng Tam-Bảo.

SÁM HỐI TỘI CĂN MŨI

(Lại hò quỳ bạch rằng:)

Dốc lòng sám hối! Đệ tử chúng con, kẻ từ vô thủy, vô lượng kiếp lai, bỏ mất bản tâm, chẳng biết chính đạo. Đọa ba đường khổ, bởi sáu căn sai, trước chẳng sám trừ, sau hối khó kịp. Nghiệp căn mũi ấy: Thường tham mùi lạ, trắm vị sặc nồng; chẳng thích chân hương, năm phần thanh tịnh. Lan xông sạ ướp, chăm chú tìm cầu; hương giới, định hun, nào từng ngửi biết. Lò trầm-đàn đốt, trước tượng Phật-Đà; cúi đầu ngửi hương, tạt khói hít vị. Theo đuôi trần thức, khinh mạn long thân; ham thích ngửi xằng, không hề chán mỗi. Mật đào má hạnh, kéo cũng chẳng đi; cây giác hoa tâm, lồi về không đoái. Hoặc đến chợ búa, hoặc vào bếp đun; những chỗ hôi tanh, nghĩ ăn tìm uống. Chẳng sợ hôi thối, chẳng tránh cay nồng; ham đắm không ngại, như heo sục bã. Hoặc hỉ mũi đặc, hoặc khạc đờm vàng; bôi cột quệt thêm, như nơi đất sạch. Hoặc nhân say ngủ, điện Phật nhà Tăng; lỗ mũi tuôn hơi, hun kính xông tượng. Ngửi sen là trộm, hít khí thành dâm; chẳng biết chẳng hay, đều vì nghiệp mũi. Những tội như thế, vô lượng vô biên; khi bỏ mệnh rồi, chịu ba đường khổ. Trái trần sa kiếp, mới được làm người; ví được thọ sinh, lại báo mũi nghẹt. Nếu chẳng sám hối, sao được tiêu trừ. Nay đối trước Phật, hết đều sám hối.

Sám hối rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương vô thượng Tam-Bảo.

DỐC LÒNG KHUYẾN THỈNH

(Lại quỳ bạch rằng:)

*Khuyến thỉnh mười phương tam thế Phật**Cùng chư Bồ-tát Thánh-Hiền Tăng**Mở lòng từ bi rộng vô cùng**Độ hết chúng sinh lên bờ giác.*

Khuyến thỉnh rồi, dốc lòng quy mệnh lễ Thập phương vô thượng Tam-Bảo.

DỐC LÒNG TÙY HỖ

(Lại quỳ bạch rằng:)

*Con nay theo Phật sinh hoan hỷ**Sớm hôm thành kính sám lỗi lầm**Nấc thang thập địa nguyện bước lên**Bồ-đề chân tâm không thoái chuyển.*

Tùy hỷ rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương vô thượng Tam-Bảo.

DỐC LÒNG HỒI HƯƠNG

(Lại quỳ bạch rằng:)

*Chúng con hồi tâm nương Thánh chúng**Rập đầu đánh lễ Đức Từ-Tôn**Nguyện đem công đức tới quần sinh**Nhờ nhân tốt này thành chính-giác.*

Hồi hướng rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương
vô thượng Tam-Bảo.

DỐC LÒNG PHÁT NGUYỆN

(Lại quỳ bạch rằng:)

Một	<i>Nguyện trừ hết tà khí loạn</i>
Hai	<i>Nguyện nhận vào tuệ hương huân</i>
Ba	<i>Nguyện đóng thành hồng vô lậu</i>
Bốn	<i>Nguyện thờ tan hữu duyên trần</i>
Năm	<i>Nguyện kéo về đường Tam-Bảo</i>
Sáu	<i>Nguyện si đi loại tứ sanh</i>
Bảy	<i>Nguyện tắt trừ chướng phiền não</i>
Tám	<i>Nguyện gửi vào giác-hoa tâm</i>
Chín	<i>Nguyện thường thông mọi thứ pháp</i>
Mười	<i>Nguyện lấp hết nhân ngũ tân</i>
Mười một	<i>Nguyện kéo về chơi bể tánh</i>
Mười hai	<i>Nguyện giắt ra khỏi mê tân.</i>

Phát nguyện rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương
vô thượng Tam-Bảo.

KỆ VÔ THƯỜNG THỜI NÀY

*Cảnh giục trời gác núi
Thời nào tiếc thôn âm
Buông lung theo ý ngựa
Chẳng chịu cột viên tâm
Bóng nhạt ra rồi lặn
Thân người nổi lại trầm
Già đi ngu với trí
Chết đến cổ cùng cầm*

*Chẳng khỏi vô thường đến
 Nào qua đại hạn lâm
 Đều nên làm chính đạo
 Chớ lạc nẻo tà lâm.*

CHÚ THÍCH :

(1) **Lục-dương** : Biển xanh, có thể là tên gọi " Thái Bình Dương " hiện nay.

(2) **Lâm-Áp** : Việt-Nam.

(3) **Đại-Tần** : Chỉ các nước Ba-Tư, Ai-Cập, La-Mã.

(4) **Phong-Huyện** : Tên huyện, nằm ở phía Tây-Bắc huyện An-Hương, tỉnh Hồ-Nam.

(5) **Xạ Hương** : Con thú rừng, giống như con hươu mà bé không có sừng, lông đen, bụng có một cái bông da, to bằng quả trứng gà mùi rất thơm, gọi là xạ hương.

(6) **Ô-Chành** : Tên nước ở Bắc Ấn-Độ, âm dịch từ chữ " Udyana".

(7) **Long-não** : Tức long-não hương thụ, tên cây gỗ thơm ở xứ nhiệt đới.

(8) **Đàn thể-giới** : Tức thể giới chiêm đàn.

(9) **Thận lâu đài** : Dịch ở chữ Thận-khi lâu. Khi khí trời tĩnh, ở nơi hải đảo có những ảnh giả của ánh sáng soi biển giọi lên trên không, thành ra muôn hình ngàn trạng, ngày xưa cho là vì con sò thần nó hóa ra và gọi là Thận lâu thị hay Càn-Thất-bà thành, mắt nhìn thấy mà không có thực.

*

* *

IV

KỆ KHUYÊN CHÚNG BUỔI HOÀNG HÔN

*Cảnh dục nương dâu tới
Vàng ô gác núi dần
Quang âm nào đứng mãi
Lão bệnh dễ vương thân
Chết đến ai hay tiếc
Ngày đi khó kẻ ngăn
Người người nên đề mất
Hôn, tán chớ quan tâm.*

KỆ TÁM KHỔ

*Sinh đến nên người bao khó nhọc
Già nua điếc lác ý mông lung
Bệnh xâm bốn đại đau khôn xiết
Chết dọa ba đường nghiệp trối chung
Ân ái xa lìa thương nhớ mãi
Oán thù gặp gỡ hận vô cùng
Tìm cầu chẳng được thêm phiền não
Năm âm tranh nhau đấu sức hùng.*

Nam mô tận hư không biến pháp giới, thập phương tam
thế nhất thiết thường trụ Phật-Đà Da Tôn

Nam mô tận hư không biến pháp giới, thập phương tam
thế nhất thiết thường trụ Đạt-Ma Da Tạng.

Nam mô tận hư không biến pháp giới, thập phương tam
thế nhất thiết thường trụ Tăng-Già Da Chúng.

LỄ DÂNG HƯƠNG BUỔI CHẬP TỐI

Núp thấy ! Lửa đom đóm điểm không, đèn thuyền
chài chiếu nước. Tịnh lữ trên dàn đều tối, hương lòng
trong đỉnh châm lên. Hương này : Sản vật chẳng sinh ở
non cao, chủng loại không tươi bằng trầm thủy. Đâu
phải thần long điểm xuất, chính do Bò-Tát chứa tàng.
Rừng ngư đầu ⁽¹⁾ thơm ngát không hai, Vườn Kê-thiệt
⁽²⁾ mùi hương thứ nhất. Gươm tuệ dẫn, vót bằng dao
giới rất mực thanh kỳ; nước định rửa, đốt bằng lửa
thiền mùi thơm sực nức. Đâu chỉ dàn tràng thấy ngát,
mọi nơi khắp chốn thơm lừng. Một nén hương xông,
nhiều đời nghiệp hết. Nay buổi vừa tối, đốt hương
cúng đường.

KỆ DÂNG HƯƠNG

Rừng thiền sực nức nước trầm hương

Vườn tuệ chiêm-dàn giống khác thường

Dao giới vẽ thành hình chớp núi

Lò tâm tỏa ngát khắp mười phương.

KỆ HIỂN HOA

*Hoa lòng rộ nở khắp nơi nơi
Mưa rắc hoa trời vẫn kếm tươi
Đóa đóa nâng lên dâng cúng Phật
Muôn đời gió nghiệp thổi không rơi.*

(Hiển hương hoa rồi bạch rằng :)

*Kính dâng hương hoa này
Biển khắp mười phương cõi
Cúng dường hết thầy Phật
Tôn Pháp chư Bồ-Tát
Vô lượng Thanh-văn chúng
Và hết thầy Thánh-Hiền
Trỗi lên đài quang minh
Khắp cả vô biên cõi
Trong cõi Phật vô biên
Thọ dụng làm Phật-sự
Khiến tất cả chúng sinh
Đều phát tâm Bồ-đề.*

Cúng dường rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương
vô thượng Tam-Bảo.

TÂU BẠCH

(Hò quỳ bạch rằng :)

Kính tâu ! Thập phương Đại-Giác, tam thế Hùng-sư. Đèn tuệ chur Phật mở toang, nhà tối quần sinh chiếu khắp. Trộm nghe : Kèn lâu mới thổi, trống cảm vừa truyền, nhà nhà đèn sáp sáng trưng, chồn chồn mờ rờng cháy rục. Ngựa khôn thôi hí trên đường phố, cá vàng ngưng nhảy chốn ao trong. Lập lòe mặt nước ánh đóm qua, lấp ló đầu non vành trăng ngậm. Trước lầu Anh-Vũ, tham dấm thú lạc mê hoa; bên đài Phương-Hoàng say sưa liên hoan tiệc rượu. Hoặc vịnh trắng cợt gió, hoặc thổi sáo gảy đàn. Ai nấy chớ quên việc sau thân, mọi người nên để duyên trước mắt.

Các Phật tử ! Nên rõ đường trước khó tiến bước, chớ ham gói cao thích giấc nồng. Lên giường khó giữ xuống giường, đêm nay nào biết đêm tới. Cửa nghĩa thứ nhất nên thẳng tiến, đường ác ba ngã chớ đi vào. Quay đầu nhận rõ quê hương mình, mở mắt chớ ham phù thế mộng. Đệ tử chúng con, kính tưởng giờ này, lấy làm khóa lễ chập tối.

Tâu bạch rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương vô thượng Tam-Bảo.

SÁM HỐI TỘI CĂN LƯỠI

(Lại quỳ bạch rằng :)

Dốc lòng sám hối ! Đệ tử chúng con, kẻ từ vô thủy, vô lượng kiếp lại, bỏ mất bản tâm, chẳng biết chính

đạo. Đọa ba đường khổ, bởi sáu căn sai. Trước chẳng sám trừ, sau hối khó kịp. Nghiệp căn lưới ấy: Tham đủ mọi vị, thích biện tinh thô. Ném đủ các mùi, biết ngay gầy béo. Giết hại mạng vật, nuôi dưỡng thân mình. Xào rán cá chim, nấu ninh cầm thú. Tanh hôi quanh miệng, tòi hẹ xông lòng. Xét lại ăn rồi, chưa từng no mãi. Tới đám chay tiểu, lễ Phật cầu Thần, nhẫn chịu đói lòng, chờ đến xong việc. Thường ngày ăn sáng, cơm ít nước nhiều, giống tựa người đau, gương dùng thuốc cháo. Mỡ dầu ngập mắt, cười nói oang oang. Khuyên uống mời ăn, lựa nóng bỏ lạnh. Thét tân đãi khách, trai vợ gái chồng, giết hại chúng sinh, do ba tác lưới. Dựng lời nói dối, dẹt tiếng điêu ngoa; lưới trở đôi chiều, miệng gây điều ác. Mắng nhiếc Tam-Bảo, nguyên rủa hai thân; mạn Thánh khinh thần, báng vua lừa bố. Nói tốt xấu bạn, che tội lỗi mình; bình luận nay xưa, dim nâng này khác. Khoe khoang giàu có, lãng nhục nghèo cùng; sua đuổi Tăng, Ni, trách mắng tội tứ. Lời gièm như độc, nói khéo tựa kèn. Sửa lỗi che lầm, nói hư làm thực. Oán hờn nóng rét, khắc nhỏ sông ngòi. Đùa cợt phòng Tăng, huyền não niệm Phật. Những lỗi như thế, vô lượng vô biên; ví như bụi trần tính không thể xiết. Sau này mệnh hết, vào ngục Thiết-lê; kéo lưới cây hoai, nước đồng rót mãi. Địa ngục báo hết, muôn kiếp mới sinh; ví được làm người, chịu báo căm ngọng. Nếu chẳng sám hối, sao được tiêu trừ. Nay đối trước Phật, hết đều sám hối.

Sám hối rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương vô thượng Tam-Bảo.

DỐC LÒNG KHUYẾN THỈNH

(Lại quỳ bạch rằng :)

Khuyến thỉnh mười phương tam thế Phật

Cùng chư Bồ-Tát Thánh Hiền Tăng

Mở lòng từ bi rộng vô cùng

Độ hết chúng sinh lên bờ giác

Khuyến thỉnh rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương vô thượng Tam-Bảo.

DỐC LÒNG TÙY HỖ

(Lại quỳ bạch rằng :)

Con nay theo Phật sinh hoan hỷ

Sớm hôm thành kính sám lỗi lầm

Nấc thang thập địa nguyện bước lên

Bồ-đề chân tâm không thoái chuyển.

Tùy hỷ rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương vô thượng Tam-Bảo.

DỐC LÒNG HỒI HƯỞNG

(Lại quỳ bạch rằng:)

Chúng con hồi tâm nương Thánh-Chúng

Rập đầu danh lễ Đức Từ-Tôn

Nguyện đem công đức tới quần sinh

Nhờ nhân tốt này thành chính giác.

Hồi hương rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương
vô thượng Tam-Bảo.

DỐC LÒNG PHÁT NGUYỆN

(Lại quỳ bạch rằng:)

Một	<i>Nguyện ăn no vô thượng vị</i>
Hai	<i>Nguyện thọ hết thế gian tình</i>
Ba	<i>Nguyện biện tài trừ mọi hoặc</i>
Bốn	<i>Nguyện thích nói độ quần sanh</i>
Năm	<i>Nguyện thường chuyển vô tận tạng</i>
Sáu	<i>Nguyện uống hết giòng pháp dương</i>
Bảy	<i>Nguyện sớm nhận Đại-Ngu thọ ⁽³⁾</i>
Tám	<i>Nguyện mau cùng Lâm-Tế thanh ⁽⁴⁾</i>
Chín	<i>Nguyện lười dãi cùng Phật che</i>
Mười	<i>Nguyện trong sạch như trời xanh</i>
Mười một	<i>Nguyện thế gian không cảm ngọng</i>
Mười hai	<i>Nguyện địa ngục hết trâu canh ⁽⁵⁾</i>

Phát nguyện rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương
vô thượng Tam-Bảo.

KỆ VÔ THƯỜNG THỜI NÀY

*Sắc ngày đã hết tới màn đêm
Đường tối lờ mờ lại tối thêm
Chỉ biết khêu đèn nhà khác rạng
Nào hay thấp đức tự mình xem
Lung linh bóng tỏ vừa phở diễn
Lấp lánh vàng ô đã lặn chìm
Chết sống xoay vần đều thế cả
Quy y Tam-Bảo phải lo tìm.*

CHÚ THÍCH:

(1) **Rừng Nguru-Đầu:** Tức Nguru-Đầu chiên-đàn, cây chiên-đàn hương thơm sản xuất ở núi Nguru-Đầu, Nam Ấn-Độ. Chiên-đàn là từ dịch âm ở chữ candana. Kinh "Chính-Niệm xứ" chép: "Vĩ đỉnh núi đó giống như đầu trâu, ở trong núi này có sản sinh cây chiên đàn nên gọi là "nguru đầu".

(2) **Vườn Kê-Thiệt:** Tên hương Kê-Thiệt. Ở Giao-Chỉ có cây mặt hương cây này khi ra hoa không có mùi thơm, nhưng khi thành hạt lại rất thơm, lấy đó làm hương Kê-Thiệt.

(3) **Đại-Ngu-Thổ:** Tức Đại-Ngu thổ thiết, Ngài Đại-Ngu lè lưỡi.

(4) **Lâm-Tế thanh:** Tức Lâm-Tế hát, tiếng hét của ngài Lâm-Tế.

Thổ thiết và tiếng hét đều là những cơ dụng, cơ ngữ của các bậc thiên-sư để tôi luyện đệ tử, giắt dẫn tới phần diệu-ngộ.

(5) **Trâu canh:** Tức lê-nguru canh, trâu kéo lưỡi tội nhân nơi địa ngục.

*

*

*

V

Nam mô tận hư không biến pháp giới, thập phương tam thế nhất thiết thường trụ Phật-Đà Da Tôn.

Nam mô tận hư không biến pháp giới, thập phương tam thế nhất thiết thường trụ Đạt-Ma Da Tạng.

Nam mô tận hư không biến pháp giới, thập phương tam thế nhất thiết thường trụ Tăng-Già Da Chúng.

LỄ DÂNG HƯƠNG NỬA ĐÊM

(Hồ quỳ bạch rằng:)

Núp thấy! Giọt canh ba chuyển, tiếng muôn vật chìm. Lục hòa Tăng Lữ họp nghiêm đàn, một nén hương thơm quanh pháp-giới. Hương này: Âm dương kết tụ, trời đất sinh thành. Công lao vun trồng chẳng một đời, sức lực giữ gìn nhờ trăm đắng. Cõi cảnh tốt nhất, ơn nhờ mưa pháp thấm nhuần; thể chất nêu cao, vốn được mây lành che phủ. Giống lạ chớ đem cây phàm sánh, mùi thơm không dễ kẻ tục hay. Đốt trong lò vàng, mảnh mảnh vừa châm vào ngọn lửa; kết thành tàn báu, tầng tầng tiếp thẳng đến vàng mây. Dâng bày đối Thánh lễ nghi, nêu tỏ thâu phàm niệm kính. Nay nửa đêm đến, đốt hương cúng dường.

KỆ DÂNG HƯƠNG

Rừng thiên sự nước nước trầm hương
Vườn tuệ vun trồng giống khác thường
Dao giới vô thành hình chớp núi
Lò tâm tỏa ngát khắp mười phương.

KỆ HIỂN HOA

Hoa lòng rộ nở khắp nơi nơi
Mưa rắc hoa trời vẫn kém tươi
Đóa đóa nâng lên dâng cúng Phật
Muôn đóa gió nghiệp thổi không rơi.
(Hiển hương hoa rồi bạch rằng:)
Kính dâng hương hoa này
Biển khắp mười phương cõi
Cúng dường hết thầy Phật
Tôn pháp chư Bồ-Tát
Vô lượng Thanh-Văn chúng
Và hết thầy Thánh-Hiền
Trỗi lên dài quang minh
Khắp cả vô biên cõi
Trong cõi Phật vô biên
Thọ dụng làm Phật-sự
Khiến tất cả chúng sinh
Đều phát tâm Bồ-Đề.

Cúng dường rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương vô thượng Tam-Bảo.

TÂU BẠCH

(Hò quý bạch rằng:)

Kính tâu: Thập phương Đại-Giác, Tam thế Hùng-Sư. Ruổi tay vàng tiếp độ quần sinh, phóng tia ngọc soi quang mọi cõi. Trộm nghe: Giờ vừa sang Tý, canh đã nửa đêm. Ngọn đèn dọi bạc lửa hầu tàn, đường phố kính kỳ đều lảng bụi. Bao trận gió mây tuôn vạn dặm, một vầng trăng sáng chiếu canh ba. Lơ thơ cành trúc lọt ánh vàng, lấp lánh sân hộc khoe vẻ ngọc. Hạc oán im hơi trong trướng huệ, vượn thương kêu hú khắp rừng tùng. Xa xa Sâm, Đẩu gác Ngân-hà ⁽¹⁾, vắng vắng qui, thần sầu hoang dã. Cuộc kêu thảm thiết, giấc điệp mê man. Thân huyền lè loi trong một rừng, mộng hồn rong ruổi ngoài ngàn dặm. Cam chịu ma ngũ thường quá nhiều, nào hay đức trí vẫn sáng bừng. Ngoài nhà thần, phách lạc hồn bay, trong hang qui, che người nhắm mắt. Chỉ tham lam nơi giấc ngủ, đâu suy nghĩ đến chân-như. 30 bo chiếc gối dọi bình minh, lo lảng trăm năm khi mạng hết.

Các Phật tử! Nên nghĩ bốn rần ⁽²⁾ bức bách, chớ quên 2 chuột ⁽³⁾ gặm mòn. Luân hồi ba cõi thời nào thôi, quanh quần bốn sinh bao giờ dứt. Đường vắng sinh nên bước tới, xe tiếp dẫn phải vịn vào. Cửa ngục nơi đâu, đêm nay phá vỡ. Đệ tử chúng con kính tưởng thời này, lầy lăm khóa lễ nửa đêm.

Tâu bạch rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương vô thượng Tam-Bảo.

SÁM HỐI TỘI CĂN THÂN

(Lại quỳ bạch rằng:)

Dốc lòng sám hối! Đệ tử chúng con, kể từ vô thủy, vô lượng kiếp lai. Mê mất bản tâm, chẳng biết chính đạo. Đọa ba đường khổ, bởi sáu căn sai. Trước chẳng sám trừ, sau hối khó kịp. Nghiệp căn thân ấy: Tinh cha huyết mẹ, giả hợp mà thành; năm tạng trăm xương, cùng nhau kết tụ. Chấp lầm ngã thể, quên mất Pháp-thân. Sát, đạo, dâm sinh, tạo thành ba nghiệp.

Nghiệp sát sinh ấy thường là tàn khốc, không dạ từ nhân; giết hại bốn loài, biết đâu một thể. Nhàm thường cố sát, tự làm sai người. Hoặc vẽ chú bùa, dùng cách yểm ếm. Hoặc chế thuốc độc, làm hại sinh linh. Chỉ việc hại người, không lòng thương vật. Hoặc đốt rừng núi, hoặc lấp suối khe. Chăng lưới tung chài, thả unction suyt chó. Thấy nghe tùy hỷ, nghĩ tưởng theo làm. Mỗi cử động gây, đều là tội lỗi.

Trộm cắp nghiệp ấy: Thấy của kẻ khác, lén khỏi lòng riêng. Đập khóa mở ngăn, gỡ bao cậy tráp. Thấy của thường trụ, nảy sinh lòng tham. Đoạt làm của nhà, không sợ Thần giận. Chăng những vàng ngọc, mới phạm tội to. Ngon cỏ mũi kim, cũng thành nghiệp trộm.

Nghiệp tà dâm ấy: Tâm mê thanh sắc, mất đắm phần hoa. Chăng đoái liêm trinh, trạnh sinh tư dục. Hoặc ở nơi sạch, diện Phật nhà Tăng. Cận sự gái trai,

cùng nhau đùa cợt. Tung hoa ném quả, xéo cẳng vỗ vai. Khoét vách trèo tường, đều thành dâm nghiệp.

Mọi tội như thế, vô lượng vô biên. Tới lúc mệnh chung, sa vào địa ngục. Gái nằm giường sắt, trai ôm cột đồng. Muôn kiếp mới sinh, lại gặp tội báo. Nếu chẳng sám hối, sao được tiêu trừ. Nay đối trước Phật, hết đều sám hối.

Sám hối rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương vô thượng Tam-Bảo.

DỐC LÒNG KHUYẾN THỈNH

(Lại quỳ bạch rằng :)

Khuyến thỉnh mười phương tam thế Phật

Cùng chư Bồ-Tát Thánh-Hiền Tăng

Mở lòng từ bi rộng vô cùng

Độ hết chúng sinh lên bờ giác.

Khuyến thỉnh rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương vô thượng Tam-Bảo.

DỐC LÒNG TÙY HỖ

(Lại quỳ bạch rằng :)

Con nay theo Phật sinh hoan hỷ

Sớm hôm thành kính sám hối lầm

Nấc thang thập địa nguyện bước lên

Bồ-Đề chân tâm không thoái chuyển.

Tùy hỷ rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương vô thượng Tam-Bảo.

DỐC LÒNG HỒI HƯƠNG

(Lại quý bạch rằng :)

*Chúng con hồi tâm nương Thánh-chúng**Rập đầu đánh lễ Đức Từ-Tôn**Nguyện đem công đức tới quần sinh**Nhờ nhân tốt này thành chính-giác.*

Hồi hương rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương
vô thượng Tam-Bảo.

DỐC LÒNG PHÁT NGUYỆN

(Lại quý bạch rằng :)

- | | |
|----------|--|
| Một | <i>Nguyện mệnh căn mau thành tuệ</i> |
| Hai | <i>Nguyện thể tướng biến thành chân</i> |
| Ba | <i>Nguyện gieo thân cầu đại pháp</i> |
| Bốn | <i>Nguyện tới lừa ngộ thâm nhân</i> |
| Năm | <i>Nguyện đốt mình đèn Đức Phật</i> |
| Sáu | <i>Nguyện đập tủy báo sư ân</i> |
| Bảy | <i>Nguyện xin đầu cho không tiếc</i> |
| Tám | <i>Nguyện lấy mắt cũng làm thân</i> |
| Chín | <i>Nguyện thoa hương không có thích</i> |
| Mười | <i>Nguyện cắt thịt chẳng sinh sân</i> |
| Mười một | <i>Nguyện đời đời xa yêu đắm</i> |
| Mười hai | <i>Nguyện kiếp kiếp lia hiêu trần ⁽⁴⁾</i> |

Phát nguyện rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương
vô thượng Tam-Bảo.

BÀI KỆ VÔ THƯỜNG THỜI NÀY

Muốn tiếng vừa im lặng
 Canh ba trống đổ hồi
 Cuộc kêu nghe thảm thiết
 Giấc điệp cứ lãn trôi
 Kiến lẩn cây hòa mục
 Trờ thành cá lướt bơi
 Không hay vàng thỏ mọc
 Chỉ luyến đóa hoa cười
 Lạc mất nhà ngàn dặm
 Tham lam giấc ngủ thôi
 Hay đâu thân giả tạm
 Ngày tháng luống mê hoài

CHÚ THÍCH :

(1) **Xa xa sâm, Đẩu gác Ngâm-hà** : Dịch ở câu " Điều điều Hà-hán Đẩu Sâm hoành ". Hà-hán tức sông Ngâm-hà hay Thiên-hà. Sâm là tên một ngôi sao trong Nhị Thập Bát Tú. Đẩu là tên của tinh tú, gồm có Nam-Đẩu (6 sao), Bắc-Đẩu (7 sao), và Tiểu-Đẩu (5 sao). Gọi sao Đẩu phần nhiều là để chỉ chòm sao Bắc-Đẩu.

(2) **Bốn rần** : Dịch ở chữ " Tứ xà ", tức là độc xà, bốn con rắn độc. Lấy tư độc xà để dụ cho Tứ Đại là địa, thủy, hỏa, phong. Kinh Niết-Bàn chép : " Tự xem thân mình như bốn rắn độc ". Vì bốn đại trong thân thể con người ta một khi chống trái nhau thì sinh ra nhiều bệnh hoạn.

(3) **Hai chuột** : Dịch từ chữ " Nhị Thử ". Hai chuột, đen và trắng để dụ cho ngày và đêm.

(4) **Hiệu-trả** : Cõi đời ồn ào, bụi bặm, mê muội.

VI

Nam mô tận hư không biến pháp giới, thập phương tam thế nhất thiết thường trụ Phật-Đà Da Tôn.

Nam mô tận hư không biến pháp giới, thập phương tam thế nhất thiết thường trụ Đạt-Ma Da Tạng.

Nam mô tận hư không biến pháp giới, thập phương tam thế nhất thiết thường trụ Tăng-Già Da Chúng.

LỄ DÂNG HƯƠNG CUỐI ĐÊM

(Hò quý bạch rằng :)

Núp thấy ! Sao Đẩu chuyền Bắc, sông Hán nghiêng Tây. Giấc bướm bên gối còn say, tiếng ốc trên lầu vừa dứt. Chúng Bật-Sô họp nơi chiếu phạm, trước Bạc-Già dâng nén hương tin. Hương này : Giống từ cung nguyệt đem về, rễ mọc trong non chằng chịt. Dáng hình khác tục, thể chất phi phàm. Vượt xa hương Tước-đầu⁽¹⁾ nước Ngô, cao hơn mùi Quy-giáp⁽²⁾ rừng quế. Đốt lên đầu dùng lửa giận, khói bay nhờ cánh gió từ. Nào phải phẩm chất hương phàm, thật là phương cao vị lạ. Lặn tẩn dật tở bay mà kết thụ, ngọt ngào hun khí tốt để thành diễm. Nghi ngút trước Phật tòa vàng, phang phát ngoài hiên rèm ngọc. Quay đầu tìm kiếm, quang minh ngay chốn tự nhiên sinh; trước mặt hương hun,

tịch-diệt do đây thân chứng được. Nay buổi đêm hết, đốt hương cúng dường.

KỆ DÂNG HƯƠNG

*Rừng thiên sực nước tưới trăm hương
 Vườn tuệ vân trồng giống khác thường
 Dao giới vẽ thành hình chớp núi
 Lò tâm tỏa ngát khắp mười phương.*

KỆ HIỂN HOA

*Hoa lòng rộ nở khắp nơi nơi
 Mưa sắc hoa trời vẫn kém tươi
 Đóa đóa nâng lên dâng cúng Phật
 Muôn đời gió nghiệp thổi không rơi
 (Hiển hương hoa rồi bạch rằng :)
 Kính dâng hương hoa này
 Biển khắp mười phương cõi
 Cúng dường hết thấy Phật
 Tôn Pháp chư Bồ-Tát
 Vô lượng Thanh-Văn chúng
 Và hết thấy Thánh-Hiền
 Trỗi lên đài quang minh
 Khắp cả vô biên cõi
 Trong cõi Phật vô biên
 Thọ dụng làm Phật-sự*

Khiến tất cả chúng sinh

Đều phát tâm Bồ-Đề

Cúng dường rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương vô thượng Tam-Bảo.

TÂU BẠCH

(Lại hồ quỳ bạch rằng :)

Kính tâu ! Thập phương Đại-Giác, Tam thế Hùng-Sư. Rót nước cam-lộ cứu quần cơ, cầm ngọc thần châu soi tấm tối. Trộm nghe: Trùng thúc năm đạo, gà giục ba hồi. Đài sập yển tiệp bóng lụi tàn, chòm sao Ngân-Hán gương mờ lặn. Giác điệp trả về nơi thế mộng, tiếng chuông phá vỡ nẻo âm u. Đầu non biếc ngậm nửa trăng mờ, mặt biển xanh vàng hồng chưa ùng. Vách cỏ, dế kêu rồn rập, đường xưa, vó ngựa rộn ràng. Đầu thành làn khói nhạt vấn vương, ngoài trời móc sớm bay lá tả. Chính là lúc Tăng-Già hành-đạo, cũng là thời Đạo-sĩ trừng-tâm ⁽³⁾. Ngàn nhà muôn hộ cửa còn cài, một dèm sáu thời công đã trọn. Đường đời mù mịt, muôn loại loay hoay. Tuy sợ đang đêm ôm gối nằm, chưa tỉnh trọn đời khơi mắt ngủ.

Chư Phật-tử ! Nhược bằng suốt đêm ham vui thú, khiến dễ trọn ngày tính hôn mê. Đến nỗi chẳng chói một đời, đều bởi “tán” “hôn” hai chữ. Vì người mở thẳng một tuyến lộ, dành để mai này tác-gia xem. Nên biết mạng người khó thường, chớ để thời này uổng phí. Nhìn xem Tịnh-độ trước mắt, nhận thấy Di-Đà trong tâm. Nếu hay vui vẻ đảm đương, liền được trong ấy

hiển hiện. Đệ tử chúng con, kính tưởng thời này, lấy làm khóa lễ cuối đêm.

Tâu bạch rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương vô thượng Tam-Bảo.

SÁM HỐI TỘI CĂN Ý

(Lại quỳ bạch rằng :)

Dốc lòng sám hối ! Đệ tử chúng con, kể từ vô thủy, vô lượng kiếp lai. Mê mất bản tâm, chẳng biết chính đạo. Đọa ba đường khổ, bởi sáu căn sai. Trước chẳng sám trừ, sau hối khó kịp. Tội căn ý ấy : Vin duyên nghi tưởng, không một chút dừng. Gắn bó tình trần, chặt lòng chất tướng. Như tằm làm kén, càng buộc càng ràng. Như ngài tới đèn, tự thiêu tự đốt. Hôn mê chẳng biết, diên đảo càng sinh. Khuấy rối tắc lòng, đều do ba độc :

Tội sèn tham ấy : Âm mưu ghen ghét, sèn tiếc mong cầu. Mười vốn ngàn lời, còn cho chưa đủ. Tiền như sông chứa, tâm tựa chén dò. Rót vào vẫn không, nói chưa đầy đủ. Thóc mục tiền nát, chẳng cứu đói nghèo. Chất đồng lụa là, nào từng giúp đỡ. Được người trăm thứ, chưa kể là nhiều. Tôn hại một đồng, trở thành hao lớn. Trên từ ngọc báu, dưới đến tơ gai. Kho đục chất đầy, chưa từng bố thí. Bao nhiêu sự việc, đêm nghĩ ngày lo. Khổ ý nhọc lòng, đều từ tham nghiệp.

Tội sân giận ấy : Căn tham làm gốc, tự đốt lửa sân. Mất giận miệng la, hại hòa tổn khí. Chẳng những kẻ tục, đến cả hàng Tăng. Kinh sách luận bàn, cùng nhau

công kích. Chê cả sư trưởng, nhiếc đến mẹ cha. Cỏ nhân héo vàng, lửa độc bốc cháy. Buông lời tổn vật, cất tiếng hại người. Chẳng nghĩ lòng từ, không tuân luật cấm. Bàn thiên tựa thánh, dối cảnh như ngu. Dầu ở cửa không, chưa thành vô ngã. Như cây sinh lửa, lửa cháy cây tàn. Đều bởi nghiệp sân, gây tội như thế.

Ngu si tội ấy : Căn tính ngoan độn, ý thức mê mờ. Chẳng biết tôn ly, chẳng phân thiện ác. Giết gấu tay gãy, dẫn cây hại mình. Báng Phật gieo tai, nhổ trời ướm mặt. Quên ân quên đức, trái nghĩa trái nhân. Chẳng xét chẳng lường, đều vì si nghiệp.

Những tội như thế, rất nặng rất sâu. Đến khi mệnh chung, sa vào địa ngục. Trái ức ngàn kiếp, mới được thác sinh. Dù được thọ sinh, lại gặp ngoan báo. Nếu chẳng sám hối, sao được tiêu trừ. Nay đối trước Phật, hết đều sám hối.

Sám hối rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương vô thượng Tam-Bảo.

DỐC LÒNG KHUYẾN THỈNH

(Lại quỳ bạch rằng :)

Khuyến thỉnh mười phương tam thế Phật

Và chư Bồ-Tát Thánh Hiền Tăng

Mở lòng từ bi rộng vô cùng

Độ hết chúng sinh lên bờ giác.

Khuyến thỉnh rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương vô thượng Tam-Bảo.

DỐC LÒNG TÙY HỖ

(Lại quý bạch rằng :)

*Con nay theo Phật sinh hoan hỷ
Sớm hôm thành kính sám lỗi lầm
Nấc thang thập địa nguyện bước lên
Bỏ đê chân tâm không thoái chuyển.*

Tùy hỷ rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương vô thượng Tam-Bảo.

DỐC LÒNG HỒI HƯƠNG

(Lại quý bạch rằng :)

*Chúng con hồi tâm nương Thánh-chúng
Rập đầu đánh lễ Đức Từ-Tôn
Nguyện đem công đức tới quần sinh
Nhờ nhân tốt này thành chính giác.*

Hồi hương rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương vô thượng Tam-Bảo.

DỐC LÒNG PHÁT NGUYỆN

(Lại quý bạch rằng :)

Một	<i>Nguyện linh nguyện thường vắng lặng</i>
Hai	<i>Nguyện tàng thức hết phan duyên</i>
Ba	<i>Nguyện khỏi ngờ đều phá nát</i>
Bốn	<i>Nguyện trãng định mãi chu viên</i>
Năm	<i>Nguyện pháp trần quên khởi diệt</i>
Sáu	<i>Nguyện lưới ái khỏi triền miên</i>

Bảy	<i>Nguyện Tư duy tu thập địa</i>
Tám	<i>Nguyện nghe kỹ bỏ tam thiên⁽⁴⁾</i>
Chín	<i>Nguyện tâm vượn dùng khua múa</i>
Mười	<i>Nguyện ý ngựa tất roi kiềm</i>
Mười một	<i>Nguyện Mỡ lòng theo Phật dạy</i>
Mười hai	<i>Nguyện thích ứng Tổ-sư thiên.</i>

Phát nguyện rồi, dốc lòng quy mệnh lễ thập phương
vô thượng Tam-Bảo.

KỆ VÔ THƯỜNG THỜI NÀY

*Trống pháp khua tan giấc điệp nồng
Chuông chùa phá vỡ mộng trong không
Tham lam giấc ngủ say sưa mãi
Chẳng đoái vàng ô má ứng hồng
Mờ mịt đêm dài thời có sáng
Lờ mờ ngả tối khó đường thông
Ngày nay nếu chẳng siêng hành đạo
Mai một sao hay gặp Thế-Hùng.*

KỆ KHUYẾN CHÚNG
của
THÁI TÔNG HOÀNG ĐẾ

Sinh già ốm chết
Lý đó dương nhiên
Muốn cầu giải thoát
Cởi buộc thêm triền
Mê mà cầu Phật
Hoặc mà cầu thiên
Thiên không cầu nữa
Ngậm miệng lặng yên

CHÚ THÍCH :

(1) **Hương Tước đầu** : Một thứ danh hương. Còn gọi là Sa-thảo hay Hương-phụ-tử.

(2) **Qui-giáp** : Tên một thứ hương. Qui-giáp-hương, tức từ chỗ tinh luyện của quế hương mà trang sức, hình như mai rùa nên gọi là qui-giáp.

(3) **Đạo-sĩ trùng tâm** : Dịch từ câu " Vũ-khách triều chân ". Vũ khách còn gọi là Tiên-nhân, Vũ Nhân hay đạo sĩ. Nghĩa là người tu Đại-Đạo, gọi là Đạo-sĩ. Triều chân có nghĩa là trùng tâm. Phật giáo gọi là Tọa thiền. Đạo gia gọi là Triều Chân.

(4) **Tam-Thiên** : Ba cõi trời : Trời Dục-giới, Trời Sắc-giới và Trời Vô-sắc-giới. Vì trong ba cõi trời này còn trong vòng luân hồi.

HẾT QUYỂN HẠ

MỤC LỤC

	Trang
— Tựa "Khóa Hư Lục"	5

QUYỂN THƯỢNG

— Nói về sắc thân	20
— Văn khuyên phát tâm Bồ-đề	24
— Văn răn sát sinh	34
— Văn răn trộm cắp	36
— Văn giới sắc	38
— Văn răn vọng ngữ	40
— Văn răn giới rượu	42
— Bàn về Giới Định Tuệ	44
— Bàn về Thọ giới	46
— Bàn về Niệm Phật	47
— Bàn về Tọa Thiền	49
— Bàn về gương Tuệ Giác	51
— Bàn về sách Thiền Tông Chỉ Nam	52
— Bài tựa kinh Kim Cương Tam Muội	57
— Tựa Khoa-nghi sáu thời sám hối	61

— Tựa văn lễ sám bình đẳng	63
— Nói rộng một đường hướng thượng	64
— Ngũ-lục vấn đáp môn hạ	69
— Lời vấn đáp trong môn nhân	70
— Niêm tụng kệ (Âm-Nghĩa)	72

QUYỀN HẠ

— Kệ cảnh sách chúng giờ Dần	125
— Lễ dâng hương thời sáng sớm	126
— Lễ dâng hương buổi trưa	134
— Lễ dâng hương buổi mặt trời lặn	141
— Kệ khuyên chúng buổi hoàng hôn	148
— Kệ tám khổ	148
— Lễ dâng hương buổi chập tối	149
— Lễ dâng hương nửa đêm	156
— Lễ dâng hương cuối đêm	163

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH
ấn hành

- *Chịu trách nhiệm xuất bản* : TT. THÍCH GIÁC TOÀN
— *Biên tập kỹ thuật* : ĐĐ. THÍCH THIÊN MINH
ĐĐ. THÍCH ĐỒNG BỔN
— *Sửa bản in & kỹ thuật in* : TRẦN VĂN SAO
PHÁP TUỆ



In tại Nhà in Báo Sài Gòn Giải Phóng. Số lượng 3.000 cuốn.
Do **Thành Hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh** ấn hành.
Giấy phép số 237 / XBNT-GP ngày 20-8-1992 của Sở Văn
hóa Thông tin TP. Hồ Chí Minh. Nộp lưu chiểu tháng 10-1992



12010000005095